-NAM CỘNG-HÒA

NGOẠI-GIAO

NGOẠI GIAO KỶ-YẾU

HIỆP-ĐỊNH GENÈVE 1954

VÀ

ỦY-HỘI QUỐC-TẾ KIỂM-SOÁT ĐÌNH-CHIẾN TẠI VIỆT-NAM

BỘ 1971

Ó ĐẶC-BIỆT

Digitized by Google

Digitized by Google

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ NGOẠI-GIAO

HIỆP-ĐỊNH GENÈVE 1954

VÀ

ỦY-HỘI QUỐC-TẾ KIỂM-SOÁT ĐÌNH-CHIẾN TẠI VIỆT-NAM

BỘ 1971

SỐ ĐẶC-BIỆT

Digitized by Google

(AAD
DS
S[illegible]
.V64
1971

Digitized by Google

GL S-1
VN 0851-254
Cuc
1 - 1 - 12

MỤC - LỤC

Trang

— Lời nói đầu 7

— Bối-cảnh lịch-sử đưa đến Hiệp-định Genève 1954 9

— Lập-trường của Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đối với việc thi-hành Hiệp-định Genève 1954 và việc thành-lập Ủy-Hội Quốc-Tế Kiểm-soát đình-chiến tại Việt-Nam 13

— Hiệp-định Đình-chỉ Chiến-sự ở Việt-Nam 53

— Tuyên bố cuối cùng 71

— Bản Tuyên-Ngôn của Ông Trần-văn-Đỗ, trưởng Phái-đoàn Việt-Nam 75

— Bản Báo Cáo Đặc Biệt của Ủy-Hội Quốc-Tế Kiểm Soát Đình Chiến tại Việt-Nam gửi hai vị đồng Chủ-tịch 77

Phụ-đính :

— Các văn-kiện bằng nguyên-văn chính-thức 87

Digitized by Google

Digitized by Google

"... Tôi lại còn quyết tâm giải-quyết chiến-tranh đem lại một nền hòa bình trong tự-do, no ấm cho toàn dân và bảo đảm miền Nam này không mất vào tay Cộng-Sản dù dưới bất cứ một hình thức nào qua một thủ-đoạn gian-manh nào của Cộng-Sản.

(Trích Thông-điệp của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa Nguyễn-Văn-Thiệu đọc trước Quốc-Hội Lưỡng-Viện ngày 31-10-1970).

Digitized by Google

Digitized by Google

Lời nói đầu

Ủy-Hội Quốc-Tế Kiểm-Soát Đình-Chiến được thành lập tại Việt-Nam để kiểm-soát việc thi-hành các điều khoản của Hiệp-định Genève ký kết ngày 20-7-1954.

Việt-Nam Cộng-Hòa không ký kết và không bị ràng buộc bởi Hiệp-định này. Tuy vậy, vì tha thiết với sự tái lập và duy-trì hòa-bình trên giải đất thân yêu này, nên Chánh-Phủ ta không những chấp nhận sự hiện diện của tổ-chức ấy tại Việt-Nam, mà lại còn dành mọi sự hợp-tác và giúp-đỡ cho cơ-quan được chu toàn nhiệm-vụ.

Mục đích của tập kỷ yếu ngoại-giao này là để giúp quý vị độc giả hiểu rõ lập trường của Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đối với Hiệp-Định Genève 1954 cũng như tổ-chức và hoạt-động của Ủy-Hội Quốc-Tế với các ưu, khuyết điểm.

Vì mưu đồ của Cộng-Sản Quốc-Tế là thống-trị vùng Đông-Nam Á bằng một cuộc chiến-tranh cách-mạng liên tục và toàn diện, cho nên trong tương lai, Hiệp-Định Genève 1954 phải được thay thế bằng một Hiệp-Định hoàn hảo hơn nhằm ngăn chặn hữu hiệu Cộng-Sản Bắc-Việt, không cho chúng tái diễn xâm lăng Việt-Nam Cộng-Hòa và các quốc-gia khác trên bán đảo Đông-Dương.

Khi chiến-tranh chấm dứt, nền hòa-bình phải được bảo đảm bằng một tổ-chức kiểm-soát quốc-tế vô tư, có đầy đủ phương tiện, quyền hạn rộng lớn và được một lực lượng quốc-tế võ trang mạnh mẽ hỗ trợ. Như vậy, chúng ta mới hy vọng đạt được một nền hòa-bình thật sự và vĩnh cửu.

Hiệp-Định Genève 1954 một phần nào đã gây trở ngại cho Việt-Nam Cộng-Hòa trong việc tham gia vào các tổ-chức phòng thủ địa-

Digitized by Google

phương và liên minh quân-sự khả dĩ giúp cho ta đối phó với sự xâm lăng của Cộng-Sản Bắc-Việt. Vì vậy, sau này chúng ta phải dành lấy quyền hiện đại hóa quân-đội và quyền tham-dự các liên minh quân-sự mà Hiệp-Định Genève 1954 đã từ chối. Quyền tự vệ này đã được công nhận trong Hiến-Chương Liên-Hiệp-Quốc nên không ai có thể tước đoạt của chúng ta được.

Với những nhận xét trên, tôi ước mong tập kỷ yếu ngoại-giao này sẽ giúp ích một phần nào trong việc nghiên cứu và sưu tầm các tài-liệu hữu-ích trong việc dự thảo các Hiệp-Định và thành lập cơ quan quốc-tế kiểm soát đình chiến sau này.

Lịch-sử là một pho sách kinh nghiệm phong phú. Người quốc-gia yêu nước cần phải biết sử dụng kinh nghiệm ấy trong việc phụng sự quyền lợi thiêng liêng của dân tộc.

Saigon ngày 15 tháng Giêng 1971.

Tổng-Trưởng Ngoại-Giao

TRẦN-VĂN-LẮM

Digitized by Google

Bối-cảnh lịch-sử đưa đến Hiệp-định Genève 1954

*

Trước khi trình-bày vấn đề Hiệp-Định Genève 1954 và tổ-chức Ủy-Hội Quốc-Tế, thiết tưởng cũng nên phác họa những diễn biến chính-yếu của lịch-sử đã đưa đến Hiệp-Định này.

Nhật-Bản đảo-chánh Pháp ngày 09-03-1945, thay thế Pháp cai trị Đông-Dương khiến chủ-quyền của Pháp thiết-lập trong hơn 80 năm, sụp đổ một cách mau chóng.

Sau đó, Nhật-Bản đầu hàng Đồng-Minh ngày 15-08-1945 và theo quyết-định của Hội-Nghị Postdam công việc giải-giáp quân-đội Nhật từ vĩ-tuyến 16 trở ra Bắc được trao cho quân-đội Trung-Hoa, từ vĩ-tuyến 16 trở vào Nam được trao cho quân-đội Anh.

Chính-quyền Việt-Nam liền được Nhật-Bản chuyển giao cho Bảo-Đại ngày 17-08-1945 và Bảo-Đại ủy-thác Ông Trần-Trọng-Kim thành-lập chính-phủ.

Sau các cuộc biểu-tình rầm-rộ do Việt-Minh là Cộng-Sản trá-hình tổ-chức ngày 19-08-1945 tại Hanoi, ngày 23-08-1945 tại Huế và ngày 25-08-1945 tại Saigon, Việt-Minh đã lợi dụng lòng ái-quốc nồng-nhiệt của toàn dân, khéo léo khoác bộ áo chống quân phiệt Nhật và thực-dân Pháp, cướp được chính-quyền một cách dễ-dàng.

Ngày 24-08-1945 Bảo-Đại quyết-định thoái-vị và chính-phủ Trần-Trọng-Kim từ chức. Hồ-Chí-Minh liền ra mắt quốc-dân ngày 02-09-1945, tuyên bố nước Việt-Nam độc-lập và thành-lập nền Cộng-Hòa Nhân-Dân.

Chính-phủ Pháp do Tướng De Gaulle lãnh-đạo, thi-hành âm mưu tái chiếm Đông-Dương, cử Tướng Leclerc thống-lãnh lực-lượng quân-sự Pháp ở Viễn-Đông và bổ-nhiệm Đô-Đốc d'Argenlieu làm

Digitized by Google

Cao-Ủy Pháp tại Đông-Dương. Ngày 23-09-1945 quân-đội Pháp bắt đầu đổ bộ tại Saigon và lần lượt chiếm đóng các tỉnh lỵ miền Nam.

Trong khi đó, vì các mâu-thuẫn trầm-trọng giữa Cộng-Sản Việt-Minh và Trung-Hoa Dân-Quốc, Hồ-Chí-Minh liền ký ngày 06-03-1946 Hiệp-Định sơ bộ cho Pháp đem quân ra Bắc. Theo Hiệp-Định này, Việt-Minh sẵn-sàng đón tiếp quân-đội Pháp tới thay thế quân-đội Trung-Hoa và Pháp chỉ công nhận Cộng-Hòa Việt-Nam là một quốc-gia tự-do trong Liên-Bang Đông-Dương và trong khối Liên-Hiệp Pháp. Như vậy, Việt-Minh đã không những chấp nhận sự hiện diện của quân-đội Pháp trên lãnh-thổ quốc-gia, mà còn đặt đất nước vào khuôn khổ chật hẹp của Liên-Hiệp Pháp và phản bội cao trào đòi độc-lập của toàn dân.

Sở dĩ Việt-Minh nhượng bộ Pháp là để giải quyết những khó khăn nội-bộ và nhất là để tiêu-diệt các đảng phái quốc-gia. Trong những ngày 11, 12 và 13 tháng 07 năm 1946, Việt-Minh phái quân-đội tới chiếm đóng trụ-sở của Việt-Nam Quốc-Dân Đảng cũng như trụ-sở của Đồng-Minh Hội. Rất nhiều đảng-viên của hai đảng quốc-gia này bị công-an Việt-Minh bắt giữ và thủ-tiêu. Trước đó, Nguyễn-Hải-Thần đã sang Trung-Quốc cùng với sự triệt-thoái ra khỏi Việt-Nam của quân-đội Trung-Hoa. Ngoài ra, Nguyễn-Tường-Tam và Vũ-Hồng-Khanh cũng vượt biên-giới qua Trung-Quốc. Từ đó, Việt-Minh không gặp sự phản đối nào đáng kể, nỗ-lực củng-cố địa-vị, thiết-lập độc-tài đảng trị và bành-trướng quân-đội.

Tuy nhiên, với âm mưu tái chiếm Đông-Dương, Pháp đã được Việt-Minh thỏa-hiệp đem quân ra Bắc, liền lợi dụng mọi cơ hội gây chiến-tranh. Chiến sự bùng nổ giữa Pháp và Việt-Minh tại Hanoi đêm 19-12-1946 sau khi xảy ra vụ xung-đột tại Hải-Phòng ngày 23-11-1946 do Đại-Tá Dèbes nhận được mật lệnh của Cao-Ủy d'Argenlieu cố tình khiêu-khích để chiếm cứ Hải-Phòng.

Vào mùa Xuân 1946, Pháp tái-lập các cơ-cấu hành-chánh ở Bắc cũng như ở Nam Việt-Nam. Năm 1947, quân-đội Pháp kiểm soát được một số lớn các tỉnh lỵ tại Bắc-Việt, trong khi Việt-Minh nắm giữ miền thôn-quê. Với mục đích tranh-thủ nhân-tâm tại Việt-Nam, Pháp ký kết ngày 08-03-1949, một Hiệp-Ước với Bảo-Đại công nhận nền độc-lập của Việt-Nam trong Liên-Hiệp Pháp.

Năm 1949, quân-đội của Mao-Trạch-Đông chiếm cứ toàn thể Trung-Hoa lục-địa. Chúng tiến tới biên-giới Việt-Nam, tiếp-tế đầy-

Digitized by Google

đủ võ-khí tối tân và cử các cố-vấn quân-sự sang giúp Việt-Minh. Được thế, Võ-Nguyên-Giáp huy động toàn lực cộng-quân bao vây Điện-Biên-Phủ, xử dụng trọng pháo do Trung-Cộng viện-trợ và áp dụng chiến-thuật biển người tấn công căn cứ này. Ngày 07-05-1954, Điện-Biên-Phủ thất-thủ. Quân-đội viễn-chinh Pháp đã bại trận một cách nhục nhã.

Kết quả là Pháp và Việt-Minh thỏa thuận ký kết Hiệp-Định Genève ngày 20-07-1954 để chấm dứt chiến cuộc.

Hậu-quả tai hại nhất của Hiệp-Định Genève 1954 là sự chia đôi đất nước Việt-Nam. Việt-Minh đã phản bội dân-tộc ký kết tay đôi với Pháp, chia cắt lãnh-thổ Việt-Nam trái với nguyện vọng của toàn thể nhân-dân Việt-Nam. Hiệp-Định Genève 1954 cũng đặt dân chúng miền Bắc dưới ách thống-trị bạo tàn của cộng-sản. Nhờ đó, chúng mới áp dụng một chính-sách độc-tài để củng-cố lực-lượng. Với sự trợ giúp tích-cực của khối Cộng-Sản quốc-tế, chúng phát động cuộc chiến-tranh tàn khốc xâm-lăng nhằm thôn-tính miền Nam tự-do.

* * *

Hiệp-định Genève 1954 (Phụ bản số 1) là một văn kiện kết thúc cuộc chiến tại Việt-Nam bằng sự chia đôi đất nước, mặc dầu Phái-Đoàn Việt-Nam tại Hội-nghị Genève đã phản đối việc Pháp và Bắc-Việt chia cắt nước Việt-Nam : « Chánh-Phủ Việt-Nam tự dành cho mình quyền hoàn toàn tự do hành động để bảo vệ quyền thiêng liêng của dân tộc Việt-Nam trong công cuộc thực hiện thống nhứt, độc lập và tự do cho xứ sở ».

Nói đến Hiệp-định Genève là nói đến một vấn đề rất quen thuộc mà mọi người Việt-Nam ai cũng biết.

Nhưng đường lối của Chánh-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đối với Hiệp-định Genève này ra sao thì đã được Ông Bộ-Trưởng Ngoại giao xác nhận rõ rệt trong bức thư đề ngày 22-5-1956 gửi hai vị đồng Chủ-tịch Hội-nghị Genève :

« Không bị Hiệp-định Genève ràng buộc, Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đã cố tìm cho các vấn đề do Hiệp-định ấy đặt ra ở Việt-Nam những biện pháp thực tế không trái với chính sách hòa bình và chủ quyền của Việt-Nam Cộng-Hòa ».

Digitized by Google

Ủy-Hội Quốc-Tế là cơ quan có trách nhiệm giám sát và kiểm-soát việc thi hành Hiệp-định Genève 1954 về Việt-Nam.

Những vấn đề sau đây sẽ lần lượt được đề cập tới :

Phần I : Lập trường của Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đối với Hiệp-định Genève 1954.

Phần II : Việc thành lập Ủy-Hội Quốc-Tế kiểm-soát đình-chiến tại Việt-Nam.

A. — Tổ chức

B. — Nhiệm vụ

C. — Đặc quyền

D. — Ngân sách

E. — Các cơ quan liên lạc với Úy-Hội Quốc-Tế tại Việt-Nam Cộng-Hòa và Bắc-Việt.

F. — Các ưu, khuyết điểm của Úy-Hội Quốc-Tế.

Phần III : Các kết quả thâu đạt được.

A. — Tố cáo các vụ vi phạm Hiệp-định Genève.

B. — Thành tích hoạt động của Ủy-Hội Quốc-Tế và Phái-Đoàn giao-dịch.

C. — Thắng lợi : Bản báo cáo đặc biệt ngày 2-6-1962.

Phần IV : Kết luận.

Digitized by Google

PHẦN I

LẬP-TRƯỜNG CỦA CHÁNH-PHỦ VIỆT-NAM CỘNG-HÒA ĐỐI VỚI HIỆP-ĐỊNH GENÈVE 1954

*

Khi nói đến Hiệp-định Genève năm 1954, người ta thường chỉ nghĩ đến kết quả tức thời là :

— Thứ nhất, Hiệp-định ấy đã chấm dứt cuộc chiến tranh nóng ở Đông-Dương ;

— Thứ hai, Hiệp-định đã chia cắt đất nước Việt-Nam ra làm đôi và dành toàn thể miền Bắc cho đế quốc đỏ.

Nhưng thực ra được ký kết trong một bầu không khí thất bại và đầu hàng Cộng-sản, Hiệp-định Genève 1954 còn chứa đựng những sự thiếu sót và nhân nhượng của thực dân, khiến hậu quả của nó còn sâu rộng hơn nhiều, trong hiện tại cũng như trong tương lai. Chính những sự thiếu sót và nhân nhượng ấy là mầm rễ nuôi dưỡng một cách không ngờ nhưng nguy hiểm, sự bành trướng của thế lực Cộng-sản hiện nay trong vùng Đông-Nam Á.

Thực vậy, trong khi các nước Tự-do dân-chủ tôn trọng một cách quá ư thực thà những lời cam kết quốc tế, thì Cộng-sản luôn luôn ngoan cố lợi dụng những sơ hở của Hiệp-định Genève cũng như sự thực thà của khối Tự-do, để phản bội lời hứa, gây một sự đe dọa trầm trọng và liên tục cho nền hòa bình ở Đông-Nam Á.

Tình hình hiện nay ở Ailao, ở Kampuchia và ở Việt-Nam Cộng-Hòa đã chứng tỏ điều ấy.

Ở Ailao, Cộng-sản Bắc-Việt đã ngang nhiên lợi dụng sự triệt-thoái của quân đội Pháp sau khi Hiệp-định Genève về Ailao được ký kết trong năm 1962, để gởi thêm bộ đội, vũ khí vào Ailao, giúp Lào-cộng mở rộng vùng ảnh hưởng và chiếm đóng những đất đai phì nhiêu.

Digitized by Google

Tại Kampuchia, từ nhiều năm nay, Cộng-sản Bắc-Việt chiếm cứ vùng biên giới dọc theo Việt-Nam Cộng-Hòa, lập các căn cứ địa tấn công Việt-Nam Cộng-Hòa. Khi Chánh-phủ Kampuchia yêu cầu Cộng-sản Bắc-Việt rút quân ra khỏi lãnh thổ Kampuchia, Cộng-sản Bắc-Việt đã xâm lăng thực sự quốc-gia này bằng cách chiếm đóng thêm một phần đất Kampuchia.

Tại Việt-Nam Cộng-Hòa, sự ngoan cố ấy còn rõ rệt và quan trọng hơn nữa : ngay từ năm 1954, Cộng-sản Bắc-Việt đã khai thác triệt để sự nhượng bộ và tinh thần bạc nhược của Pháp để vi phạm thỏa hiệp đình chiến, để lại miền Nam hàng tiểu đoàn chính quy để hoạt động sau này, cũng như chúng đã dùng hết cách để ngăn cản cuộc di cư vĩ đại của nhân dân miền Bắc vào Nam.

Sau đó, chúng đã lợi dụng những sự thiếu sót của Hiệp-định Genève như quy chế lỏng lẻo của Khu Phi Quân-Sự, quyền hạn yếu ớt của Ủy-Hội Quốc-Tế, để một mặt, tăng cường quân lực, củng cố miền Bắc, mặt khác, võ trang Khu Phi Quân-Sự, đưa quân đội và võ khí vào miền Nam, công nhiên mở màn cho một cuộc chiến tranh xâm lăng và phá rối. Cuộc chiến tranh này hiện còn đang tiếp diễn khốc liệt, gây bao nhiêu thiệt hại và tang tóc cho nhân dân miền Nam.

Không những thế, Cộng-sản Bắc-Việt còn đồng thời ráo riết vận động về mặt ngoại giao và chính trị một lần nữa trên căn bản Hiệp-định Genève, hòng thôn tính nốt miền Nam bằng lá bài trung-lập giả tạo và một chiều.

Đứng trước tình trạng nguy hiểm ấy, chánh sách của Chánh-Phủ đối với Hiệp-định Genève nói riêng và Cộng-Sản nói chung, có một tầm vô cùng quan trọng vì nó liên quan đến sự tồn vong của Tổ-quốc, sự sống còn của dân tộc.

Vậy chánh sách ấy như thế nào ?

Ta phải nhận định rằng, ngay từ ngày Hiệp-định Genève 1954 được ký kết, ta đã có một lập trường rõ rệt khi Trưởng Phái-Đoàn Việt-Nam tại hội-nghị, Đại-sứ Trần-Văn-Đỗ, đã ra một tuyên ngôn phản đối sự phân chia lãnh thổ và việc ấn định ngày tổng tuyển cử (Phụ bản số 2).

« Chánh-Phủ Việt-Nam yêu cầu Hội-nghị ghi nhận một cách chánh thức rằng Việt-Nam long trọng phản đối cách ký kết hiệp-

Digitized by Google

định cùng những điều khoản không tôn trọng nguyện-vọng sâu xa của dân Việt. Chánh-Phủ Việt-Nam yêu cầu Hội-nghị ghi nhận rằng Chánh-Phủ Việt-Nam tự dành cho mình quyền hoàn toàn tự do hành động để bảo vệ quyền thiêng liêng của dân tộc Việt-Nam trong công cuộc thực-hiện Thống-nhất, Độc-lập và Tự-do cho xứ sở ».

Ngày 16-7-1955, Chánh-Phủ tuyên bố :

« Chúng ta không ký Hiệp-định Genève. Bất cứ về phương diện nào, chúng ta không thể bị ràng buộc bởi bản Hiệp-định đó, đã được ký kết trái với ý nguyện của toàn dân Việt-Nam ».

Năm 1956, khi quân đội Pháp triệt thoái khỏi Việt-Nam, vấn đề được đặt ra là Chánh-Phủ Việt-Nam sẽ có lập trường thế nào đối với Hiệp-định Genève, một hiệp-định do Bộ Tư-lệnh quân đội Pháp ký kết.

Sau đây là tuyên bố của Chánh-Phủ ngày 6-4-1956 :

(*a*) « Chánh-Phủ Cộng-Hòa Việt-Nam không ký và vẫn không công nhận Hiệp-định Genève, song Chánh-Phủ Cộng-Hòa Việt-Nam quan niệm Ủy-Hội Quốc-Tế như một cơ-quan hoạt động cho nền hòa bình thế-giới. Do chỗ cùng theo đuổi chung mục-tiêu hòa bình, Chánh-Phủ Việt-Nam tiếp-tục cộng tác thật-sự với Ủy-Hội Quốc-Tế, bảo vệ sự an-ninh của các nhân viên trong Ủy-Hội và giúp Ủy-Hội bằng mọi phương tiện khả-thủ để có thể thi-hành dễ dàng công-tác hòa-bình ».

(*b*) « Đi đúng chủ trương hòa bình của mình, Chánh-Phủ Việt-Nam sẽ không dùng bạo lực để giải quyết các vấn đề sở thiết và sẽ duy-trì những yếu chỉ thực sự của tình trạng hòa bình hiện tại.

Chánh-Phủ Việt-Nam sẽ không bạo động xâm phạm tới đường ranh giới và khu giải binh, do thực trạng hiện tại cấu tạo. Như Việt-Nam đã nhiều lần tỏ rõ lập trường, Chánh-Phủ Cộng-Hòa Việt-Nam sẽ theo đuổi công cuộc thống nhất lãnh thổ bằng mọi phương-tiện hòa-bình, kể cả phương-sách Tổng tuyển-cử dân-chủ và thực sự tự-do, nhưng chỉ khi nào có đầy đủ những điều-kiện tổ chức một cuộc bầu-cử hoàn toàn tự-do ».

Digitized by Google

Trên phương diện pháp lý, lập trường ấy đã dựa vào những sự kiện rất rõ ràng, khiến không ai có thể chối cãi được giá trị của nó.

Những sự kiện ấy là :

1° Hiệp-định Genève chỉ là một thỏa hiệp đình chiến ký kết ngày 20-7-1954, giữa Bộ Tư-lệnh quân-đội Pháp ở Đông-Dương và Bộ Tư-lệnh quân-đội Việt-Minh, không có chữ ký của các nước tham dự.

2° Ngày 21-7-1954 các nước tham dự chỉ ra một bản tuyên bố gọi là « Tuyên bố cuối cùng », gồm có 13 đoạn xác nhận những nguyên tắc chính của thỏa hiệp đình chiến và dự định thời gian và thể thức thống nhất lãnh thổ Việt-Nam.

Nhưng chính bản tuyên bố này cũng không mang chữ ký của một nước nào.

3° Phái-Đoàn Việt-Nam trước sau đều cực lực phản đối việc ký kết Thỏa hiệp đình-chiến chia đôi đất nước Việt-Nam, cũng như đã phản đối bản tuyên bố kết thúc, nhất là về điểm nói đến tổng tuyển cử và việc thống nhất lãnh thổ Việt-Nam.

4° Sau khi Hiệp-định Genève được ký kết, Pháp và Việt-Minh còn ký kết tay đôi một số văn kiện quan trọng liên quan đến sự thi hành Hiệp-định ấy ở Việt-Nam, như Quyết-định số 11 ấn định quy chế khu Phi Quân-sự và Thỏa ước số 23 ấn-định thể thức kiểm soát sự xuất, nhập võ khí và quân nhân vào Việt-Nam.

Chánh-Phủ Việt-Nam không hề được tham khảo ý kiến và cũng không ký vào những văn kiện ấy.

Sự kiện nói trên cho chúng ta thấy rằng trên mặt pháp lý, Chánh-phủ Việt-Nam hoàn toàn không bị Hiệp-định Genève cũng như các văn kiện phụ thuộc ràng buộc bất cứ dưới hình thức nào.

Vì vậy, lập trường căn bản của Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa là không công nhận Hiệp-định Genève cũng như các văn kiện phụ thuộc do Pháp đã ký kết tay đôi với Cộng-sản Bắc-Việt, trái với nguyện vọng của nhân dân Việt-Nam. Do đó, về mặt pháp lý, Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa không coi mình là người đương nhiên thay thế cho Pháp, có trách nhiệm phải thi hành các điều khoản đã cam kết.

Digitized by Google

Tuy nhiên, vì sứ mạng của Úy-Hội Quốc-Tế nhằm tái lập và duy trì hòa bình tại Việt-Nam, và vì Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa cùng theo đuổi một mục đích ấy, nên trên thực tế, Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa chấp nhận sự hiện diện của Úy-Hội Quốc-Tế tại Việt-Nam và dành mọi sự dễ dàng để cơ quan ấy có thể thi hành nhiệm vụ của họ.

Lập trường nói trên của Chánh-phủ lẽ tất nhiên bị các nước Cộng-sản cực lực phản đối và lúc đầu, chính các cường quốc như Pháp, Anh cũng không tán thành và cổ vận động để buộc Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa phải công nhận Hiệp-định Genève.

Nhưng trước sự cương quyết của Chánh-phủ, các nước đã phải nhìn nhận lập trường này, cũng như họ đã phải nhìn nhận thiện chí của Việt-Nam Cộng-Hòa trong việc đối xử với Ủy-Hội Quốc-Tế. Đặc biệt nước Anh là đồng Chủ-Tịch Hội-nghị Genève 1954 và Ấn-Độ là Chủ-Tịch Ủy-Hội Quốc-Tế tại Việt-Nam, cũng đã lên tiếng chấp nhận lập trường của Việt-Nam Cộng-Hòa.

Ta có thể nói được là lập trường của Chánh-phủ đối với Hiệp-định Genève là một lập trường thực tế và phù hợp với quyền lợi của Việt-Nam vì :

a) Đối với dư luận quốc tế, mặc dầu không tán thành Hiệp-định Genève, Chánh-phủ đã tỏ rõ thiện chí hòa bình của mình khi chấp nhận sự hiện diện của Úy-Hội Quốc-Tế và hợp tác với cơ quan ấy trong sứ mạng của họ.

b) Đối với việc thi hành Hiệp-định Genève, Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa có nhiệm vụ bảo đảm việc thi hành Hiệp-định ấy.

Đứng về phương diện pháp lý, một số thỏa hiệp chuyển giao thẩm quyền giữa 2 Chính-phủ Pháp và Việt-Nam được ký kết ngày 16-9-1954 và được chuẩn y ngày 10-12-1958, trong đó, Chính-phủ Pháp đã long trọng thừa nhận chủ quyền Việt-Nam, nơi Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa.

Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đã hành xử quyền bính của mình một cách liên tục từ 1954 đến nay.

Vậy, Việt-Nam Cộng-Hòa có đầy đủ chủ quyền, có tư thể một chủ thể quốc tế công pháp.

Ngày 16-9-1956, quân đội Pháp triệt thoái khỏi lãnh thổ Việt-Nam Cộng-Hòa thời Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đương nhiên

Digitized by Google

trở thành « người kế tiếp nhiệm vụ của một bên ký kết » theo điều 27 của Hiệp-định Genève.

Vậy Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa có quyền viện dẫn và bảo đảm việc thi hành các điều khoản của Hiệp-định Genève khi nhận thấy cần thiết.

Do đó, Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa là thực thể pháp lý duy nhất, hội đủ điều kiện cần thiết để giải quyết mọi vấn đề ngõ hầu mang lại hòa bình cho dân tộc.

Digitized by Google

PHẦN II

VIỆC THÀNH-LẬP ỦY-HỘI QUỐC-TẾ KIỂM-SOÁT ĐÌNH CHIẾN TẠI VIỆT-NAM

*

Ủy-Hội Quốc-Tế là một cơ quan gồm ba quốc-gia hội viên Ấn-Độ, Gia-nã-Đại và Ba-Lan, được thành lập do điều 34 của Hiệp-định Genève :

« Ủy-Hội Quốc-Tế phụ trách giám sát và kiểm soát sự áp dụng các điều khoản của Hiệp-định đình chỉ chiến sự ở Việt-Nam. Ủy-Hội gồm một số đại biểu bằng nhau của các nước sau đây : Ấn-Độ, Gia-nã-Đại và Ba-Lan do đại biểu Ấn-Độ làm chủ-tịch ».

Ủy-Hội Quốc-Tế, theo điều 44, « sẽ được thành lập ngay khi ngừng bắn ở Đông-Dương ».

Trong bản tuyên bố ngày 6-4-1956, Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đã nêu rõ lập trường đối với Hiệp-định Genève và sự hiện diện của Ủy-Hội Quốc-Tế tại Việt-Nam.

« Chính phủ Việt-Nam Cộng-Hòa không ký và vẫn không công nhận Hiệp-định Genève, song Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa quan niệm Ủy-Hội Quốc-Tế như một cơ quan hoạt động cho nền hòa bình thế giới. Do chỗ cùng theo đuổi chung mục tiêu hòa bình, Chính-phủ Việt-Nam tiếp tục cộng tác thật sự với Ủy-Hội Quốc-Tế, bảo vệ sự an ninh của các nhân viên trong Ủy-Hội và giúp Ủy-Hội bằng mọi phương tiện để có thể thi hành dễ dàng cho công tác hòa bình ».

Theo bản tuyên bố này :

a) *Trên pháp lý :* Việt-Nam Cộng-Hòa không công nhận Hiệp định Genève vì ta chống đối việc chia xẻ đất nước và không ký Hiệp định ấy.

Digitized by Google

b) *Trên thực tế :* Việt-Nam Cộng-Hòa chấp nhận sự hiện diện của Úy-Hội Quốc-Tế vì sứ mạng hòa bình của Úy-Hội thích hợp với chính sách của Việt-Nam Cộng-Hòa là bảo vệ chủ quyền hoàn toàn và duy trì nền hòa bình cùng tự do mà Chính-phủ cũng như nhân-dân Việt-Nam tha thiết ham chuộng.

Để hợp tác chặt chẽ với Úy-Hội Quốc-Tế, Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đã thiết lập Phái-đoàn Việt-Nam giao-dịch với Ủy-Hội Quốc-Tế để giúp cơ quan này thi hành Hiệp-định Genève không trái với quyền lợi của Việt-Nam Cộng-Hòa và của nhân dân Việt-Nam. Đồng thời, Chính-phủ giúp đỡ Úy-Hội về mặt vật chất nhưng Úy-Hội Quốc-Tế phải trả hết các phí khoản.

A. — *TỔ-CHỨC CỦA ỦY-HỘI QUỐC-TẾ.*

Theo thỏa hiệp Genève về Đông-Dương ký kết hồi tháng 7 năm 1954, Úy-Hội Quốc-Tế được thành lập ngày 11-8-1954.

Tổng hành-dinh Úy-Hội Quốc-Tế (trước đây đặt tại Hà-nội) đã di-chuyển vào Saigon hồi tháng 3 năm 1958. Một văn phòng Úy-Hội cũng được đặt ở Hà-nội.

Úy-Hội Quốc-Tế do đại biểu Ấn-Độ làm chủ-tịch.

Tổ chức Ủy-Hội Quốc-Tế.

Úy-Hội Quốc-Tế gồm có :

— Nha Tổng Thư-ký gồm có 1 Tổng Thư-ký và 3 Phó Tổng Thư-ký.

— 2 ban liên lạc :

- ở miền Nam là Phái-đoàn giao-dịch với Ủy-Hội Quốc-Tế.
- ở miền Bắc là Ủy-ban Liên-lạc Bắc-Việt.

— 3 Phái-Đoàn : Phái-Đoàn Ấn-Độ, Phái-Đoàn Gia-nã-Đại và Phái-Đoàn Ba-lan. Các Ông Trưởng Phái-Đoàn này mang cấp bậc Đại-sứ.

— Các Tổ cố-định :

- ở miền Nam, có các Tổ cố-định : Lộc-Ninh, Đà-Nẵng, Qui-Nhơn, Nha-Trang, Vũng-Tàu và Saigon.
- ở miền Bắc, có các Tổ cố-định : Hanoi, Lao-Kay, Đồng-Đăng, Hải-phòng, Vinh và Đồng-Hới.

Digitized by Google

SƠ-ĐỒ TỔ-CHỨC ỦY-HỘI QUỐC-TẾ KIỂM-SOÁT VÀ GIÁM-SÁT TẠI VIỆT-NAM

Đại-sứ Gia-Nã-Đại
Trưởng Phái-Đoàn
Gia-Nã-Đại

Đại-sứ Ấn-Độ
Trưởng Phái-Đoàn
Ấn-Độ

Đại-sứ Ba-Lan
Trưởng Phái-Đoàn
Ba-Lan

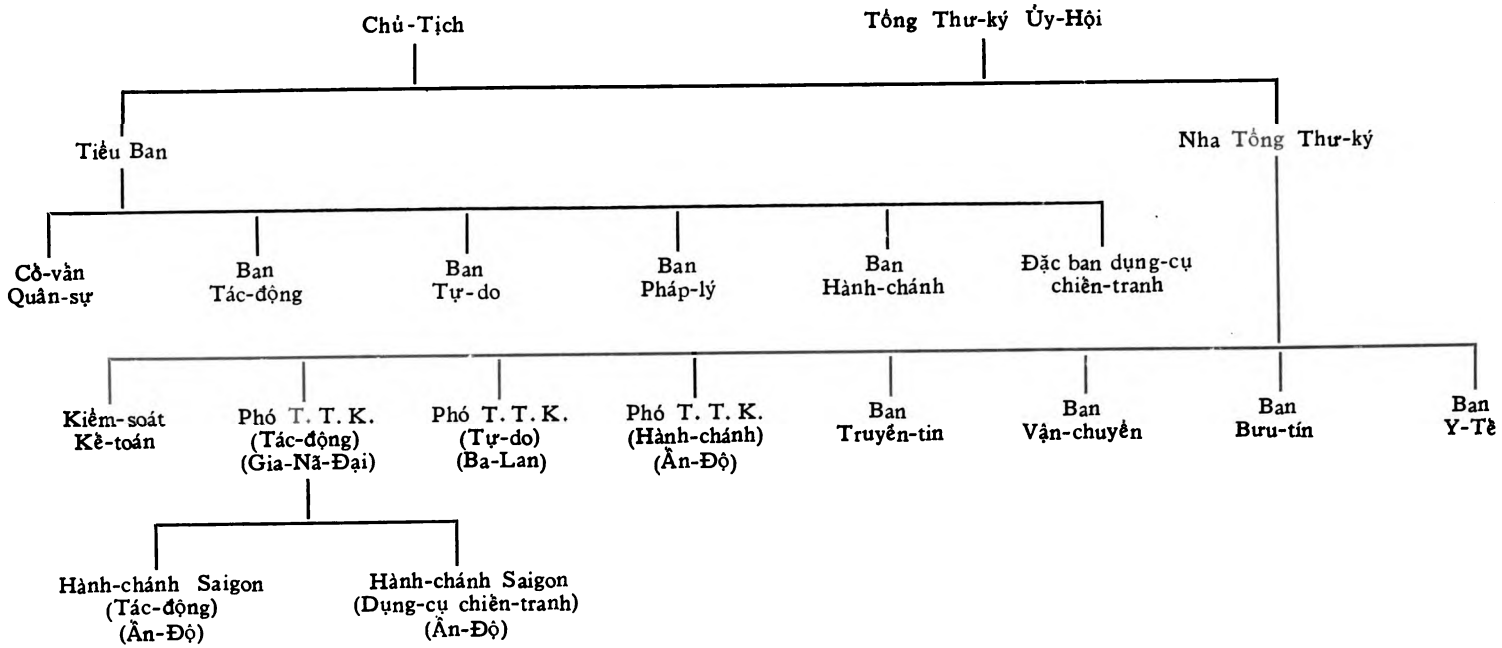

Digitized by Google

Hiện nay các Tổ cố-định ở miền Bắc không hoạt động nữa. Do văn thư đề ngày 12-2-1965, Bắc-Việt đã đơn phương buộc các Tổ cố-định phải triệt thoái khỏi Bắc-Việt và kể từ ngày 22-2-1965, các Tổ này ngưng hoạt động. Tuy nhiên, một văn phòng của Ủy-Hội vẫn được duy trì tại Hà-nội, sự kiện này chứng tỏ Cộng-sản Bắc-Việt đã trắng trợn vi-phạm Hiệp-định Genève, vì theo điều 35 :

« Những trụ sở các Tổ cố-định có thể thay đổi theo sự yêu cầu của một trong hai bên, hoặc chính của Úy-Hội Quốc-Tế với sự thỏa thuận giữa cơ quan này và Bộ Tư-lệnh của bên hữu quan ».

— Một Tổ lưu động 76 đóng ở Gio-Linh (tỉnh Quảng-Trị) cách khu Phi Quân-sự độ 2 cây số.

Tổ Lưu động 76 là một Tổ đặc biệt, không được ấn định trong Hiệp-định Genève và do Ủy-Hội Quốc-Tế thành lập ngày 25-5-1955 với sự thỏa thuận của Pháp và Cộng-sản Bắc-Việt để kiểm-soát khu Phi quân-sự.

Tổ 76 có hai đơn vị : một đơn vị phụ trách kiểm soát miền Bắc khu Phi Quân sự và một đơn vị phụ trách miền Nam.

Mỗi đơn vị gồm có :

— 1 đại diện Ấn-Độ là Chủ-tịch Tổ.

— 1 đại diện Gia-nã-Đại làm hội viên.

— 1 đại diện Ba-Lan làm hội viên kèm theo 1 thông ngôn Ba-Lan.

Sự hiện diện của Tổ 76 làm Cộng-sản Bắc-Việt e dè phần nào lúc ban đầu trong các hoạt động khuấy rối khu Phi Quân-sự. Nhưng Tổ này không có thực quyền ngăn cản các cuộc vi phạm của Cộng-sản Bắc-Việt. Thái độ tư vị của Ba-Lan và các mánh khóe xảo quyệt của Cộng-sản Bắc-Việt nhiều khi làm tê liệt công việc của Tổ.

Ngoài các ban kể trên, Úy-Hội Quốc-Tế còn có 1 Ban Truyền-Tin riêng đặt tại Saigon để liên lạc trực tiếp với các Tổ và 1 Ban Y-Tế riêng để chăm nom các nhân viên Úy-Hội Quốc-Tế khi đau yếu.

B — *NHIỆM-VỤ.*

Nhiệm-vụ của Úy-Hội Quốc-Tế được ấn định trong điều 36 Hiệp-định Genève là :

1° Kiểm soát việc di chuyển các lực lượng vũ trang của 2 bên, được thực hiện trong phạm vi kế hoạch tập kết.

Digitized by Google

2° Giám sát giới tuyến, vùng tập kết và vùng Phi Quân-sự.

3° Kiểm soát những việc thả tù binh và thường nhân bị giam giữ.

4° Giám sát tại các cửa biển và sân bay, cũng như trên các biên giới của Việt-Nam, việc thi hành những điều khoản của Hiệp-định đình chiến về việc đưa vào trong nước các lực lượng vũ trang, nhân viên quân sự và mọi thứ vũ khí, đạn dược và vật dụng chiến tranh.

Trong 4 nhiệm-vụ chính của Ủy-Hội Quốc-Tế vừa kể trên, nhiệm vụ thứ nhất và thứ 3 liên quan đến việc tập kết lực lượng và thả các tù binh có thể coi là đã chấm dứt. Vậy trong hiện tại, Ủy-Hội chỉ còn 2 nhiệm vụ là giám sát vùng giới tuyến là khu Phi Quân-sự và giám sát việc xuất nhập các vũ khí, quân nhân tại các cửa biển và sân bay.

Để thi hành 2 nhiệm-vụ này, Ủy-Hội Quốc-Tế đặt tại miền Bắc cũng như miền Nam, mỗi nơi 6 Tổ Kiểm soát.

Tại miền Nam, 6 Tổ ấy được đặt ở Saigon, Vũng-Tàu, Nha-Trang, Qui-Nhơn, Đà-Nẵng và Gio-Linh, giáp khu Phi Quân sự. Nhưng từ ngày 1-4-1968, vì tài chánh eo hẹp, Ủy-Hội đã giải tán hết các Tổ quốc tế này và giảm cả số nhân viên của 3 Phái-Đoàn làm việc trong Ủy-Hội.

Tại miền Bắc, 6 Tổ được đặt ở Hà-nội, Hải-phòng, Lạng-Sơn, Đồng-Hới, Lao-Kay và Vinh.

Ngày 22-2-1965, Bắc-Việt đã đơn phương yêu cầu Ủy-Hội giải tán các Tổ Quốc-tế đang hoạt động tại miền Bắc, như vậy vi phạm rõ rệt Hiệp-định đình chỉ chiến sự tại Việt-Nam.

Có thể nói được là trong mấy năm đầu tiên của Hiệp-định Genève, các cuộc kiểm soát của Ủy-Hội Quốc-Tế được thực hiện một cách khá đều đặn và đứng đắn. Vì sau ngày đình chiến, Cộng-sản Bắc-Việt còn phải nghĩ đến việc chỉnh đốn và củng cố lại miền Bắc, đồng thời chúng tin tưởng là thế nào, trong vòng hai ba năm, miền Nam cũng sẽ tự nhiên rơi nốt vào tay chúng.

Nhưng không ngờ, miền Nam đã đứng vững và ngày một củng cố được địa vị. Vì vậy, bắt đầu từ năm 1957, Cộng-sản Bắc-Việt mới nghĩ đến kế hoạch xâm chiếm miền Nam bằng võ lực. Một mặt chúng tăng cường quân lực ở miền Bắc, mặt khác chúng khai sinh Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam để đến cuối năm 1960 mở đầu cho cuộc chiến tranh xâm lăng và phá rối ở miền Nam.

Digitized by Google

Từ đó các cuộc kiểm soát của Ủy-Hội Quốc-Tế trở thành vô cùng khó khăn và hầu như bị tê liệt. Ở Bắc cũng như ở Nam, sự biến chuyển của thời cuộc đã làm các hoạt động của Ủy-Hội Quốc-Tế lần lần mất hết hiệu lực trên thực tế và chỉ có tánh cách tượng trưng.

Ủy-Hội Quốc-Tế đã đứng trong một tình trạng phải bó tay. Vả lại, quyền hạn yếu ớt của Ủy-Hội theo Hiệp-định Genève, cũng không cho phép họ làm gì hơn được.

Thực vậy, Ủy-Hội Quốc-Tế không có một thực lực hay quyền hành gì để đối phó với sự ngoan cố của Cộng-sản Bắc-Việt. Theo Hiệp-định Genève, Ủy-Hội chỉ có thể trước hết là yêu cầu hợp tác rồi đến khuyến cáo. Nếu khuyến cáo vô hiệu, Ủy-Hội Quốc-Tế chỉ còn cách là xác nhận sự vi phạm và báo cáo lên hai đồng Chủ-tịch Hội-nghị Genève là nhiều nhất.

Hơn nữa, chính tổ chức theo nguyên tắc « tam đầu chế » trong nội bộ của Ủy-Hội Quốc-Tế cũng là một nguyên do làm tê liệt các hoạt động của Ủy-Hội. Phái-đoàn Ba-Lan đã luôn luôn dựa vào nguyên tắc ấy để làm bế tắc công việc của Ủy-Hội Quốc-Tế.

Nếu chúng ta cộng vào đấy tất cả các trở ngại do Cộng-sản Bắc-Việt gây thường xuyên cho Ủy-Hội Quốc-Tế trên thực tế, như bảo là xe cộ bị hỏng, đường xá hư, Sĩ-quan liên lạc ốm, thì chúng ta lại càng nhận thấy tại sao Ủy-Hội Quốc-Tế không thể hoạt động được, dầu có thiện-chí đến đâu.

Để kết luận, ta có thể nói chung được là chính những khuyết điểm chứa đựng trong Hiệp-định Genève đã ngăn cản việc thi hành Hiệp-định ấy và thúc đẩy Cộng-sản Bắc-Việt lợi dụng để gây ra tình trạng căng thẳng hiện nay ở Việt-Nam.

Tuy nhiên, nếu hoạt động của Ủy-Hội QuốcTế hiện nay ở Việt-Nam chỉ có tánh cách tượng trưng, trong việc thi hành các điều khoản còn lại của Hiệp-định Genève, tình trạng ấy đã đưa lại một chuyển hướng bất ngờ trong công việc của Ủy-Hội Quốc-Tế tại Việt-Nam.

Thực vậy, từ năm 1962, vì tình hình đưa đẩy, Ủy-Hội Quốc-Tế đã lần lần ít quan tâm đến nhiệm-vụ chính của mình và biến thành một cơ quan chính trị hoạt động theo thời-cuộc quốc-tế, với những phản ứng hoàn toàn bị thời-cuộc quốc-tế ảnh hưởng.

Digitized by Google

Với biến chuyển ấy, sự hiện diện của Úy-Hội Quốc-Tế ngày nay ở Việt-Nam cũng như vai trò của cơ quan ấy, có thể trở nên những lá bài quan trọng và có lợi cho ta, nếu chúng ta biết lợi dụng thời cơ.

C. — *ĐẶC QUYỀN (privilèges) DÀNH CHO ỦY-HỘI QUỐC-TẾ.*

Những nguyên tắc sau đây đã được Chính-phủ Việt-Nam và Úy-Hội Quốc-Tế chấp thuận :

1° *Đối với Ủy-Hội Quốc-Tế với danh nghĩa một cơ quan có tư cách pháp nhân.*

Chính-phủ Việt-Nam đồng ý coi Úy-Hội Quốc-Tế là một tổ chức quốc tế được hưởng những đặc quyền dành cho các cơ quan của Liên hiệp quốc :

— Miễn thuế thương chánh nhập và tái xuất những vật dụng, hàng hóa, ấn loát phẩm dùng riêng cho Úy-Hội.

— Quyền được chuyển ngân dễ dàng để dùng vào chi phí của Úy-Hội.

— Quyền xử dụng mật mã riêng.

2° *Đối với 3 phái-đoàn trong Ủy-Hội.*

Chính-phủ Việt-Nam cũng chấp thuận đồng hóa 3 phái-đoàn Ấn-Độ, Gia-Nã-Đại và Ba-Lan như những phái-đoàn ngoại giao (Missions diplomatiques) về phương diện đặc quyền. Như vậy, những phái-đoàn này cũng được hưởng những đặc quyền kể trên.

3° *Đối với những vị Trưởng đoàn của 3 phái-đoàn.*

Những vị này được hưởng đặc quyền như các đại diện ngoại giao (représentant diplomatique accrédité), nghĩa là có :

— Quyền nhập cảng khỏi thuế những vật dụng, hàng hóa dùng riêng hoặc dùng trong các cuộc tiếp tân.

— Quyền được miễn khám xét hành lý khi ra, vào các hải cảng hoặc các phi cảng.

— Quyền bất khả xâm phạm.

— Quyền được miễn tố trước các tòa án.

— Quyền được miễn các sắc thuế.

Digitized by Google

4° *Đối với nhân viên của 3 Phái-đoàn.*

Những nhân viên của 3 Phái-đoàn được đồng hóa như nhân viên của một phái-đoàn ngoại giao (membres d'une mission diplomatique) và họ được miễn thuế thương chánh để nhập cảng những phẩm vật cần dùng mà đơn xin nhập nội sẽ do các vị Trưởng phái-đoàn đứng tên.

Về những đặc quyền khác, họ được hưởng như vị Trưởng Đoàn.

5° *Đối với các nhân viên thừa hành, nhân viên văn phòng của Ủy-Hội và của 3 Phái-đoàn* (như thư ký, thư ký đánh máy, phiên dịch, v.v...).

Những nhân viên này có thể đồng hóa như những nhân viên không thuộc ngạch ngoại giao của các phái-đoàn ngoại giao.

Theo nguyên tắc, những người này không được miễn thuế nhập cảng. Tuy nhiên, để áp dụng một chánh sách rộng rãi, họ có thể được đặc biệt miễn thuế thương chánh theo thủ tục như trên.

Riêng về hành lý, họ chỉ được miễn xét khi đến Việt-Nam lần đầu tiên.

Về quyền bất khả xâm phạm và quyền được miễn tố, họ chỉ được hưởng khi thừa hành nhiệm vụ.

Ủy-Hội Quốc-Tế không đồng ý về sự phân tách nhân viên của Ủy-Hội và các phái-đoàn ra nhiều hạng và yêu cầu cho những nhân viên nói trên được hưởng những đặc quyền như nhân viên ngoại giao.

6° *Đối với những nhân viên phụ thuộc (auxiliaires) như tùy phái, nhân viên chuyên môn, v.v...*

Các tùy phái, nhân viên chuyên môn, vô tuyến truyền tin, v.v..., không được hưởng một đặc quyền nào cả.

Ủy-Hội Quốc-Tế không đòi đặc quyền miễn thuế cho những nhân viên nói trên nhưng lại yêu cầu cho họ được hưởng quyền bất khả xâm phạm và quyền miễn tố.

Nhưng Chính-phủ Việt-Nam vẫn giữ lập trường nói trên vì không có lý do nào lại biệt đãi những nhân viên Ủy-Hội Quốc-Tế và 3 Phái-đoàn hơn là những nhân viên của các phái-đoàn ngoại giao.

Digitized by Google

Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa, trong một hội đồng liên Bộ họp trong tháng 11 năm 1968, đã quyết định về vấn đề nhập cảng hàng hóa miễn thuế cho các nhân viên của Ủy-Hội Quốc-Tế tại Việt-Nam như sau :

Chỉ các chức vị sau đây được hưởng quyền ngoại giao (đặc miễn thuế nhập nội) :

1. Ông Tổng Thư-ký Ủy-Hội Quốc-Tế (kiêm Trưởng Phái-đoàn Ấn-Độ).
2. 3 vị phó Tổng Thư-ký.
3. Vị Trưởng Phái-đoàn Gia-Nã-Đại và Balan.
4. Ông Cố-vấn Chính-trị, Cố-vấn pháp-lý (thuộc 3 Phái-đoàn).
5. Sĩ-quan từ cấp Tá trở lên (thuộc 3 Phái-đoàn).

7° *Lịch trình thỏa thuận về vấn đề bất khả xâm phạm về người và về cư xá của các nhân viên Ủy-Hội Quốc-Tế* (inviolabilité de la personne et de l'hôtel).

1. — Sau khi Ủy-Hội Quốc-Tế kiểm soát đình chiến tại Việt-Nam (CIC) được thành lập, Cao-ủy-phủ Pháp có dự thảo thỏa-hiệp với Ủy-Hội về quyền đặc-ưu, đặc-miễn của Ủy-Hội. Về vấn-đề đặc miễn, Tòa Cao-ủy đề nghị vắn tắt : bất khả xâm phạm về người và về cư xá của các nhân viên, với *điều kiện là cư xá này nằm trong Tòa nhà dùng làm trụ sở của Ủy-Hội* và quyền này có thể bị truất bởi Chủ-tịch Ủy-Hội.

2. — Theo phản nghị của Ủy-Hội (tham-chiếu điều 10, 11, 12 và 13 của phản nghị), thì Ủy-Hội muốn được các quyền đặc-ưu, đặc-miễn, bất khả xâm phạm, tựu trung như một Tòa Đại-sứ nhưng lại thêm ý kiến là các quyền này *có thể bị truất* bởi các *quốc-gia hội viên cho nhân viên của họ* và bởi Tổng Thư-ký cho các nhân viên thuộc Tổng Thư-ký Ủy-Hội.

Trong phản nghị này, Ủy-Hội còn xác nhận rằng : « đặc ưu, đặc miễn dành cho các nhân viên Ủy-Hội với mục đích là bảo tồn sự độc lập của họ trong khi thi hành trách vụ. Vậy không những là các quốc gia hội viên hay Tổng Thư-ký, tùy từng trường hợp, có quyền mà còn *có bổn phận phải truất quyền đó* đối với một nhân viên nếu các đặc quyền này làm trở ngại sự tiến hành của công lý ».

Digitized by Google

3. — Bộ Ngoại-giao Việt-Nam Cộng-Hòa, trong một bản bình luận, đồng ý với đề nghị của Pháp là quyền đặc ưu, đặc miễn và bất khả xâm phạm của các nhân viên Ủy-Hội có thể bị truất bởi Chủ-tịch Ủy-Hội đối với tất cả nhân viên các quốc gia hội viên.

Trong bản bình luận này, Bộ Ngoại giao Việt-Nam còn xác nhận là các phái-đoàn hội viên Ủy-Hội được coi là một nhiệm sở ngoại giao.

8° *Quyền truất đặc ưu, đặc miễn đối với nhân viên Ủy-Hội Quốc-Tế.*

Sau khi thỏa hiệp về đặc ưu, đặc miễn được chấp thuận *giữa Phủ Cao-Ủy Pháp và Ủy-Hội ngày 19-9-1954, giữ vững lập trường của Ủy-Hội về điểm truất phế quyền này* phải do các quốc gia hội viên định đoạt đối với nhân viên của họ, Chánh-phủ Việt-Nam có làm một *bản ghi chú bổ túc* xác nhận lập trường của mình đối với vấn đề trên : Chánh-phủ Việt-Nam ưng thuận rằng quyền truất phế đặc ưu, đặc miễn thuộc Trưởng Phái-đoàn hội viên Ủy-Hội đối với nhân viên của họ, tuy nhiên, vì trách nhiệm mà Chủ-tịch Ủy-Hội đảm nhiệm, Chủ-tịch Ủy-Hội có quyền yêu cầu (demander) các Trưởng Phái-đoàn phải thi hành sự truất đặc ưu, đặc miễn đối với nhân viên của họ.

Hơn nữa, và đây là then chốt, Chánh-phủ Việt-Nam, trong bản Aide Mémoire nói trên gởi Ủy-Hội và các phái-đoàn, nhận *định rõ ràng rằng quyền truất đặc ưu, đặc miễn thuộc Chánh-phủ đã ưng thuận các đặc ưu, đặc miễn này* « le même droit (le droit de lever les privilèges et immunités) devrait également être reconnu aux Gouvernements qui accordent les privilèges et immunités ».

Lập trường tối hậu nói trên của Chánh-phủ Việt-Nam thiết nghĩ rất nghiêm chỉnh và chính xác vì thực ra Ủy-Hội chỉ đặc biệt *được coi* như một nhiệm sở ngoại giao để *dễ dàng thi hành nhiệm vụ* nghĩa là việc kiểm soát đình chiến chớ không có việc chứa chấp kẻ gọi là tỵ nạn hay bị Tòa địa phương kết án. Vả lại, chính vấn đề xử dụng quyền bất khả xâm phạm để cho tỵ nạn ngay đối với nhiệm sở ngoại giao thực thụ, cũng còn là một vấn đề tranh luận giữa các luật gia quốc tế và không được đề cập đến trong thỏa hiệp về ngoại giao (Convention de Vienne sur les Relations diplomatiques 18 Avril 1961).

Digitized by Google

D. — *NGÂN-SÁCH CỦA ỦY-HỘI QUỐC-TẾ VÀ PHẦN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC NƯỚC THAM-DỰ HỘI-NGHỊ GENÈVE.*

Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa vì không ký Hiệp-định Genève nên không chịu đài thọ một phí khoản nào cho Úy-Hội Quốc-Tế và chỉ phụ trách quản trị giúp ngân sách đặc biệt của Úy-Hội mà thôi, với điều kiện là việc thanh toán các khoản phí phải chịu sự kiểm soát của Bộ Tài-chánh Việt-Nam Cộng-Hòa.

Hằng năm, Úy-Hội Quốc-Tế có nhiệm vụ dự-thảo 1 bản dự-chi tính theo đồng bảng Anh, cho mỗi niên khóa từ 1 tháng 7 đến 30 tháng 6 năm sau, rồi đệ lên 2 vị đồng Chủ-tịch Hội-nghị Genève có đính theo bản lược giải từng khoản.

Các quốc gia hội viên nào muốn biết thêm chi tiết về bản ngân sách hay về từng khoản riêng biệt có thể hỏi thẳng Ủy-Hội Quốc-Tế.

1° *Vấn đề đóng góp.*

Các quốc gia dự Hội-nghị Genève về Việt-Nam sẽ góp phần của mình căn cứ vào ngân sách của Ủy-Hội đã được hai đồng Chủ-tịch chấp thuận. Phải đóng 3 tháng một kỳ và trong 7 ngày đầu mỗi tam cá nguyệt.

Bản kê khai số thực chi cho mỗi tam cá nguyệt sẽ do kiểm-soát-viên chánh-phủ Ấn-Độ kiểm duyệt và sẽ do Ủy-Hội gửi cho các nước hội viên trong 6 tháng, sau mỗi tam cá nguyệt.

Khi đệ ngân sách, Ủy-Hội sẽ kê khai số tiền tổng cộng phải thu mỗi tam cá nguyệt cùng là số tiền mỗi nước hội-viên phải góp mỗi tam cá nguyệt.

Chánh-phủ hội-viên sẽ nộp đủ số tiền mình phải đóng góp vào trương mục riêng của Ủy-Hội Quốc-Tế.

Cuối tháng đầu mỗi tam cá nguyệt, Ủy-Hội sẽ gửi cho các nước hội viên, qua đồng Chủ-tịch, bảng kê khai số tiền đã thu được và chưa thu được.

Hai đồng Chủ-tịch sẽ tiếp xúc với nước nào chưa đóng góp để yêu cầu họ góp ngay.

2° *Kế toán.*

Bản kế toán của Ủy-Hội, sau khi kiểm duyệt, sẽ do Ủy-Hội gửi thẳng cho các nước hội viên trong vòng 6 tháng sau mỗi tam cá nguyệt.

Digitized by Google

Khi Ủy-Hội đệ bản thực chi trong tam cá nguyệt để kiểm duyệt, họ phải so sánh số thực chi với số ước chi, rồi sửa lại số tiền các nước hội viên phải góp kỳ sau.

Khi bản kê toán được gửi đến các Chánh-phủ liên hệ, Ủy-Hội sẽ đính theo bản kê số tiền đã đóng và số tiền các Chánh-phủ ấy còn thiếu.

E. — *CÁC CƠ-QUAN LIÊN-LẠC VỚI ỦY-HỘI QUỐC-TẾ TẠI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA VÀ BẮC-VIỆT*

Bên cạnh Ủy-Hội có 2 cơ quan liên lạc :

Ở miền Nam có Phái-đoàn giao-dịch với Ủy-Hội Quốc-Tế, và ở miền Bắc, có Ủy-ban Liên-lạc Bắc-Việt.

1° *Phái-đoàn giao-dịch với Ủy-Hội Quốc-Tế.*

Để thi hành chánh sách của Chánh-phủ đối với Hiệp-định Genève và Úy-Hội Quốc-Tế, Chánh-phủ đã cho thành lập một cơ quan đặc biệt gọi là Phái-đoàn giao-dịch với Ủy-Hội Quốc-Tế.

Trực thuộc Bộ Ngoại-giao, Phái-đoàn Việt-Nam là cơ quan chánh thức đại diện cho Chánh-phủ bên cạnh Ủy-Hội Quốc-Tế với nhiệm vụ cộng tác với cơ quan này trên phương diện chánh trị cũng như vật chất.

Được khai sinh ra từ năm 1954, sau khi Hiệp-định Genève được ký kết dưới hình thức một Ủy-Ban Liên-lạc cạnh Phái-đoàn Pháp, Phái-đoàn Việt-Nam đã lần lần trưởng thành với thời cuộc và sau khi quân đội viễn chinh Pháp rút lui vào tháng 8, 1956, Phái-đoàn đã trở nên một cơ quan có đủ uy tín để đối phó với Ủy-Hội Quốc-Tế về mặt ngoại giao, có cơ sở nội bộ vững vàng và có đủ phương tiện để hoạt động với một số nhân viên quân, dân chính là 587 người.

Để thực thi chánh sách của Chánh-phủ đối với Hiệp-định Genève và Ủy-Hội Quốc-Tế, Phái-đoàn có 2 nhiệm vụ rõ rệt :

a) *Về phương diện chánh trị :* Phái-Đoàn có nhiệm vụ hợp tác và giao dịch với Ủy-Hội Quốc-Tế về tất cả các vấn đề liên quan đến việc thi hành Hiệp-định Genève ở Việt-Nam, để tỏ thiện chí của Chánh-phủ mặc dầu Việt-Nam Cộng-Hòa không công nhận Hiệp-định Genève.

Trong phạm vi ấy, Phái-Đoàn có trách nhiệm :

Digitized by Google

— một mặt, lợi dụng tất cả các dịp nào có thể, để tố cáo, đả kích, đả phá hay lên án tất cả các vụ vi phạm hay đe dọa vi phạm Hiệp-định Genève của Việt-Cộng, cũng như chánh sách ngoan cố và âm mưu thâm độc của họ.

— mặt khác, dùng mọi cách để đề cao và bênh vực lập trường của Chánh-phủ về mặt pháp lý và chánh trị, để việc thi hành Hiệp định Genève có thể thực hiện một cách có lợi và thích hợp nhất với chánh sách ngoại giao của Chánh phủ.

Trong công việc tế nhị này, lẽ tất nhiên, việc gây cảm tình và sự ủng hộ các Phái-đoàn bạn trong Ủy-Hội Quốc-Tế là Phái-đoàn Ấn-Độ và Gia-nã-Đại là một việc thường xuyên, cũng như việc theo dõi tình hình và thâu thập tin tức miền Bắc để Chánh-phủ có thể khai thác và đối phó về mặt chánh trị, kinh tế và quân sự.

b) *Trên phương diện thực tế*, Phái-Đoàn có nhiệm vụ cung cấp cho Ủy-Hội Quốc-Tế tất cả các phương tiện cần thiết về vật chất như việc ăn ở, đồn trú, vận chuyển, truyền tin, y-tế, gìn giữ an ninh.

Công việc này tuy không tế nhị và quan trọng như nhiệm vụ chính trị, nhưng rất phức tạp và bận rộn như việc trông nom con mọn. Để có một ý niệm, chỉ xin kể một vài tỷ dụ. Số nhân viên Ủy-Hội Quốc-Tế cần phục dịch lên tới gần 800 người gồm đủ các hạng người với mọi sở thích : Phái-Đoàn phải biết cung cấp từ những món cary cay xé mồm kiểu Ấn-Độ, đến các dĩa khoai luộc nhạt nhẽo lối Anh-cát-lợi, cũng như món súp đặc biệt chế Volka một Ba-Lan. Đó là không kể còn phải cung cấp cho họ từ chiếc khăn mặt, bánh sà-bông, đến các xe hơi, máy bay cũng như các bộ phận tối tân nhất của các máy truyền tin điện tử.

Tuy nhiên, sự cộng tác của Phái-đoàn Việt-Nam, đối với Ủy-Hội Quốc-Tế, không phải là một sự chiều chuộng nhắm mắt và vô điều kiện. Nếu những hoạt động của Ủy-Hội Quốc-Tế tỏ ra không thích hợp hoặc phản lại những quyền lợi quốc gia, những biện pháp cứng rắn sẽ được áp dụng ngay trên thực tế để làm áp lực thuận lợi cho đường lối của Chánh phủ về mặt chánh trị.

Tỷ dụ cụ thể nhất là : Sau khi Đại-Tá HOÀNG-THỤY-NĂM bị Cộng-sản Bắc-Việt bắt cóc và hạ sát trong tháng 10, 1961, trước thái độ thụ động của Ủy-Hội Quốc-Tế, Phái-đoàn Việt-Nam đã lập tức ra lệnh cho tất cả nhân viên và lao công làm với Ủy-Hội đình công và từ chối không phục dịch Phái-đoàn Ba-Lan cho đến khi Ủy-Hội thay

Digitized by Google

đổi thái độ. Biện pháp cứng rắn ấy đã khiến Ủy-Hội Quốc-Tế phải xét ngay vụ hạ sát Đại-Tá Hoàng-thụy-Năm cũng như các vụ xâm lăng khuấy rối khác của Cộng-sản Bắc-Việt, để đi đến chỗ lên án gắt gao Cộng-sản Bắc-Việt trong bản báo cáo đặc biệt ngày 2-6-1962.

Không những thế, sự hợp tác với Ủy-Hội Quốc-Tế tới nay, còn được thực hiện trên những nguyên tắc khắt khe sau đây :

— Chánh phủ Việt-Nam Cộng-Hòa không công nhận mình là người kế vị đương nhiên của Pháp trong việc thi hành các lời cam kết của Pháp trong Hiệp-định Genève cũng như trong các văn kiện Pháp đã ký riêng với Cộng-sản Bắc-Việt sau Hội-nghị Genève.

Chính vì thế, nên mặc dầu Cộng-sản Bắc-Việt cực lực phản kháng :

— Ngay sau khi quân đội viễn-chinh Pháp rút khỏi miền Nam năm 1956, Chánh-phủ đã buộc Phái-đoàn liên-lạc Cộng-sản Bắc-Việt, hồi đó đặt trụ sở ở Gia-Định, phải rút lui về Bắc vô điều-kiện.

— Chánh-phủ không cử đại-diện thay thế Pháp trong Ủy-ban Hỗn-hợp Trung-ương là một Ủy-ban do Pháp ký với Cộng-sản Bắc-Việt, trong đó có đại-diện của hai bên, phụ trách giải quyết các vấn đề có tánh cách chung. Vì lẽ ấy, Ủy-ban này đã đương nhiên bị bãi bỏ, mặc dầu nguyên-tắc thành lập được ấn-định trong Hiệp-định Genève.

— Chánh-phủ vì không ký Hiệp-định Genève, nên không chịu đài-thọ một phí-khoản nào cho Ủy-Hội Quốc-Tế và chỉ phụ-trách quản-trị giúp ngân-sách đặc biệt của Ủy-Hội mà thôi, với điều-kiện là việc thanh-toán các khoản phí phải chịu sự kiểm-soát Bộ Tài-chánh Việt-Nam Cộng-Hòa.

Ngân-sách của Úy-Hội có 2 loại :

— Quỹ chi phí chung do các nước Anh, Pháp, Nga và Trung-cộng đồng đài-thọ, dùng để trả các khoản-phí về ăn uống, tắm giặt, vận-chuyển, truyền-tin và trả lương cho nhân-viên tài xế, thợ máy dân-chính.

Các khoản-phí này mỗi tháng khoảng 2 triệu đồng.

— Quỹ chi-phí địa-phương, do Pháp đồng chịu với Cộng-sản Bắc-Việt, dùng để trả các khoản-phí của Úy-Hội Quốc-Tế về nhà cửa, điện nước, đồ đạc, thuốc men và trả lương cho các nhân-viên văn-phòng và tạp dịch.

Digitized by Google

Các khoản-phí này vào khoảng 3 triệu đồng mỗi tháng.

Về ngân-sách này, điểm đáng chú-ý là Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa không biết đến các nước nói trên, ngoài Ấn-Độ là Chủ-tịch Ủy-Hội Quốc-Tế và Tòa Đại-sứ Pháp ở Việt-Nam là cơ-quan duy nhất phải chịu trách nhiệm cung cấp.

— Nguyên-tắc thứ ba là mặc dầu Phái-Đoàn Việt-Nam hoạt-động một phần với ngân-sách của Ủy-Hội Quốc-Tế, Phái-đoàn cũng không phải vì thế mà tùy thuộc Ủy-Hội Quốc-Tế. Trái lại, Phái-đoàn là một cơ-quan hoàn toàn độc-lập đại-diện cho Chánh-phủ bên cạnh Ủy-Hội Quốc-Tế và chỉ chịu trách-nhiệm trước Chánh-phủ Việt-Nam.

Chính vì thế, để giữ tánh cách độc-lập ấy, nên trong cuộc thương-thuyết với Pháp và Ủy-Hội Quốc-Tế năm 1956, Chánh-phủ Việt-Nam đã nhất quyết không để Ủy-Hội đài-thọ lương bổng các nhân-viên của Phái-đoàn, như Ủy-Hội đã đài-thọ các nhân-viên Phái-Đoàn liên-lạc cũ của Pháp.

Như vậy, Phái-Đoàn Việt-Nam đã giữ được toàn quyền hành động theo chánh-sách của Chánh-phủ, không bị nền tài-chánh của Ủy-Hội chi phối. Số nhân-viên của Phái-đoàn hiện nay là 15 người đều do ngân-sách Quốc-gia đài thọ.

Ngoài số này, Phái-Đoàn còn có một số quân nhân là 29 Sĩ-quan, 32 hạ-sĩ-quan và 103 binh sĩ do Bộ Quốc-Phòng biệt phái để phụ-trách các công tác có tánh cách quân-sự như yểm-trợ an ninh, vận-chuyển, truyền-tin, v.v...

Các quân nhân này cũng không phụ thuộc Ủy-Hội Quốc-Tế và đều do ngân-sách Quốc-Phòng đài-thọ.

Ngoài hai hạng nhân-viên nói trên, còn có một số nhân-viên, tuy được đặt dưới quyền điều-khiển của Phái-Đoàn, nhưng được tuyển dụng để giúp đỡ trực-tiếp cho Ủy-Hội Quốc-Tế trong việc ăn ở, di-chuyển, kế-toán, v.v... như thư ký, tài xế, bồi bếp, thợ thuyền, lao công, v.v...

Từ ngày Ủy-Hội giảm bớt hoạt động vì vấn đề tài-chánh, rút bớt các Tổ Quốc-tế thì số quân nhân và nhân-viên dân chính cũng bị giảm đi nhiều.

Quân nhân	:	65
Dân chính	:	207

Digitized by Google

Các thư-ký, tài xế, bồi bếp, thợ thuyền và lao công này đều do quỹ Ủy-Hội Quốc-Tế đài thọ lương bổng, vì công việc của họ không liên quan đến hoạt động thuần-túy của Phái-Đoàn.

Tóm lại, qua những nguyên-tắc hoạt động vừa trình bày, người ta thấy rằng Phái-đoàn Việt-Nam giao-dịch với Ủy-Hội Quốc-Tế là một cơ-quan hoàn toàn độc-lập đối với Ủy-Hội Quốc-Tế, mà nhiệm-vụ về phương-diện chánh-trị cũng như thực-tế, lúc nào cũng được thi hành theo đường lối và chánh-sách do Chánh-phủ ấn-định.

2° *Ủy-Ban Liên-Lạc Bắc-Việt.*

Do một thỏa hiệp ký kết giữa Pháp và Cộng-sản Bắc-Việt ngày 31-3-1955, một Ủy-Ban Liên-Lạc Bắc-Việt được đặt tại Saigon đóng trụ-sở tại Gia-Định với mục-đích :

a) để chi nhánh Ủy-Hội Quốc-Tế ở Saigon có phương-tiện liên-lạc với Bắc-Việt mỗi khi cần đến.

b) để thỏa mãn sự đòi hỏi tự nhiên của Bắc-Việt muốn có mặt tại miền Nam. Có như vậy, Phái-đoàn liên lạc Pháp, hồi đó trụ-sở ở Hà-nội mới dễ bề ăn nói với nhà cầm quyền Bắc-Việt trong việc thi hành Hiệp-định Genève, đồng thời để giải quyết gián-tiếp các vấn đề khác về quyền lợi của Pháp ở miền Bắc.

Tình trạng này không thể tồn tại được khi quân đội viễn-chinh Pháp đã rút lui do Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa chính thức yêu cầu ngày 19-1-1956.

Lẽ tất nhiên Ủy-ban Liên-lạc Bắc-Việt không còn lý do nào được duy trì ở miền Nam nữa.

Do đó, Ủy-ban Liên-lạc Bắc-Việt phải triệt thoái khỏi Saigon ngày 17-5-1956.

F. — *CÁC ƯU, KHUYẾT ĐIỂM CỦA ỦY-HỘI QUỐC-TẾ*

a) *Ưu-điểm*

— Trong thời-gian đầu, Ủy-Hội đã tích-cực hoạt động, giúp đỡ nhiều và có hiệu quả trong việc thi hành Hiệp-định Genève như ngưng bắn, trao đổi tù binh, tìm người thất lạc và mồ mả tử-sĩ, kiểm-soát việc phá hủy và thay thế đạn dược, vũ khí, kiểm-soát việc tăng cường binh lực, v.v...

— Ủy-Hội là trung-gian duy nhất giữa 2 miền Nam, Bắc, đã là

Digitized by Google

trọng-tài giải quyết nhiều vụ tranh-chấp tại giới-tuyến và Khu Phi Quân-sự.

— Sự hiện-diện của Ủy-Hội khiến Cộng-sản Bắc-Việt trong thời gian đầu phải e dè phần nào trong mưu mô xâm lược miền Nam.

b) *Khuyết điểm*

— Ủy-Hội chỉ có quyền khuyến-cáo (recommandation) đôi bên và nếu những khuyến-cáo không có hiệu quả, Ủy-Hội cùng lắm là làm báo cáo cho 2 đồng Chủ-tịch và các nước ký kết Hiệp-định Genève mà thôi.

— Ủy-Hội không có quyền trừng phạt và không có biện-pháp chế tài nào để buộc bên vi-phạm thi hành khuyến-cáo của mình.

— Nhân số Ủy-Hội quá ít ỏi lại không có một lực lượng vũ trang để ngăn cản những vi-phạm và yểm-trợ cho những quyết định của mình.

— Ủy-Hội quá ít phương tiện để thi hành nhiệm-vụ, khi một bên cố tình ngăn cản và không cung cấp phương tiện, Ủy-Hội đành chịu bó tay.

— Tài-chánh của Ủy-Hội quá eo hẹp và không có gì bảo đảm việc các quốc-gia phải đóng góp cho những chi tiêu cần thiết của Ủy-Hội.

— Tại giới-tuyến và khu Phi quân-sự, cửa ngõ của những xâm nhập và vi-phạm mà Ủy-Hội chỉ vỏn-vẹn có một Tổ kiểm-soát không hơn 20 người đóng tại Gio-Linh và không có phương tiện di-chuyển nhanh chóng, hữu hiệu nên việc kiểm-soát đã không hiệu quả.

Digitized by Google

Digitized by Google

PHẦN III

KẾT QUẢ ĐÃ THÂU ĐẠT ĐƯỢC

*

A. — *TỐ-CÁO CÁC VỤ VI-PHẠM HIỆP-ĐỊNH GENÈVE*

Khi ký Hiệp-định Genève, có thể thâm ý của Bắc-Việt là dùng Hiệp-định này làm bàn đạp để thôn tính miền Nam bằng phương pháp chính trị. Hiệp-định dự trù tổng tuyển cử vào năm 1956.

Cộng-sản biết rằng ở miền Bắc dưới sự kiểm soát chặt chẽ của họ, họ sẽ được 99,9 % tổng số phiếu, như thường vẫn xảy ra trong các vụ bầu cử tại các nước Cộng-sản. Vì dân số miền Bắc nhiều hơn dân số miền Nam là 2 triệu người, Cộng-sản chắc chắn sẽ có một đa số trong một quốc hội toàn quốc, ngay cả trong trường hợp họ không thâu được một phiếu ở miền Nam. Với đa số trong tay, Cộng-sản sẽ loại trừ dần dần các đảng phái chính trị khác, như kinh nghiệm tại Việt-Nam hồi 1946 và tại Đông-Âu sau đệ nhị thế chiến đã cho thấy.

Nhưng tính toán của Cộng-sản đã không thực hiện được khi Cộng-Hòa Việt-Nam chỉ bằng lòng bầu cử một khi có bảo đảm tự do đầy đủ.

Không lấy được miền Nam bằng một thủ đoạn chính trị, Cộng-sản Bắc-Việt đã phát khởi một kế hoạch xâm lăng và khuynh đảo chống miền Nam. Làm như vậy, họ đã vi phạm một cách rõ rệt Hiệp-định Genève mà chính họ đã ký kết.

Thực ra, Hanoi cố tình vi-phạm Hiệp-định Genève ngay từ khi mới ký kết.

Phái-đoàn giao-dịch với Ủy-Hội Quốc-Tế đã thâu thập được rất nhiều tài liệu và bằng cớ cụ thể. Phái-đoàn đã chính thức tố cáo với Ủy-Hội Quốc-Tế các vụ vi-phạm và đã giúp đỡ Ủy-Hội phương tiện để đi điều tra, hỏi cung nhân chứng.

Digitized by Google

Sau đây là các loại vi phạm chính :

1° *Bắc-Việt ngăn cản đồng bào di cư vào Nam và cưỡng bách đồng bào tập kết ra Bắc.*

Dầu Bắc-Việt hết sức ngoan cố ngăn cản phong trào di cư, vi phạm rõ rệt điều 14-d của Hiệp-định Genève, đã có ngót 1 triệu đồng bào di cư vào Nam, trong khi chỉ có 4.972 người xin di cư ra Bắc.

Trong thời hạn 300 ngày ấn định cho quyền tự do di cư (từ 20-7-1954 đến 19-5-1955), Chính-phủ ta đã yêu cầu Ủy-Hội Quốc-Tế can thiệp cho gần 2.000 gia đình đã có đơn xin di cư vào Nam, nhưng còn bị mắc kẹt ở miền Bắc. Bắc-Việt đã ngoan cố đòi giải quyết vấn đề này cùng với vấn đề nối lại quan hệ bình thường Nam-Bắc.

Sau khi hết hạn di cư, nhiều đồng bào đã vào Nam có đệ đơn yêu cầu Úy-Hội Quốc-Tế can thiệp cho thân nhân của họ còn bị mắc kẹt ở Bắc được di cư vào Nam đoàn tụ với gia đình, Cộng-sản Bắc-Việt đã một mực từ chối và dùng mọi cách để ngăn chặn dân chúng tìm tự do.

Một thí dụ điển hình :

Ngày 9-11-1956, nhân dịp có Tổ lưu-động của Úy-Hội Quốc-Tế đi quan sát quận Quỳnh-Lưu, tỉnh Nghệ-An, đồng bào trong quận đã xúm lại đệ đơn yêu cầu Ủy-Hội can thiệp để các nhà cầm quyền Hanoi trả tự do cho thân nhân họ hiện bị giam giữ và cho phép họ di cư vào Nam.

Quá phẫn uất vì không được hưởng quyền tự do di cư vào Nam, đồng bào quận Quỳnh-Lưu đã biểu tình chống đối. Năm ngàn quân đội Cộng-sản Bắc-Việt võ trang đầy đủ đã tới nơi để dẹp biểu-tình. Chúng đã nổ súng bừa bãi làm cho hàng trăm người gồm cả đàn bà, ông già và trẻ con thiệt mạng. Hàng ngàn người khác bị giam giữ và đầy đi nơi khác.

Ngày 29-11-1956, Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đã điện cho Ông Tổng Thư-Ký Liên-hiệp-quốc yêu cầu cơ quan này can thiệp, đồng thời Phái-đoàn giao-dịch với Ủy-Hội Quốc-Tế đã cực lực phản kháng vụ này với Ủy-Hội.

Mặc dầu Cộng-sản Bắc-Việt tìm đủ mọi cách để ngăn cản di cư, từ tháng 7 năm 1956 cho tới tháng 6 năm 1958, đã có 1.780 đồng

Digitized by Google

bào liều chết vượt tuyên trốn được vào Nam để tìm tự do ; con số đồng bào xấu số bị bắt ở dọc đường, hay lâm nạn trong rừng, ngoài bể trong khi đi trốn vào Nam, không ai biết rõ được lên tới bao nhiêu.

Mặt khác, Phái-đoàn giao-dịch đã chuyển tới Ủy-Hội trên 10.000 lá đơn của đồng bào trong Nam xin can thiệp cho gần 12.000 gia quyến bị quân cộng-sản bắt buộc tập kết ra Bắc, được trở về quê quán.

2° *Phá hoại công-sản và xâm phạm tài sản của thường dân.*

Trước khi rút lui khỏi vùng tập trung Quảng-Ngãi, Bình-Định, Cộng-sản Bắc-Việt đã tàn phá các công sở, cầu cống. Phái-đoàn giao-dịch đã yêu cầu Úy-Hội buộc Cộng-sản Bắc-Việt phải chịu trách-nhiệm bồi thường theo điều 15-d của Hiệp-định Genève.

Phái-đoàn cũng đã can thiệp với Úy-Hội Quốc-Tế để buộc Bắc-Việt phải hoàn tiền cho những đồng bào bị quân cộng-sản trước khi rút lui bắt mua tín phiếu Hồ-chí-Minh hoặc tước mất vàng bạc, đồ nữ trang.

Song Cộng-sản Bắc-Việt đã không chịu thanh thỏa các yêu-cầu trên.

3° *Không thả hết tù binh và trả thù dân chúng.*

Ngoài ra Bắc-Việt không chịu thả hết tù binh và chính trị phạm trái với điều 21 của Hiệp-định Genève theo đó 2 bên trao trả nhau tất cả tù binh và chính trị phạm.

Nhà cầm quyền Hanoi còn *trả thù dân chúng, không tôn trọng quyền tự do dân chủ,* trái với điều 14-c của Hiệp-định Genève.

Sau khi chiếm đóng miền Bắc, chính quyền Cộng-sản đã phân chia dân chúng miền Bắc ra làm 4 hạng :

— « Công dân được ưu đãi » gồm các đảng viên đảng Cộng-sản và những người tôn thờ đảng.

— « Tôi dân » gồm những dân ngụ tại những vùng ngoài Bắc trước thuộc chính quyền quốc gia. Hạng dân này phải chứng tỏ lòng phục tòng chính thể Cộng-sản trước khi được xếp lên hạng « Công dân ».

— « Nô dân » là những công chức và quân nhân của chính quyền quốc gia trước đó. Hạng này bị giam vào những trại tập trung, rồi tẩy não và huấn luyện chính trị.

Digitized by Google

— « Phản quốc », « Phản động » tức là kẻ thù của chính thể cộng-sản. Đây là để chỉ những người dân hoặc chống đối chính thể hoặc thuộc « thành phần địa chủ » nhiều tiền của, ruộng đất.

Hạng « phản quốc », « phản động » này bị đem ra đấu tố trước các « Tòa án Nhân Dân », nhiều khi kẻ bị đấu tố bị giết ngay tại chỗ.

4° *Để lại cán bộ nằm vùng và chôn giấu võ khí vào các hầm bí mật.*

Theo Hiệp-định Genève, tất cả lực lượng Cộng-sản phải rút hết về phía Bắc vỹ-tuyến 17.

Điều 15-c ghi rằng : « Hai bên sẽ đảm bảo sự thực hiện việc rút lui và chuyển tất cả các lực lượng theo đúng mục đích nói trong Hiệp-định ».

Nhưng Cộng-sản đã lập tâm để lại miền Nam một số lớn cán bộ ngụy trang là thường dân, để làm nòng cốt cho kế hoạch xâm lăng khuynh đảo của chúng.

Cộng-sản cũng chôn giấu những võ khí đủ các cỡ và các loại từ mìn muối đến đạn trái phá 155 ly, súng liên thanh, tiểu liên, súng lục, súng trường, tất cả đều gói ghém kỹ càng cho khỏi hư hỏng, hòng cung cấp cho các hoạt động chống lại Chính-phủ miền Nam.

Những hầm võ khí này khám phá được là do sự chỉ dẫn của dân chúng và của chính những cán bộ Cộng-sản nằm vùng bị bắt hoặc ra đầu thú.

5° *Khuấy rối khu Phi Quân sự.*

Điều 5 của Hiệp-định Genève ghi :

« Tất cả lực lượng, vật liệu và dụng cụ quân sự đều phải đưa ra khỏi khu Phi quân sự ».

Ngay từ ban đầu, Cộng-sản Bắc-Việt đã cố tạo nên bầu không khí khẩn trương ở khu này, bằng những hoạt động vi-phạm Hiệp-định như :

— võ trang ngầm các cán bộ và đưa quân đội hóa trang cảnh sát vào khu Phi quân-sự ;

— bắn súng các cỡ và tập dượt hành quân trong khu ;

Digitized by Google

— xúi giục dân chài sống bên bờ phía Bắc sông Bến-Hải sang bờ phía Nam khiêu khích ;

— hội họp biểu tình ở bờ Bắc Bến-Hải, dùng loa phát thanh chống Chính-phủ Quốc-gia.

Dần dần, Cộng-sản xâm nhập khu Phi quân-sự, thiết lập các căn cứ quân sự tại đây, cho quân đội và võ khí băng qua khu này để xâm nhập vào Nam. Ngày nay, khu hai bờ Bến-Hải đã hoàn toàn mất tính cách Phi quân-sự của nó.

6° *Gửi quân đội và võ khí vào Nam.*

Theo điều 19 của Hiệp-định : « ... hai bên cam đoan rằng vùng thuộc về họ không bị xử-dụng để gây lại chiến tranh hoặc phục vụ cho một chính sách xâm lược ».

Song nhà cầm quyền Hanoi đã xử dụng miền Bắc để gây lại chiến tranh và xâm lăng miền Nam.

Quân đội được chuyển vào Nam, thoạt đầu từng toán nhỏ, sau mỗi ngày một nhiều, cho tới cấp từng đơn vị của bộ đội chính quy Bắc-Việt. Từ 1959 cho tới tháng 6 năm 1969, ta đã ghi nhận tới 489.700 quân Bắc-Việt xâm nhập vào miền Nam.

Phái-đoàn giao-dịch với Ủy-Hội Quốc-Tế đã nêu lên đầy đủ chi tiết về các vụ toàn bộ Sư-đoàn 325 và Sư-đoàn 324-B quân chính quy Bắc-Việt xâm nhập miền Nam qua khu Phi quân-sự và Phái-đoàn cũng đưa một số tù binh thuộc binh sĩ 2 Sư-đoàn này ra trước Ủy-Hội Quốc-Tế để hỏi cung.

Phái-đoàn giao-dịch Việt-Nam cũng đã nêu lên các vụ điển hình nhất về việc Bắc-Việt chở võ-khí vào Nam tiếp tế cho quân đội và các lực lượng trợ lực của chúng :

Ngày 16-2-1965, Hải-quân ta bắn chìm tại Vịnh Vũng-Rô, tỉnh Phú-Yên, một chiếc tàu chở võ khí từ Bắc vào Nam và đã tịch thu được 160 súng cộng đồng, hơn 2.000 súng cá nhân đủ loại, 70 tấn đạn dược và 4 tấn thuốc men do các nước trong khối Cộng-sản chế tạo và viện trợ cho Bắc-Việt.

Ủy-Hội Quốc-Tế có tới tại chỗ để chứng kiến vụ này.

— Ngày 10-5-1966, Hải-quân Việt-Nam, với sự trợ lực của không-quân, lại bắn chìm được một chiếc tàu của Bắc-Việt tại cửa sông Bồ-Đề, tỉnh An-Xuyên và đã tịch thu được một số võ khí, đạn dược và tài liệu quan trọng của khối Cộng.

Digitized by Google

Ủy-Hội Quốc-Tế đã tới xem xét các võ khí tịch thu trên chiếc tàu nói trên và được chưng bày tại Bộ Tư-lệnh Hải-quân Việt-Nam.

— Ngày 20-6-1966, một chiếc tàu chở võ khí từ Bắc vào Nam, đã bị bắn chìm tại Ba-Động, tỉnh Vĩnh-Bình. Một số rất lớn võ khí xuất xứ Trung-cộng đã bị tịch thu. Ta bắt được một thủy thủ trên chiếc tàu bị thương.

Ủy-Hội Quốc-Tế đã tới nơi điều tra. Người thủy thủ bị thương đã được đưa ra trước Ủy-Hội để hỏi cung và đã khai rõ nơi chất võ khí xuống tầu là Hải-Phòng, cùng lộ trình xâm nhập từ Bắc vào Nam.

Quân xâm nhập Bắc-Việt đã lợi dụng yếu tố địa dư vùng Phi quân-sự cũng như biên giới Việt-Nam Cộng-Hòa với Kampuchia và Lào phần lớn là rừng núi rất khó kiểm soát. Bờ bể của ta chạy dài hơn 1.500 cây số với nhiều núi, vịnh là những nơi trú ẩn kín đáo cho tàu bè.

7° *Cộng-sản khủng bố và phá hoại miền Nam.*

Song song với xâm lăng võ trang, Cộng-sản đã tích cực thi hành một chính sách khủng bố và phá hoại miền Nam. Mục tiêu của Cộng-sản là làm giảm uy tín Chính-phủ, gây hoang mang, sợ sệt trong dân chúng, lũng đoạn nền kinh tế.

Từ 1959 cho tới tháng 6 năm 1970, trong các vụ khủng bố phá hoại, tổng số thường dân bị sát hại, bị thương tích và bị bắt cóc lên tới 162.333 người.

8° *Tăng cường quân lực.*

Bắc-Việt đã nhận được viện trợ ngày một tăng của khối Cộng-sản, nhất là của Nga-Sô và Trung-cộng, để xâm lăng miền Nam. Ngay từ 1961, Nga-Sô đã mở một cầu hàng không Mạc-tư-Khoa — Hanoi để chuyên chở võ khí tới Bắc-Việt.

Ngày 1-7-1968, Thủ-Tướng Nga Kossygin tuyên bố : « ... nhân dân Liên-Xô rất quan tâm theo dõi cuộc chiến đấu của nhân dân Việt-Nam (Bắc-Việt) và Liên-Xô sẽ tiếp tục tăng cường sự ủng hộ, giúp đỡ nhân dân Việt-Nam về mọi mặt trong năm 1969... ».

Nô-vi-Cốp, Phó Chủ-tịch Hội-đồng Bộ-trưởng Liên-Xô cũng tiết lộ : « Liên-Xô đã giao cho Bắc-Việt một số lớn dụng cụ, kể cả võ khí và đạn dược tối tân nhất, thuốc men, các phương tiện giao thông và vận tải, v.v... ».

Digitized by Google

Ngày 23-7-1968, Phó Thủ-Tướng Trung-cộng Lý-tiên-Niệm cho hay Trung-cộng sẽ viện trợ về kinh tế, kỹ thuật và quân sự cho Bắc-Việt trong năm 1969.

Liên minh quân sự giữa Bắc-Việt với Liên-Xô và Trung-cộng nhằm một mục đích xâm lăng, đã vi phạm rõ rệt các điều 16, 17 và 19 của Hiệp-định Genève. Các điều này cấm gửi bộ đội và võ khí vào Việt-Nam, cấm một miền bị xử dụng để gây lại chiến tranh hay phục vụ cho một chánh sách xâm lược.

Viện trợ to lớn của Nga-Sô và Trung-cộng cũng là bằng chứng Việt-Nam Cộng-Hòa không phải đương đầu với một mình Bắc-Việt mà thôi. Chúng ta phải chống lại áp lực kết hợp của toàn thể khối Cộng. Bởi vậy, ta đã kêu gọi và đã nhận được sự trợ giúp quân sự của các nước đồng minh trong thế giới tự do.

B. — *THÀNH-TÍCH HOẠT-ĐỘNG CỦA ỦY-HỘI QUỐC-TẾ VÀ CỦA PHÁI-ĐOÀN GIAO-DỊCH*

1° Lên án Cộng-sản Bắc-Việt trong các vụ Cộng-sản cản trở công cuộc di cư năm 1955-56 (vụ Lưu-Mỹ, Ba-Làng, Xã-Đoài, Quỳnh-Lưu).

2° Thả một sô sĩ-quan của ta bị Cộng-sản Bắc-Việt bắt giữ trái phép (1955-56).

3° Chứng minh sự ngoan cô của Cộng-sản Bắc-Việt trong những vụ Cộng-sản Bắc-Việt vu cáo Việt-Nam Cộng-Hòa như :

— vụ đầu độc các phạm nhân tại trại giam Phú-Lợi (1958).

— vụ rải các chất hóa học (1961).

4° Lên án gắt gao các hành động xâm lăng và phá rối khiến dư luận quốc tế đã biết rõ hơn và ủng hộ mạnh mẽ hơn lập trường của Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa.

5° Các Tòa Đại-sứ Việt-Nam ở ngoại quốc đã được Phái-đoàn giao-dịch Úy-Hội Quốc-Tế cung cấp đầy đủ và đều đều các tài liệu như các kháng thư, các cuốn Bạch-thư Pháp văn và Anh văn do Phái-đoàn giao-dịch với Úy-Hội Quốc-Tế phụ trách soạn thảo và ấn hành, để vạch trần chính sách xâm lược của ngụy quyền Bắc-Việt.

6° Nhiều tài liệu, chứng cớ đã được Phái-đoàn cung cấp cho Úy-Hội về chính sách xâm lược của Cộng-sản Bắc-Việt, Phái-đoàn giao-dịch với Úy-Hội Quốc-Tế cũng đưa ra Úy-Hội Quốc-Tế điều

Digitized by Google

tra các tù binh thuộc các sư đoàn chính quy Bắc-Việt đã xâm nhập miền Nam hoạt động và cả một số tù binh bị bắt trong vụ tổng công kích Tết Mậu-Thân vừa qua.

C. — *THẮNG LỢI: BẢN BÁO CÁO ĐẶC BIỆT NGÀY 2-6-1962*

Thắng lợi to tát nhất mà Chính-phủ đã thâu lượm được là ngày 2-6-1962, trong một bản báo cáo đặc biệt gởi 2 đồng Chủ-tịch Hội-nghị Genève, Ủy-Hội Quốc-Tế đã xác nhận công khai trách nhiệm của ngụy quyền miền Bắc trong cuộc chiến tranh xâm lăng và phá rối hiện nay của Cộng-sản (Phụ bản số 3).

Thắng lợi này không phải ngẫu nhiên mà có. Nó là kết quả của cả một công trình vận động kiên nhẫn, cả một chiến dịch ngoại giao và chánh trị khôn khéo của Chính-phủ, vì mặc dầu Chính-phủ không công nhận Hiệp-định Genève, chính Hiệp-định ấy đã được dùng làm căn bản pháp lý trong việc lên án Việt-Cộng.

Bản báo cáo ngày 2-6-62 của Ủy-Hội Quốc-Tế đã gây một tiếng vang trên thế giới. Nó đã chứng minh một cách hùng hồn và không thể chối cãi được, chánh sách gây hấn của Cộng-sản Bắc-Việt ở miền Nam, cũng như sự can thiệp trực tiếp của ngụy quyền miền Bắc vào cuộc chiến tranh chống Việt-Nam Cộng-Hòa, dưới bộ mặt của Mặt trận bù nhìn Giải phóng miền Nam.,

Sở dĩ phải đề cập đến bản báo cáo này, là vì nó có một tầm quan trọng đặc biệt. Thực vậy, đối với dư luận quốc tế, nó có một giá trị pháp lý tuyệt đối, vì được chính Ủy-Hội Quốc-Tế là cơ quan có trách nhiệm kiểm soát thi hành Hiệp-định Genève thành lập.

Sau nữa, tác dụng của nó về mặt chính trị không thể bị thời gian làm giảm bớt hiệu lực, chứng cớ là cho đến ngày nay, mỗi khi vấn đề Việt-Nam được nêu lên trên trường quốc tế, ta thường thấy các nước, dầu bạn hay thù, đều nhắc đến bản báo cáo này để tán dương, ủng hộ, hoặc xuyên tạc, đả kích chính sách của ta.

Vậy bản báo cáo ngày 2-6-62 là gì? Nó đã được thành lập trong trường hợp nào? và nội dung cũng như giá trị và ảnh hưởng của nó ra sao?

Ngay từ ngày Hiệp-định Genève được ký kết, Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đã luôn luôn kêu gọi nhưng vô hiệu, Ủy-Hội Quốc-Tế phải đặc biệt lưu tâm đến những vụ Cộng-sản Bắc-Việt phá rối miền Nam. Nhưng Ủy-Hội Quốc-Tế đã có một thái độ thụ động phi

Digitized by Google

lý, không những không chịu cứu xét những đơn khiếu nại của ta mà còn độc đoán cho rằng vấn đề phá rối (subversion) không thể đề cập tới và cũng không liên quan gì đến Hiệp-định Genève vì trong Hiệp-định ấy không có điều khoản nào nói đến hoặc định nghĩa danh từ « subversion ».

Nếu vô tư mà xét, thì lập luận của Ủy-Hội Quốc-Tế cũng không phải là hoàn toàn vô căn cứ. Trong Hiệp-định Genève không có điều khoản nào đề cập đến vấn đề phá rối thực. Nhưng nếu ta phân tách Hiệp-định ấy, thì ta nhận thấy rằng mặc dầu danh từ phá rối (subversion) không được viết ra rõ ràng trên giấy nhưng có các điều khoản như điều 10, 19, 24 và 27 nói đến các lời cam kết của đôi bên, mà sự vi phạm có thể coi như là những hoạt động có tánh cách phá rối.

Phái-đoàn Việt-Nam đã nêu những điều khoản ấy (sẽ nói đến sau) để làm căn cứ đòi hỏi Ủy-Hội Quốc-Tế phải cứu xét các vụ Cộng-sản Bắc-Việt phá rối miền Nam. Đồng thời Phái-đoàn Việt-Nam cũng thâu thập các tài liệu, chứng cớ cụ thể không thể chối cãi được để chứng minh chính sách và hoạt động gây hấn và phá rối của ngụy quyền miền Bắc tại miền Nam.

Công việc này đòi hỏi một sự cố gắng và kiên nhẫn lớn lao vì trước sự ngoan cố của Phái-đoàn Balan và thái độ e dè của Phái-đoàn Ấn-Độ hồi ấy, Ủy-Hội Quốc-Tế nhất định không chịu thay đổi lập trường.

Người ta phải chờ đến 7 năm sau, nghĩa là đến tháng 6, 1961, Ủy-Hội Quốc-Tế mới chịu công nhận lập trường hữu lý của Phái-đoàn Việt-Nam và quyết định là các hoạt động phá rối, thực sự liên hệ đến Hiệp-định Genève và Ủy-Hội Quốc-Tế có đủ thẩm quyền để cứu xét.

Nhưng sự chờ đợi còn kéo dài thêm 4 tháng nữa, và mãi đến tháng 10 năm 1961, sau vụ Đại-tá Hoàng-thụy-Năm bị Cộng-sản Bắc-Việt bắt cóc và hạ sát, mới thấy Ủy-Hội Quốc-Tế bắt tay vào việc. Phái-đoàn Việt-Nam đã lợi dụng triệt để lòng công phẫn của dân chúng trong nước cũng như ngoài nước, để thúc đẩy Ủy-Hội Quốc-Tế phải lên tiếng kết án ngụy quyền miền Bắc.

Ủy-Hội Quốc-Tế giao cho Ban Pháp-lý (Legal Committee) xét trình vấn đề và Chính-phủ Ấn-Độ đã phái riêng Bác-sĩ MUKHI, một trạng sư và luật gia có tiếng của Ấn-Độ, giữ ghế Chủ-tịch Ban Pháp-lý.

Digitized by Google

Sau 8 tháng làm việc đêm ngày với sự cộng tác liên tục của Phái-đoàn Việt-Nam, Ban Pháp-lý đã hoàn tất một tờ trình gọi là tờ trình MUKHI, mà các báo chí thường nói đến như một tài liệu quan trọng.

Trong tờ trình ấy, Ban Pháp-lý đã căn cứ vào các chứng cớ giá trị của Phái-đoàn Việt-Nam, để kết luận là ngụy quyền Hanoi đã thực sự can thiệp trực tiếp vào nội tình miền Nam và như vậy đã vi phạm Hiệp-định Genève.

Ngày 2-6-62, trong một bản báo cáo đặc biệt gởi 2 Chủ-tịch Hội-nghị Genève, Úy-Hội Quốc-Tế đã theo đại đa số (Phái-đoàn Ấn-Độ và Gia-nã-Đại chấp thuận, Balan chống lại), tuyên bố chấp nhận các kết luận của Ban Pháp-lý.

Các kết luận ấy nguyên văn như sau :

1° Trong Hiệp-định Genève có những điều khoản sau đây nói về những cam kết của đôi bên :

— điều 10 : hai bên cam kết đình chiến thực sự ;

— điều 19 : hai bên cam kết không được dùng phần đất của mình để tái chiến hoặc theo đuổi chính sách gây hấn ;

— điều 24 : ấn định nguyên tắc bất khả xâm phạm của khu Phi quân-sự và của phần đất mỗi bên : mỗi bên phải tôn trọng địa hạt của bên kia và không được dùng võ lực hay có hoạt động gì chống bên kia ;

— điều 27 : hai bên có trách nhiệm bắt buộc tất cả các phần tử hay quân nhân của mình phải thi hành Hiệp-định Genève.

2° Trong những vụ đặc biệt do Việt-Nam Cộng-Hòa nêu lên, có đủ chứng cớ tỏ là có phần tử võ trang và không võ trang, võ khí, đạn dược và những dụng cụ khác đã được gởi từ miền Bắc vào miền Nam, với mục đích ủng hộ, tổ chức và thực hiện những hoạt động thù nghịch, kể cả những cuộc tấn công bằng võ lực, nhằm chống với quân đội và cơ quan hành chánh ở miền Nam. Những hành động ấy vi phạm điều 10, 19, 24 và 27 Hiệp-định Genève.

3° Đặc biệt căn cứ vào các chứng cớ cụ thể của Việt-Nam Cộng-Hòa đưa ra, có đủ chứng cớ tỏ rằng : « Quân đội Nhân-Dân Việt-Nam » (Quân đội Cộng-sản Bắc-Việt) đã để địa phận miền Bắc được xử dụng để xúi giục, khuyến khích và ủng hộ những hoạt

Digitized by Google

động thù nghịch ở miền Nam, mục đích để lật đổ chính quyền miền Nam. Việc dùng miền Bắc cho các hoạt động như vậy là vi phạm điều 19, 24, 27 Hiệp-định Genève.

QUYẾT-ĐỊNH CỦA ỦY-HỘI QUỐC-TẾ

(khoản 10 bản báo cáo)

Ủy-Hội chấp nhận các kết luận của Ban Pháp-lý là có đủ chứng cớ tỏ ra một cách không thể nghi ngờ được là « Quân đội Nhân-Dân Việt-Nam » đã vi phạm các điều khoản 10, 19, 24 và 27 Hiệp-định Genève trong những vụ đặc biệt được nêu lên, Phái-đoàn Balan bất đồng ý kiến.

Các kết luận vừa kể thực đã rõ ràng, tuy nhiên xin lưu ý đến một điểm quan trọng : trong bản báo cáo ngày 2-6-62 của Ủy-Hội Quốc-Tế, không phải chỉ có những kết luận kết án ngụy quyền miền Bắc, Ủy-Hội Quốc-Tế còn đề cập đến vấn đề Việt-Nam Cộng-Hòa cho nhập nội trái phép vũ khí và quân nhân ngoại quốc vào miền Nam.

Việc ấy đã được làm theo một kế hoạch được bàn định trước với Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa, để làm tăng giá trị của bản báo cáo và tránh những sự chỉ trích của Cộng-sản.

Thực vậy, để giữ thăng bằng và tỏ sự vô tư của mình, hai Phái-đoàn Ấn-Độ và Gia-nã-Đại đã rất thận trọng :

— Về hình thức : bản báo cáo đã dành đồng đều cho mỗi vấn đề (miền Bắc phá rối ; miền Nam cho tăng cường viện trợ quân sự Mỹ), 10 khoản.

— Về nội dung : bản báo cáo đã buộc lỗi cả 2 bên đều vi phạm Hiệp-định Genève.

Tuy nhiên, cách trình bày và lập luận rất có lợi cho Việt-Nam Cộng-Hòa vì đã làm nổi bật các vụ vi phạm quan trọng của Cộng-sản Bắc-Việt và như vậy, đã chứng minh những biện pháp đối phó chánh đáng của Việt-Nam Cộng-Hòa.

Digitized by Google

Cách trình bày xứng đáng để lưu ý chúng ta :

1° Vấn đề Cộng-sản Bắc-Việt phá rối đã được ưu tiên nêu lên trước vấn đề miền Nam cho tăng cường viện trợ quân sự.

2° Để lên án Cộng-sản Bắc-Việt, Ban Pháp-lý đã tham chiếu đến các vụ hoạt động phá rối của Cộng-sản Bắc-Việt từ nhiều năm nay để tỏ chánh sách gây hấn liên tục của Cộng-sản Bắc-Việt, trong khi đối với Việt-Nam Cộng-Hòa, bản báo cáo chỉ nói đến cuộc tăng cường viện trợ từ tháng 12-1961 và còn kê cả nguyên văn bức thơ ngày 9-12-61 của Phái-đoàn Việt-Nam để nhấn mạnh đến tánh cách « tự vệ » và « tạm thời » của biện pháp (khoản 13 bản báo cáo).

3° Đối với Cộng-sản Bắc-Việt, Ủy-Hội đã dùng các danh từ rất gắt gao và rõ ràng để kết án, như : « Đã có đủ chứng cớ tỏ ra một cách không thể nghi ngờ được... » « there is sufficient evidence to show beyond reasonable doubt... » (khoản 10).

Trái lại, đối với Việt-Nam Cộng-Hòa, Ủy-Hội Quốc-Tế chỉ buộc lỗi một cách nhẹ nhàng như về điểm Việt-Nam Cộng-Hòa liên minh với Hoa-Kỳ, Ủy-Hội cũng chỉ bày tỏ ý kiến và nói rằng : « Ủy-Hội nghĩ rằng... » « The Commission is of the view that... » (khoản 20).

4° Sau hết, để cho được vô tư, mặc dầu Ủy-Hội Quốc-Tế không kết luận là các hoạt động phá rối của Cộng-sản Bắc-Việt là nguyên nhân sự tăng cường viện trợ quân sự ở miền Nam, 2 vấn đề đã được trình bày một cách khiến người đọc thấy rõ mối liên quan ấy, và như vậy, chánh sách hiện thời của Việt-Nam Cộng-Hòa đã được gián tiếp chứng minh là chánh đáng.

※

Lẽ tất nhiên Cộng-sản Bắc-Việt và khối Cộng-sản đã đả kích kịch liệt bản báo cáo đặc biệt của Ủy-Hội Quốc-Tế. Chúng cho là :

a) Bản báo cáo ấy vô giá trị vì, theo điều 42 Hiệp-định Genève, tất cả các vấn đề liên quan đến các vụ vi phạm hay đe dọa vi phạm có thể đi đến chỗ tái chiến, đều phải có sự *quyết định* đồng thanh của Ủy-Hội Quốc-Tế. Vậy quyết định theo đa số của bản báo cáo là bất hợp pháp.

b) Các chứng cớ do Việt-Nam Cộng-Hòa đưa ra mà Ủy-Hội Quốc-Tế đã căn cứ để lên án miền Bắc đều giả tạo và vô giá trị.

Digitized by Google

c) Trong Hiệp-định Genève không có khoản nào nói đến vấn đề phá rối, vậy Ủy-Hội Quốc-Tế không có thẩm quyền để xét vấn đề.

Những luận điệu trên đây đều là ngụy biện, nó chỉ tỏ thêm sự ngoan cố của Cộng-sản Bắc-Việt và thực ra, đã làm tăng giá trị của bản báo cáo, vì lập luận của Cộng-sản Bắc-Việt hoàn toàn không đứng vững.

Thực vậy, về mặt pháp lý, bản báo cáo đã được ký kết theo đúng tinh thần Hiệp-định Genève.

— Theo điều 42 Hiệp-định Genève, chỉ có những quyết định của Ủy-Hội Quốc-Tế và trong trường hợp có vi phạm hay đe dọa vi phạm có thể gây sự tái chiến, mới cần đến sự đồng thanh (unanimité).

— Những bản báo cáo *không phải là quyết định* của Ủy-Hội Quốc-Tế về những vụ Cộng-sản Bắc-Việt vi phạm, mặc dầu những vụ vi phạm ấy được xác nhận. Nó chỉ là một *khuyến cáo* gởi hai đồng Chủ-tịch Hội-nghị Genève và đối với các khuyến cáo (recommandation), thì chỉ cần có đại đa số thỏa thuận (điều 24 Hiệp-định Genève) là đủ có giá trị.

— Sau nữa, ngay như trong trường hợp không đạt được kết luận đồng thanh như đã ấn định theo điều 42, Ủy-Hội Quốc-Tế cũng có quyền gởi một báo cáo đa số với một hay nhiều báo cáo thiểu số (điều 43 Hiệp-định Genève).

Về giá trị các chứng cớ do Việt-Nam Cộng-Hòa đưa ra, các chứng cớ ấy không phải giả tạo và vô giá trị vì chính Ban Pháp-lý (Legal Committee) được Ủy-Hội Quốc-Tế ủy thác, đã cứu xét kỹ càng và tận mắt các chứng cớ ấy và công nhận là có giá trị tuyệt đối.

Về mặt này, Phái-đoàn Balan đã phạm 2 sự lầm lỗi lớn là :

— không chịu tham gia vào các buổi họp bàn của Ban Pháp-lý từ đầu chí cuối.

— không chịu đi cùng đại diện Ấn-Độ và Gia-nã-Đại trong Ban Pháp-lý đến cứu xét các tài liệu, chứng cớ của ta đưa ra và chưng bày, mặc dầu có lời mời của Phái-đoàn giao-dịch với Ủy-Hội Quốc-Tế.

Trong điều kiện ấy, Phái-đoàn Balan không thể viện vào lý do nào để cãi rằng các buổi họp của Ban Pháp-lý hay các chứng cớ của Việt-Nam Cộng-Hòa là vô giá trị được.

Digitized by Google

Cũng vì vậy nên trong tờ trình riêng của Phái-đoàn Balan đính theo bản báo cáo, Phái-đoàn ấy đã không nại được chứng cớ gì để chứng minh lập luận của mình và chỉ nêu ra một cách vu vơ, yếu ớt một vài sự kiện mà họ cho là nguyên nhân sự căng thẳng ở Việt-Nam ngày nay, như việc Việt-Nam Cộng-Hòa khủng bố cựu kháng chiến và từ chối hiệp thương với Cộng-sản Bắc-Việt.

Về điểm Cộng-sản Bắc-Việt phủ nhận thẩm quyền của Ủy-Hội Quốc-Tế thì như đã trình bày trước đây, trong Hiệp-định Genève, không có khoản nào nói đến vấn đề phá rối (subversion). Nhưng trong kết luận, Ban Pháp-lý đã rất thận trọng, không có chỗ nào dùng đến chữ « subversion » mà chỉ nêu các điều khoản số 10, 19, 24 và 27 của Hiệp-định và chứng minh là Cộng-sản Bắc-Việt đã vi phạm các điều ấy.

Nhưng dầu sao, chính Ủy-Hội Quốc-Tế đã có quyết định là có thẩm quyền để xét những đơn khiếu nại về vấn đề phá rối, từ tháng 6 năm 1961. Cộng-sản Bắc-Việt đã cố ý quên điểm quan trọng ấy.

Tóm lại, các luận điệu xuyên tạc của Cộng-sản Bắc-Việt hoàn toàn vô căn cứ và không ai có thể nghi ngờ được giá trị của bản báo cáo ngày 2-6-1962 của Ủy-Hội Quốc-Tế về mặt pháp lý.

※

Đối với Việt-Nam Cộng-Hòa, bản báo cáo có một tầm quan trọng đặc biệt. Nó xác nhận trước quốc tế, trách nhiệm trực tiếp của ngụy quyền miền Bắc trong cuộc chiến tranh hiện nay ở miền Nam đồng thời chứng tỏ rằng sự tăng cường viện trợ quân sự Mỹ ở miền Nam là một biện pháp tự vệ chánh đáng của Chính-phủ.

Như vậy, bản báo cáo của Ủy-Hội Quốc-Tế đã gián tiếp làm tiêu tan tất cả các luận điệu tuyên truyền xảo trá từ trước tới nay của Cộng-sản, xuyên tạc cuộc chiến tranh hiện nay ở Việt-Nam là do nhân dân miền Nam mà đại diện là Mặt-trận Giải-phóng miền Nam đứng lên để chống lại Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa và chống lại sự can thiệp võ trang của nước Mỹ vào miền Nam.

Vì vậy bản báo cáo của Ủy-Hội Quốc-Tế ngày 2-6-62 có thể coi là một thắng lợi lớn của Chính-phủ về mặt ngoại giao và chánh trị, trong chánh sách đối phó với việc thi hành Hiệp-định Genève ở Việt-Nam.

Digitized by Google

PHẦN IV

KẾT-LUẬN

*

Trong một tương lai đình chiến tại Việt-Nam, dù dưới giải pháp thỏa hiệp nào, một tổ-chức quốc-tế kiểm-soát việc đình-chiến và thi hành các điều khoản của thỏa ước cũng phải được đặt ra. Kinh nghiệm cho thấy tổ-chức Ủy-Hội Quốc-Tế Kiểm-soát Đình-chiến hiện hữu do Hiệp-định Genève 1954 đặt ra không hoạt động được hữu hiệu, cần phải rút những ưu, khuyết điểm để thành lập trong tương lai một tổ chức quốc-tế kiểm-soát hữu hiệu và vô tư.

A) *Ủy-Hội Quốc-Tế Kiểm-soát Đình-chiến của Hiệp-định Genève 1954.*

Úy-Hội Quốc-Tế kiểm-soát đình-chiến hiện hữu thành lập và hoạt động do các điều *29, 34 và kế tiếp* của Hiệp-định Genève 1954, Ba quốc-gia được mời tham gia Úy-Hội Quốc-Tế này là Ấn-Độ, Ba-Lan và Gia-nã-Đại. Họ đã tỏ ra có thiện chí và cố gắng trong việc tổ chức cũng như hoạt động để giúp vào việc duy trì hòa bình ở Việt-Nam. Tuy nhiên, họ đã không hoạt động được hữu hiệu chính vì những khuyết điểm của Hiệp-định Genève đã dành cho họ một quyền hạn quá yếu ớt, những phương tiện quá ít ỏi và vì Cộng-sản Bắc-Việt ngoan cố, hiếu chiến, bất hợp tác với Ủy-Hội Quốc-Tế.

B) *Tổ-chức Quốc-tế kiểm-soát tương lai.*

Trong tương lai, việc thành lập một tổ-chức quốc-tế kiểm-soát mới ta cần rút những ưu, khuyết điểm của Úy-Hội Quốc-Tế 1954 và qui định sao cho tổ-chức này có thể làm việc hiệu quả.

a) *Về thành phần :*

Thành phần tổ-chức quốc-tế kiểm-soát cần giữ được khách quan, công bằng và vô tư.

Digitized by Google

Để tổ-chức quốc-tế kiểm-soát có uy tín, phương tiện cũng như khả năng tài chính, thiết tưởng tổ-chức quốc-tế này nên do Liên-hiệp-quốc chẳng hạn bảo trợ và tài trợ.

Tuy nhiên, để tổ-chức quốc-tế có thể hoạt động kiểm-soát hữu hiệu, cần phải gia tăng quyền hạn, phương tiện cũng như đặt thuộc quyền xử dụng của tổ-chức này một lực lượng cảnh bị quốc tế.

b) *Về quyền hạn :*

Một thỏa ước tương lai về tổ-chức quốc-tế kiểm-soát đình-chiến chấp nhận cho tổ-chức này một quyền hạn rộng rãi hơn.

Song song với quyền kiểm soát và giám sát, tổ-chức quốc-tế cần phải có những biện pháp chế tài hữu hiệu để buộc đôi bên phải theo quyết định của mình.

Tổ-chức quốc-tế cần được xử dụng một lực lượng cảnh bị quốc-tế để can thiệp khi một bên vi phạm thỏa ước đình chiến và cố tình gây hấn.

Tổ-chức quốc-tế tại Việt-Nam, Kampuchia và Ailao cần có sự liên lạc, phối hợp chặt chẽ với nhau. Riêng tổ-chức quốc-tế tại Việt-Nam cần kiểm soát chặt chẽ thêm các hải phận nữa.

c) *Về phương tiện :*

Cần bảo đảm cho tổ-chức quốc-tế có ngân-sách đầy đủ để hoạt động do Liên-hiệp-quốc đài thọ. Ủy-Hội Quốc-Tế hiện hữu bị mắc nợ trên 2 triệu Mỹ-kim do sự từ chối đóng góp từ 5 năm nay của Trung-cộng và Cộng-sản Bắc-Việt. Các hoạt động của Ủy-Hội Quốc-Tế hiện hữu bị tê liệt một phần cũng vì thiếu thốn phương tiện tài chánh.

Tăng cường phương tiện hoạt động cho tổ-chức này như trực thăng, tầu thủy, Radar, v.v...

Cần thiết lập nhiều đồn kiểm soát cho tổ-chức quốc-tế dọc theo giới tuyến và tại các trọng điểm tại hai miền Nam Bắc.

Digitized by Google

HIỆP-ĐỊNH ĐÌNH-CHỈ CHIẾN SỰ Ở VIỆT-NAM 20-7-1954

CHƯƠNG I

GIỚI TUYẾN QUÂN SỰ TẠM THỜI VÀ KHU PHI QUÂN SỰ

*

Điều 1. — Một giới tuyến quân-sự tạm thời sẽ được quy định rõ, để lực lượng của hai bên, sau khi rút lui, sẽ tập hợp ở bên này và bên kia giới-tuyến ấy : lực-lượng quân-đội Nhân-dân Việt-Nam ở phía Bắc giới-tuyến, lực-lượng quân-đội Liên-Hiệp-Pháp ở phía Nam giới-tuyến.

Giới-tuyến quân-sự tạm-thời quy-định như trong bản đồ kèm theo (xem bản đồ số 1).

Hai bên đều đồng ý có một khu phi quân-sự hai bên giới tuyến. mỗi bên rộng nhất là 5 cây số kể từ giới tuyến trở đi. Khu phi-quân-sự này dùng để làm khu đệm và để tránh việc xung-đột có thể làm cho chiến-sự xảy trở lại.

Điều 2. — Thời-hạn cần-thiết để thực-hiện việc di-chuyển hoàn-toàn các lực lượng của hai bên về vùng tập-hợp của họ ở hai bên giới-tuyến quân-sự tạm thời không được quá ba trăm — (300) — ngày, kể từ ngày hiệp-định này bắt đầu có hiệu-lực.

Điều 3. — Khi giới tuyến quân-sự tạm thời trùng với một giòng sông, thì thuyền bè của dân đều có thể đi lại trên những khúc sông nào mà mỗi bờ sông do mỗi bên kiểm-soát. Ban Liên hợp sẽ quy-định thể lệ đi lại trên những khúc sông ấy.

Các tàu buôn và các loại thuyền bè khác của dân ở mỗi bên đều có quyền cập bến trong khu-vực bên mình kiểm-soát mà không bị hạn chế gì.

Điều 4. — Giới-tuyến quân-sự tạm thời giữa hai vùng tập-hợp kéo dài ra ngoài hải-phận theo một đường thẳng góc đường ven biển.

Digitized by Google

Lực-lượng Liên-Hiệp-Pháp sẽ rút khỏi tất cả các hải-đảo ven bờ biển thuộc phía Bắc giới-tuyến ấy, Quân-đội Nhân-dân Việt-Nam sẽ rút khỏi tất cả các hải đảo thuộc phía Nam.

Điều 5. — Để tránh những sự xung-đột có thể gây lại chiến-sự, tất cả lực-lượng, vật-liệu và dụng-cụ quân-sự đều phải đưa ra khỏi khu phi-quân-sự trong thời-hạn hai mươi nhăm — (25) — ngày kể từ ngày hiệp-định này bắt đầu có hiệu-lực.

Điều 6. — Bất cứ người nào, hoặc quân-nhân, hoặc người thường đều không được vượt qua giới-tuyến quân-sự tạm thời, nếu không được phép rõ ràng của Ban Liên-Hợp.

Điều 7. — Bất cứ người nào, hoặc quân-nhân, hoặc người thường, đều không được vào trong khu phi-quân-sự, trừ những người có trách-nhiệm về hành-chính dân-sự, và về tổ-chức cứu-tế và những người được phép rõ ràng của Ban Liên-hợp.

Điều 8. — Việc hành-chính và tổ-chức cứu-tế ở trong khu phi-quân-sự, mỗi bên giới-tuyến quân-sự tạm thời thuộc vùng của bên nào thì do Tổng-Tư-Lệnh của bên ấy phụ-trách.

Số người, quân-nhân và người thường, của mỗi bên được phép vào trong khu phi-quân-sự để đảm-bảo việc hành-chính và việc tổ-chức cứu-tế đều do Tư-Lệnh của mỗi bên ấn-định, nhưng bất kỳ lúc nào cũng không được quá số người mà Ban Quân-sự Trung-Giá hay Ban Liên-hợp sẽ quy định.

Ban Liên-hợp sẽ ấn định nhân-viên cảnh-sát hành-chính, số vũ-khí của những nhân-viên cảnh-sát ấy. Không ai được mang vũ-khí nếu không được phép rõ-ràng của Ban Liên-hợp.

Điều 9. — Không có một khoản nào trong chương trình này có thể hiểu theo ý-nghĩa làm mất quyền hoàn-toàn tự-do ra vào hay đi lại trong khu phi-quân-sự của Ban Liên-hợp, của những toán Liên-hợp của Ban Quốc-tế thành-lập như quy-định dưới đây, của những Đội Kiểm-tra, cùng tất cả những người khác và vật-liệu, dụng-cụ đã được phép rõ-ràng của Ban Liên-hợp cho vào khu phi-quân-sự. Khi cần đi lại từ một điểm này đến một điểm kia trong khu phi-quân-sự mà không có đường thủy hay đường bộ nằm hẳn

Digitized by Google

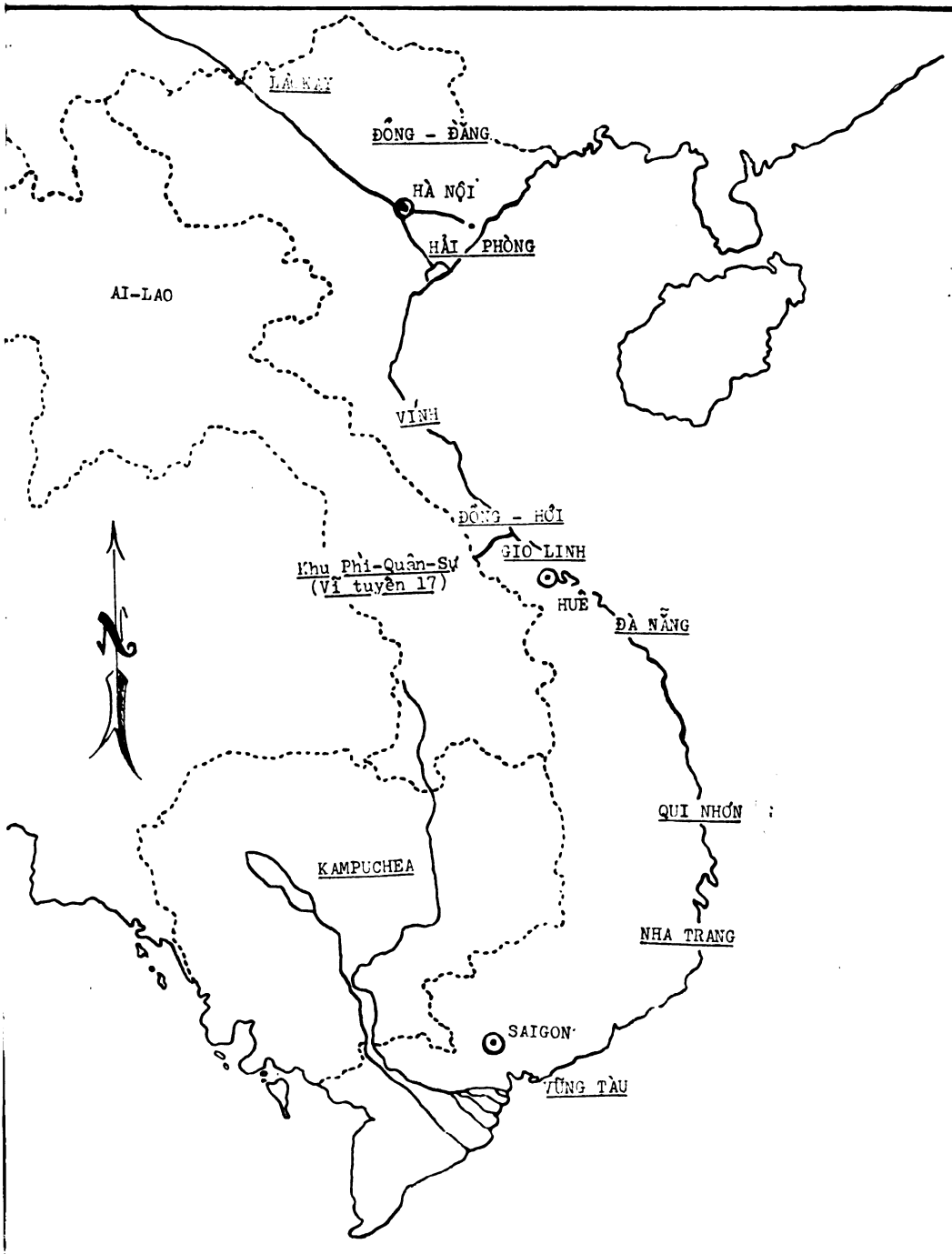

Digitized by Google

Digitized by Google

trong khu phi-quân-sự, thì được phép dùng những con đường thủy hay đường bộ nối hai điểm ấy đi ngang qua vùng đặt dưới quyền kiểm soát quân sự của bất cứ một bên nào.

CHƯƠNG II

NGUYÊN-TẮC VÀ CÁCH THỨC THI-HÀNH HIỆP-ĐỊNH NÀY

*

Điều 10. — Các bộ Tư-Lệnh quân đội đôi bên, một bên là Tổng Tư-Lệnh Quân-đội Liên-Hiệp-Pháp ở Đông-Dương, một bên là Tổng Tư-Lệnh Quân-đội nhân-dân Việt-Nam sẽ ra lệnh hoàn toàn đình-chỉ chiến-sự ở Việt-Nam cho tất cả lực-lượng vũ-trang đặt dưới quyền của họ, kể tất cả các đơn-vị và nhân-viên lục, hải, không-quân, và bảo-đảm sự thực-hiện đình-chỉ chiến-sự đó.

Điều 11. — Theo nguyên-tắc ngừng bắn đồng thời khắp toàn cõi Đông-Dương, sự đình-chỉ chiến-sự phải đồng thời trên toàn cõi Việt-Nam, tại tất cả các chiến-trường và cho tất cả mọi lực-lượng của hai bên.

Tính theo thời gian thực-sự cần-thiết để chuyển lệnh ngừng bắn tới những cấp thấp nhất của lực lượng chiến đấu đôi bên, hai bên đồng ý sẽ thực-hiện ngừng bắn hoàn toàn và đồng thời, theo từng khoảnh lãnh thổ, trong những điều-kiện sau đây :

— Ở Bắc bộ Việt-Nam, đúng 8 giờ (địa-phương) ngày hai mươi bảy (27) tháng bảy (7) năm 1954.

— Ở Trung-bộ Việt-Nam, đúng 8 giờ (địa-phương) ngày mồng một (1) tháng Tám (8) năm 1954.

— Ở Nam bộ Việt-Nam, đúng 8 giờ (địa-phương) ngày mười một (11) tháng Tám (8) năm 1954.

Giờ địa-phương nói trong điều này là giờ kinh tuyến Bắc-kinh.

Kể từ khi thực-hiện ngừng bắn thực-sự ở Bắc bộ Việt-Nam, mỗi bên cam-đoan không mở những cuộc tấn công lớn trên toàn

Digitized by Google

thể chiến trường Đông-Dương, không huy-động lực-lượng không-quân ở các căn-cứ miền Bắc bộ Việt-Nam ra ngoài địa-hạt Bắc bộ Việt-Nam. Hai bên cam-đoan gửi cho nhau để biết những kế hoạch chuyển quân của mình từ vùng tập hợp này sang vùng tập hợp khác, trong thời hạn hai mươi nhăm (25) ngày kể từ ngày hiệp-định này bắt đầu có hiệu lực.

Điều 12. — Tất cả những hành-động và vận-chuyển trong việc đình-chỉ chiến-sự và việc thực-hiện cách tập-hợp phải tiến-hành trong trật-tự và an-toàn.

a) Trong thời hạn một số ngày sau khi thực-hiện ngừng bắn thực-sự do Ban Quân-sự Trung-Giá định, mỗi bên có trách-nhiệm cất dọn và làm mất hiệu-lực những địa-lôi và thủy lôi (kể cả ở sông và ở biển) những cạm bẫy, những chất nổ và tất cả những chất nguy-hiểm khác mà bên ấy đã đặt trước. Trong trường-hợp không kịp cất dọn và làm mất hiệu-lực các loại nói trên, thì phải đặt những dấu hiệu rõ rệt. Tất cả những nơi phá hoại, những nơi có địa-lôi, những lưới giây thép gai và những vật chướng ngại khác cho sự đi lại tự do của nhân viên Ban Liên-Hợp và của các Toán Liên-hợp mà người ta tìm ra sau khi bộ-đội đã rút đi thì Tư-Lệnh các lực-lượng của hai bên phải báo cho Ban Liên-hợp biết.

b) Trong thời kỳ kể từ khi ngừng bắn cho đến khi tập hợp xong, quân-đội ở hai bên giới tuyến :

1° Ở những khu định giao cho bộ đội của một bên tạm đóng thì bộ đội của bên kia tạm rút ra ngoài những khu đó.

2° Trong khi lực lượng của một bên rút theo một đường giao-thông (đường đất, đường xe lửa, đường sông hay đường biển) đi ngang qua địa-hạt của bên kia (xem điều 24) thì lực-lượng của bên kia phải tạm thời lui xa hai bên đường giao-thông mỗi bên 3 cây số, nhưng tránh làm trở ngại cho sự đi lại của thường dân.

Điều 13. — Trong thời kỳ từ ngày ngừng bắn đến khi chuyển quân xong từ vùng này sang vùng kia, các phi cơ thường và phi cơ vận-tải quân-sự phải bay theo những hành lang nhất định nối liền các khu đóng quân tạm thời của quân đội Liên-Hiệp Pháp ở phía Bắc giới tuyến với biên giới Lào và vùng tập hợp dành cho quân đội Liên-Hiệp-Pháp.

Digitized by Google

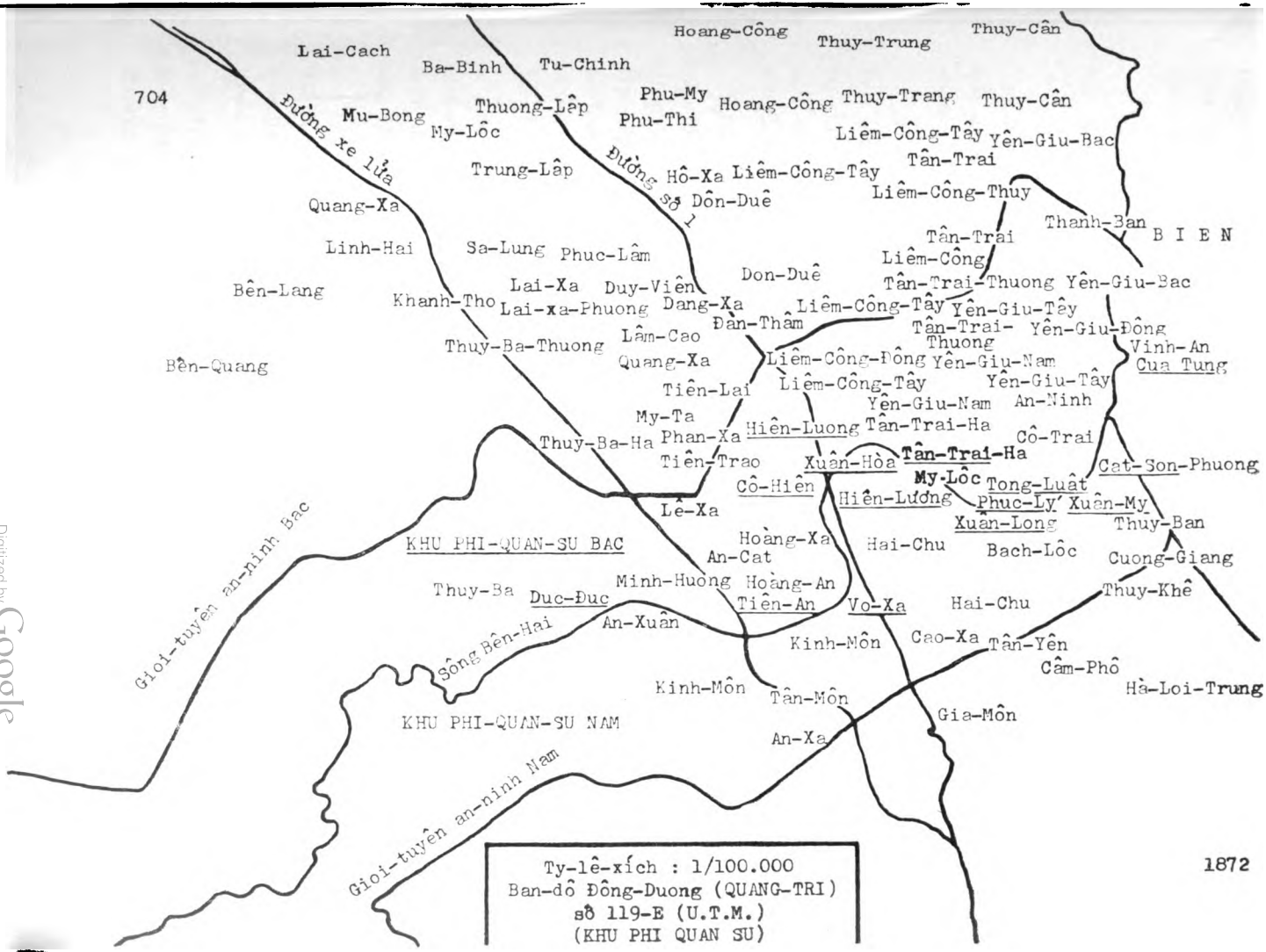

Digitized by Google

Digitized by Google

Những hành-lang trên không, bề rộng của các hành-lang ấy, hành-trình an toàn mà các phi-cơ quân-sự một động cơ phải theo trong việc chuyển về phía Nam, và những thể-thức tìm kiếm và cứu nạn những phi cơ bị nạn sẽ do Ban quân-sự Trung-Giá ấn-định tại chỗ.

Điều 14. — Những biện-pháp chính-trị và hành-chính trong hai vùng tập-hợp, ở hai bên giới tuyến quân-sự tạm thời :

a) Trong khi đợi tổng tuyển-cử để thực-hiện thống-nhất nước Việt-Nam, bên nào có quân đội của mình tập hợp ở vùng nào theo quy-định của hiệp-định này thì bên ấy sẽ phụ-trách quản-trị hành-chánh ở vùng ấy.

b) Một địa-hạt thuộc quyền của bên này sắp chuyển giao cho bên kia theo kế-hoạch tập hợp thì vẫn do bên này tiếp-tục quản-trị cho đến ngày tất cả bộ-đội của mình đã dời khỏi địa-hạt đó để giao cho bên kia. Từ ngày đó, địa hạt này coi như chuyển cho bên kia chịu trách nhiệm quản trị.

Phải thi-hành những biện-pháp để tránh sự gián đoạn trong vấn-đề chuyển giao trách-nhiệm này. Để đạt mục-đích ấy, bên rút đi phải kịp thời báo trước cho bên kia để bên kia có những sự sắp xếp cần-thiết, nhất là việc cử những nhân-viên hành-chính và cảnh-sát đến để chuẩn-bị tiếp-nhận những trách-nhiệm về hành-chính. Thời hạn báo trước sẽ do Ban Quân-sự Trung-Giá ấn-định. Sự chuyển giao ấy sẽ tiến hành lần-lượt theo từng khoảnh đất đai.

Sự chuyển giao quyền hành-chính Hà-nội và Hải-phòng cho nhà đương-cuộc của nước Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa phải hoàn toàn thi hành xong trong những thời hạn đã ấn-định ở điều khoản thứ 15 về việc chuyển quân.

c) Mỗi bên cam kết không dùng cách trả thù hay phân-biệt đối xử nào đối với những cá-nhân hoặc tổ-chức, vì lý-do hoạt-động của họ trong lúc chiến-tranh, và cam-kết bảo đảm những quyền tự-do dân-chủ của họ.

d) Trong thời gian kể trên từ khi hiệp định này bắt đầu có hiệu lực đến ngày hoàn thành việc chuyển quân, nếu có những thường dân, ở một khu thuộc quyền kiểm soát của bên này mà

Digitized by Google

muốn sang ở vùng giao cho bên kia, thì nhà chức-trách của khu trên phải cho phép và giúp đỡ sự di chuyển ấy.

Điều 15. — Việc tách rời bộ-đội chiến-đấu, việc rút quân, việc chuyển quân và vật-liệu, dụng-cụ quân-sự, phải tiến hành theo những nguyên tắc sau đây :

a) Việc rút quân và chuyển quân, vật-liệu và dụng-cụ quân sự của hai bên phải làm xong trong thời hạn ba trăm (300) ngày như đã định ở điều-khoản thứ hai (2) của hiệp-định này.

b) Những cuộc rút quân tuần-tự phải tiến-hành trong mỗi địa-hạt, theo từng khu-vực, từng phần khu-vực, hoặc từng tỉnh.

Những cuộc chuyển quân từ vùng tập hợp này sang vùng tập hợp khác sẽ tiến hành liên-tiếp từng đợt hàng tháng và tính theo tỷ-lệ số quân phải chuyển.

c) Hai bên phải đảm-bảo sự thực hiện việc rút và chuyển tất cả các lực-lượng theo đúng mục-đích nói trong hiệp-định, không dung-thứ một hành-vi địch đối nào, không được làm bất cứ việc gì có thể trở ngại cho việc rút quân và chuyển quân của nhau. Hai bên phải giúp-đỡ lẫn nhau trong phạm-vi có thể được.

d) Hai bên không dung-thứ bất cứ hành-động nào hủy-hoại hoặc phá-hoại tài-sản công cộng và xâm phạm đến sinh-mệnh và tài-sản của thường dân. Hai bên cũng không dung-thứ bất cứ sự can-thiệp nào vào nội chính địa-phương.

e) Ban Liên-hợp và Ban Quốc-Tế theo rõi việc thi-hành những biện-pháp đảm-bảo an-toàn của bộ-đội trong khi rút và trong khi chuyển.

f) Ban Quân-sự Trung-Giá và sau này Ban Liên-hợp sẽ cùng nhau ấn-định những thể-thức cụ-thể về việc tách rời bộ đội chiến đấu, việc rút quân và chuyển quân, căn cứ trên những nguyên tắc đã kể trên và trong khuôn-khổ sau đây :

1° Việc tách rời bộ-đội chiến-đấu, bao gồm sự tụ-họp tại chỗ các lực-lượng vũ-trang bất cứ thuộc loại nào, sự vận-chuyển tới những khu đóng quân tạm thời của mỗi bên, và sự tạm rút của quân đội bên kia, phải làm xong trong một thời hạn không được quá mười lăm (15) ngày, sau ngày thực-hiện ngừng bắn.

Digitized by Google

Đường vạch những khu đóng quân tạm thời được ấn định trong phụ bản (địa đồ kèm theo).

Để tránh mọi việc xung đột, không bộ đội nào được đóng dưới 1.500 thước cách giới hạn của những khu đóng quân tạm thời.

Trong thời kỳ kể từ ngày hiệp định bắt đầu có hiệu-lực đến ngày chuyển quân xong, tất cả những đảo gần bờ biển ở phía Tây con đường định sau đây, đều thuộc khu chu vi Hải-Phòng :

— Kinh tuyến của mỏm phía Nam cù-lao Ké-bào.

— Bờ bể phía Bắc của đảo Rousse (không kể hòn đảo ấy) kéo dài tới kinh-tuyến Cẩm-phả-mỏ.

— Kinh-tuyến Cẩm-phả-mỏ.

2° Những cuộc rút quân và chuyển quân sẽ tiến hành theo thứ tự và những thời hạn (kể từ ngày hiệp định này bắt đầu có hiệu-lực) định sau đây :

— *Quân-đội Liên-Hiệp-Pháp :*

Chu-vi Hà-nội	Tám mươi (80) ngày.
Chu-vi Hải-Dương	Một trăm (100) ngày.
Chu-vi Hải-phòng	Ba trăm (300) ngày.

— *Quân-đội Nhân-Dân Việt-Nam :*

Khu Hàm-tân — Xuyên-mộc ..	Tám mươi (80) ngày.
Đợt thứ nhất của khu tạm đóng quân ở Trung-bộ Việt-Nam .	Tám mươi (80) ngày.
Khu Đồng-Tháp Mười	Một trăm (100) ngày.
Đợt thứ hai của khu tạm đóng quân ở Trung-bộ Việt-Nam.	Một trăm (100) ngày.
Khu mũi Cà-Mau	Hai trăm (200) ngày.
Đợt chót của khu tạm đóng quân ở Trung-bộ Việt-Nam.	Ba trăm (300) ngày.

Digitized by Google

CHƯƠNG III

CẤM ĐEM THÊM QUÂN ĐỘI, NHÂN VIÊN QUÂN SỰ, VŨ-KHÍ, ĐẠN DƯỢC MỚI, CĂN CỨ QUÂN SỰ

*

Điều 16. — Kể từ khi Hiệp-định này bắt đầu có hiệu-lực, cấm không được tăng thêm vào nước Việt-Nam mọi bộ đội và nhân-viên quân-sự.

Tuy-nhiên, sẽ cho phép việc thay thế những đơn-vị, nhân viên, sẽ cho phép những quân-nhân riêng lẻ đến Việt-Nam làm một công việc nhất thời, những nhân-viên riêng lẻ trở lại Việt-Nam sau một thời hạn nghỉ phép ngắn hay một công-vụ nhất thời ở ngoài nước Việt-Nam. Sự cho phép ấy phải theo điều-kiện sau đây :

a) Sự thay thế đơn-vị (định nghĩa ở đoạn *c* của điều này) và nhân-viên không được phép thi-hành đối với quân đội của Liên-Hiệp-Pháp đóng ở phía Bắc giới tuyến quân sự tạm thời định ở điều 1, trong thời kỳ rút quân nói ở điều 2 của hiệp-định này.

Tuy nhiên, đối với những quân-nhân riêng lẻ mới đến hoặc trở lại vùng phía Bắc giới tuyến quân-sự tạm thời, vì một công vụ nhất thời, hoặc sau một thời hạn nghỉ phép ngắn hay có công-vụ nhất thời ở ngoài Việt-Nam, thì không được cho phép vào mỗi tháng quá năm mươi (50) người, kể cả nhân-viên sĩ-quan.

b) Danh từ « thay-thế » có nghĩa là thay những đơn-vị hoặc nhân-viên đến Việt-Nam để làm nhiệm-vụ hải-ngoại thuộc phiên mình.

c) Những đơn-vị thay thế không thể không bao giờ được lớn hơn một tiểu-đoàn, nếu là không-quân và hải-quân thì cũng không được lớn hơn một đơn-vị tương đương với tiểu-đoàn.

d) Sự thay thế phải là một người thay một người, những số người đưa vào Việt-Nam để thay thế trong mỗi khoảng thời gian ba tháng không được quá một vạn năm nghìn năm trăm (15.500) người thuộc ngành quân-sự.

e) Những đơn-vị (định nghĩa ở đoạn *c* của điều này) và nhân viên thay-thế cùng những quân-nhân riêng lẻ nói trong điều này

Digitized by Google

chỉ có thể vào và ra nước Việt-Nam theo những cửa khẩu kể ở điều 20 sau này.

f) Mỗi bên phải báo trước, ít nhất là 2 ngày, cho Ban Liên-hợp và Ban Quốc-tế, tất cả những việc vận-chuyển có thể đến : vận-chuyển những đơn-vị, nhân-viên và quân nhân riêng lẻ đến Việt-Nam hoặc từ Việt-Nam đi. Những việc chuyển-vận đơn-vị, nhân-viên và quân-nhân riêng lẻ đến Việt-Nam hoặc từ Việt-Nam đi phải được báo cáo hàng ngày cho Ban Liên-hợp và Ban Quốc-tế biết.

Mỗi một bản báo trước hoặc báo cáo kể trên đây phải nói rõ địa-điểm và ngày tháng đi, đến và số người đi hoặc đến.

g) Ban Quốc-Tế dùng những Đội Kiểm-tra để giám-sát và kiểm tra, ở những cửa khẩu kể ở điều 20 sau đây, sự thay thế các đơn-vị và nhân-viên, sự đi hoặc đến của những quân-nhân riêng lẻ được phép ra vào nói trên đây.

Điều 17. — *a)* Kể từ khi hiệp-định này bắt đầu có hiệu-lực, cấm tăng viện vào nước Việt-Nam mọi thứ vũ-khí, đạn dược và những dụng cụ chiến tranh khác, ví-dụ : phi-cơ chiến đấu, đơn-vị thủy-quân, khẩu đại-bác, khí-cụ và súng ống phản động lực, khí-cụ thiết-giáp.

b) Tuy nhiên, các dụng-cụ chiến-tranh, vũ-khí và đạn dược phá-hủy, hư-hỏng, mòn hoặc hết sau khi đình chỉ chiến-sự có thể được thay thế một đổi một, cùng một loại và với đặc-điểm tương-tự.

Đối với những lực-lượng của quân-đội Liên-Hiệp-Pháp đóng ở phía Bắc giới tuyến quân sự tạm thời định ở điều 1, trong thời hạn rút quân đã định ở điều 2 của hiệp-định này, thì không được phép thay-thế dụng-cụ chiến-tranh, vũ-khí và đạn-dược.

Các đơn-vị hải-quân có thể thực-hiện việc vận-chuyển giữa các vùng tập hợp.

c) Những dụng-cụ chiến-tranh, những vũ-khí và đạn dược để thay thế nói ở đoạn *b* điều này chỉ có thể đưa vào Việt-Nam qua những cửa khẩu kể ở điều 20 sau đây. Những dụng-cụ chiến-tranh, vũ-khí và đạn-dược cần được thay-thế chỉ có thể đưa ra ngoài nước Việt-Nam qua những cửa khẩu kể ở điều 20 sau đây.

d) Ngoài sự thay thế trong phạm-vi định ở đoạn *b* của điều này, cấm không được đưa vào những dụng-cụ chiến-tranh, vũ-khí và đạn-dược các loại, dưới hình-thức từng bộ-phận rời rạc, để sau đem lắp lại.

Digitized by Google

e) Mỗi bên phải báo trước ít nhất hai ngày cho Ban Liên-hợp, Ban Quốc-Tế tất cả những vận-chuyển ra và vào của các dụng-cụ chiến-tranh, vũ-khí và đạn-dược thuộc các loại.

Để chứng minh những yêu cầu đưa vào Việt-Nam những vũ-khí, đạn-dược và dụng-cụ chiến-tranh khác (định nghĩa trong đoạn *a* của điều này) để dùng vào việc thay thế cần phải trình Ban Liên-hợp và Ban Quốc-Tế một bản báo-cáo, mỗi lần có vận-chuyển vào. Bản báo-cáo ấy nói rõ việc xử-dụng các dụng-cụ đã được thay thế như thế nào.

f) Ban Quốc-Tế dùng những đội kiểm-tra để giám-sát và kiểm-tra sự thay-thế đã cho phép trong những điều-kiện nói trong điều-khoản này tại những cửa khẩu kể trong điều 20 sau đây.

Điều 18. — Từ ngày hiệp-định này có hiệu-lực, cấm không được thành-lập, trong toàn cõi Việt-Nam, những căn cứ quân-sự mới.

Điều 19. — Kể từ ngày hiệp-định này bắt đầu có hiệu-lực, cấm không được lập một căn-cứ quân-sự ngoại-quốc nào trong vùng tập hợp của đôi bên ; hai bên cam đoan rằng vùng thuộc về họ không gia-nhập một liên-minh quân-sự nào và không bị xử dụng để gây lại chiến-tranh hoặc phục-vụ cho một chính-sách xâm-lược.

Điều 20. — Những người thay-thế và dụng-cụ thay-thế phải đi qua những cửa khẩu ra vào Việt-Nam quy-định như sau đây :

Vùng phía Bắc giới-tuyến quân-sự tạm thời : Lào-Kay, Lạng-Sơn, Tiên-Yên, Hải-Phòng, Vinh, Đồng-Hới, Mường-Sen.

Vùng phía Nam giới-tuyến quân-sự tạm thời : Tourane, Qui-Nhơn, Nha-Trang, Ba-Ngòi, Sài-gòn, Cửa Ô-Cấp, Tân-Châu.

CHƯƠNG IV

TÙ-BINH VÀ THƯỜNG NHÂN BỊ GIAM GIỮ

*

Điều 21. — Việc thả và cho hồi hương những tù binh và những thường nhân bị giam giữ khi hiệp-định này bắt đầu có hiệu-lực, sẽ tiến-hành theo những điều-kiện sau đây :

Digitized by Google

a) Tất cả tù binh và thường nhân bị giam giữ, quốc-tịch Việt-Nam, Pháp hoặc quốc-tịch khác, bị bắt từ đầu chiến-tranh ở Việt-Nam, trong những cuộc hành-quân hoặc trong tất cả những trường-hợp chiến-tranh khác, ở trên toàn cõi Việt-Nam, sẽ được thả trong một thời hạn là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thực-hiện ngừng bắn thực-sự trên mỗi chiến trường.

b) Danh từ « thường nhân bị giam giữ » có nghĩa là tất cả những người đã tham gia bất cứ dưới hình-thức nào vào cuộc đấu-tranh võ-trang và chính-trị giữa đôi bên, và vì thế mà đã bị bên này hay bên kia bắt và giam giữ trong khi chiến-tranh.

c) Cách thả sẽ tiến-hành như sau : Mỗi bên trao trả cho nhà chức-trách có thẩm-quyền của bên kia toàn-thể tù-binh và thường nhân bị giam giữ. Nhà chức-trách bên nhận sẽ giúp đỡ họ bằng mọi cách có thể có được để họ về sinh-quán, nơi cư-trú thường xuyên hoặc về vùng họ tự lựa chọn.

CHƯƠNG V

ĐIỀU-KHOẢN LINH-TINH

*

Điều 22. — Tư-lệnh hai bên chú-trọng trừng-phạt thích đáng những người thuộc quyền mình mà làm trái bất kỳ một điều khoản nào hiệp-định này.

Điều 23. — Trong trường-hợp biết rõ nơi chôn cất và có mồ mả rõ-ràng, Bộ Tư-Lệnh mỗi bên sẽ cho phép nhân-viên trông coi việc chôn cất của bên kia được vào trong vùng thuộc lãnh-thổ Việt-Nam đặt sự kiểm-soát của mình, trong một thời-hạn nhất-định, sau khi hiệp-định đình-chỉ chiến-sự bắt đầu có hiệu-lực để lấy thi-hài của những quân-nhân chết của bên kia, kể cả những tù-binh chết. Ban Liên-hợp sẽ ấn-định phương-thức thi-hành việc này và thời hạn cần phải làm xong. Các Bộ Tư-Lệnh mỗi bên sẽ cho nhau biết tất cả tài-liệu, tin-tức mà họ có về mồ mả của quân nhân của bên kia.

Digitized by Google

Điều 24. — Hiệp-định này áp-dụng cho tất cả mọi lực-lượng vũ-trang của đôi bên. Lực-lượng vũ-trang của mỗi bên sẽ phải tôn trọng khu phi-quân-sự và lĩnh-thổ đặt dưới quyền kiểm-soát quân-sự của bên kia và sẽ không có hành-động hoặc hoạt-động gì chống bên kia, hoặc một hoạt-động phong-tỏa bất cứ bằng cách nào ở Việt-Nam.

Danh từ « lĩnh-thổ » nói đây gồm cả hải-phận và không-phận.

Điều 25. — Trong khi thi-hành nhiệm-vụ định trong hiệp-định này, Ban Liên-hợp và các Toán Liên-hợp, Ban Quốc-Tế và các Đội Kiểm-tra của Ban Quốc-Tế cần được sự bảo-vệ, giúp đỡ và cộng tác của các Tư-Lệnh lực-lượng hai bên.

Điều 26. — Các phí-tổn cần-thiết cho Ban Liên-hợp và các Toán Liên-hợp, Ban Quốc-Tế và những Đội Kiểm-tra của Ban Quốc-Tế sẽ do đôi bên chia đều nhau mà chịu.

Điều 27. — Những người ký hiệp-định này và những người kế-tiếp nhiệm-vụ của họ sẽ có nhiệm-vụ đảm bảo sự tôn-trọng việc thực-hiện các điều-khoản của hiệp-định này. Các Tư-Lệnh hai bên, trong quyền hạn của mình, sẽ thi-hành mọi biện-pháp và mọi điều-khoản cần thiết để tất cả những phần-tử và nhân-viên quân-sự dưới quyền họ, tôn trọng hoàn-toàn những điều-khoản của hiệp-định này.

Những thể-thức thi-hành hiệp-định này, mỗi khi cần thiết, sẽ do Tư-Lệnh đôi bên nghiên-cứu và nếu cần, do Ban Liên-hợp định rõ thêm.

CHƯƠNG VI

BAN LIÊN-HỢP VÀ BAN QUỐC-TẾ Ở VIỆT-NAM

Điều 28. — Trách-nhiệm thực-hiện Hiệp-định đình-chỉ chiến-sự là thuộc về hai bên.

Điều 29. — Việc giám-sát và kiểm-soát sự thực-hiện ấy do một ban Quốc-tế bảo-đảm.

Digitized by Google

Điều 30. — Để làm dễ-dàng cho việc thực-hiện các điều cần đến sự hoạt-động phối-hợp của hai bên, trong những điều-kiện quy-định dưới đây, sẽ thành-lập một Ban Liên-hợp ở Việt-Nam.

Điều 31. — Ban Liên-hợp gồm một số Đại-biểu bằng nhau của Bộ Tư-Lệnh hai bên.

Điều 32. — Các Trưởng đoàn Đại-biểu trong Ban Liên-hợp là cấp tướng.

Ban Liên-hợp thành-lập những nhóm Liên-hợp, số lượng bao nhiêu do hai bên thỏa-thuận quy-định. Các nhóm Liên-hợp gồm một số sĩ-quan bằng nhau của hai bên. Hai bên sẽ căn-cứ vào nhiệm-vụ của Ban Liên-hợp mà quy-định nơi đóng của các nhóm ấy trên giới tuyến của các vùng tập hợp.

Điều 33. — Ban Liên-hợp bảo-đảm sự thực-hiện những điều khoản sau đây của hiệp-định :

a) Ngừng bắn, đồng thời và toàn diện ở Việt-Nam, cho tất cả các lực-lượng vũ-trang chính-quy và không chính quy của hai bên.

b) Sự tập hợp lực-lượng vũ-trang của hai bên.

c) Sự tôn-trọng giới-tuyến các vùng tập hợp và khu phi-quân-sự.

Ban Liên-hợp giúp hai bên theo phạm-vi thẩm-quyền của mình trong việc thực-hiện các điều-khoản kể trên, bảo đảm việc liên-lạc giữa hai bên để khởi-thảo và thi-hành những kế-hoạch áp-dụng các điều-khoản ấy, cố gắng giải-quyết các mâu-thuẫn có thể nẩy ra giữa hai bên trong khi thực hiện các điều-khoản ấy.

Điều 34. — Nay thành-lập một Ban Quốc-tế, phụ-trách giám-sát và kiểm-soát sự áp-dụng các điều-khoản của hiệp-định đình-chỉ chiến-sự ở Việt-Nam. Ban ấy gồm một số đại-biểu bằng nhau của các nước sau đây : Ấn-Độ, Ba-Lan, Gia-nã-Đại. Ban ấy do Đại-biểu Ấn-Độ làm chủ-tịch.

Điều 35. — Ban Quốc-tế đặt những đội Kiểm-tra cố định và lưu-động, gồm một số sĩ-quan bằng nhau do mỗi nước trong các nước trên đây để cử ra.

Những đội cố định đóng tại các điểm sau đây :

Vùng phía Bắc giới-tuyến quân-sự tạm thời : Lào-Kay, Lạng-Sơn, Tiên-Yên, Hải-phòng. Vinh, Đồng-Hới, Mường-Sen.

Digitized by Google

Vùng phía Nam giới-tuyến quân-sự tạm thời : Tourane, Qui-Nhơn, Nha-Trang, Ba-Ngòi, Sài-gon, Ô-Cấp, Tân-Châu.

Sau này những điểm đóng đó có thể thay đổi theo sự yêu-cầu của Ban Liên-hợp, hoặc của một trong hai bên, hoặc chính của Ban Quốc-tế, do sự thỏa-thuận giữa Ban Quốc-tế và Bộ Tư-Lệnh của bên hữu quan.

Khu hoạt-động của các đội lưu-động là những nơi gần các biên-giới thủy, bộ của Việt-Nam, đường giới-tuyến giữa các vùng tập-hợp và khu phi-quân-sự. Trong phạm-vi đó, các đội lưu-động có quyền tự-do đi lại, và được các nhà chức-trách hành-chính và quân-sự địa-phương cho mọi sự dễ dàng mà họ cần đến để làm trọn nhiệm-vụ (cung-cấp nhân-viên, tài-liệu cần-thiết cho việc kiểm-soát, triệu-tập những người làm chứng cần thiết cho các cuộc điều-tra, bảo-vệ sự an-toàn và sự tự-do đi lại của các Đội Kiểm tra, v.v...). Các Đội lưu-động dùng những phương-tiện vận-chuyển, quan-sát và thông-tin tối tân mà họ cần đến.

Ngoài những khu hoạt-động quy-định ở trên, các Đội lưu-động có thể, với sự đồng ý của Bộ Tư-Lệnh bên hữu quan, đi lại ở những nơi khác, trong phạm-vi nhiệm-vụ mà hiệp-định này giao cho họ.

Điều 36. — Ban Quốc-tế phụ-trách giám-sát việc hai bên thi hành những điều khoản của hiệp-định. Nhằm mục-đích đó, Ban Quốc-tế làm những nhiệm-vụ kiểm-soát, quan-sát, kiểm-tra và điều-tra có liên-quan đến việc thi-hành những điều-khoản của hiệp-định đình-chỉ chiến-sự, và nhất là phải :

a) Kiểm-soát những việc đi lại của các lực-lượng vũ-trang của hai bên, tiến-hành trong phạm-vi kế-hoạch tập-hợp.

b) Giám-sát giới-tuyến vùng tập-hợp và vùng phi quân-sự.

c) Kiểm-soát những việc thả tù binh và thường nhân bị giam giữ.

d) Giám-sát tại các cửa biển và sân bay cũng như trên các biên-giới của Việt-Nam, việc thi-hành những điều-khoản của hiệp-định đình chỉ chiến sự quy-định việc đưa vào trong nước các lực-lượng vũ-trang, nhân-viên quân-sự và mọi thứ vũ-khí, đạn-dược và vật-dụng chiến-tranh.

Điều 37. — Ban Quốc-tế hoặc tự ý của mình, hoặc theo yêu-cầu của Ban Liên-hợp hay của một trong hai bên, sẽ dùng những

Digitized by Google

Đội Kiểm-tra nói trên tiến-hành trong thời-hạn ngắn nhất những cuộc điều-tra cần-thiết trên căn bản tại chỗ.

Điều 38. — Các Đội Kiểm-tra sẽ chuyển lên Ban Quốc-tế những kết quả về việc kiểm-soát, điều-tra và quan-sát của mình ; ngoài ra, các Đội ấy làm những bản báo-cáo đặc-biệt mà tự họ nhận thấy, hoặc do Ban yêu-cầu. Trường-hợp có sự bất đồng ý-kiến trong các Đội, kết-luận của mỗi một thành viên sẽ đưa lên Ban.

Điều 39. — Nếu một Đội Kiểm-tra không giải-quyết được một việc hoặc nhận thấy có sự vi-phạm hay nguy-cơ có một vi-phạm nghiêm-trọng đe-dọa, thì sẽ báo cáo với Ban Quốc-tế nghiên-cứu báo cáo và kết-luận của các Đội Kiểm-tra và báo cho các bên đương-sự biết những biện-pháp cần thi-hành để giải-quyết việc đó hay để chấm dứt sự vi-phạm hay tiêu trừ nguy-cơ vi-phạm.

Điều 40. — Khi Ban Liên-hợp không đi đến thỏa-thuận trong việc giải-thích một điều-khoản hay việc nhận định một sự việc, thì sẽ báo-cáo Ban Quốc-tế biết sự bất đồng đó. Những kiến-nghị của Ban Quốc-tế sẽ chuyển thẳng cho hai bên đương-sự và thông-tri cho Ban Liên-hợp.

Điều 41. — Những kiến-nghị của Ban Quốc-tế thông qua theo đa số, trừ đối với những điều khoản ở điều 42. Trường hợp số phiếu hai bên bằng nhau, thì phiếu của chủ-tịch là quyết-định.

Ban Quốc-tế có thể đề ra những kiến-nghị sửa-chữa và bổ-sung các điều-khoản của hiệp-định đình chỉ chiến sự ở Việt-Nam nhằm bảo đảm việc thi-hành có hiệu-quả hơn hiệp-định nói trên. Những kiến-nghị đó phải được toàn thể đồng thanh biểu-quyết.

Điều 42. — Khi có những vấn-đề có quan-hệ đến những sự vi-phạm hay những nguy-cơ vi-phạm có thể làm cho chiến-sự lại xảy ra, như :

a) Lực-lượng vũ-trang của một bên không chịu thi-hành những cuộc vận-chuyển đã định trong kế-hoạch tập hợp.

b) Lực-lượng vũ-trang của một bên phạm vào vùng tập-hợp, vào hải-phận hay không-phận của bên kia, thì những kiến-nghị của Ban Quốc-tế phải được toàn-thể đồng-thanh biểu-quyết.

Digitized by Google

Điều 43. — Nếu một bên không chịu chấp-hành kiến-nghị của Ban Quốc-tế, thì các bên hữu quan hoặc tự Ban đó báo-cáo cho các nước dự Hội-nghị Genève.

Nếu Ban Quốc-tế không đi tới được một kết-luận đồng thanh trong những trường hợp nói trong điều 42, thì Ban đó sẽ đệ trình cho các nước dự hội-nghị một báo-cáo của đa số, và một hay nhiều báo-cáo của thiểu số.

Ban Quốc-tế báo-cáo cho các nước dự hội-nghị biết mọi việc trở ngại cho hoạt-động của mình.

Điều 44. — Ban Quốc-tế sẽ được thành-lập ngay khi ngừng bắn ở Đông-Dương để có thể làm trọn nhiệm-vụ nói trong điều 36.

Điều 45. — Ban Quốc-tế giám-sát và kiểm-soát ở Việt-Nam hợp-tác chặt-chẽ với Ban Quốc-tế kiểm-soát và giám-sát ở Miên và Lào.

Một cơ-quan gồm một số đại-biểu bằng nhau của tất cả các nước có chân trong các Ban Quốc-tế sẽ đặt ra để phối-hợp hoạt-động của ba Ban mỗi khi cần-thiết trong việc thực hiện những hiệp-định đình-chỉ chiến-sự ở Miên, Lào, và Việt-Nam.

Điều 46. — Căn-cứ vào tình-hình phát-triển ở Cao-Miên, ở Lào và Việt-Nam, Ban Quốc-tế có thể, với sự thỏa-hiệp của cơ-quan phối-hợp, đề ra những kiến-nghị về việc giảm bớt dần những hoạt-động của mình. Những kiến-nghị ấy phải được đồng thanh biểu-quyết.

Điều 47. — Tất cả những điều khoản của hiệp-định này, trừ đoạn 2 của điều II, sẽ bắt đầu có hiệu-lực từ 24 giờ ngày 22 tháng 7 năm 1954 (giờ Genève).

Làm tại Genève ngày 20 tháng 7 năm 1954, lúc 24 giờ bằng tiếng Pháp và tiếng Việt-Nam cả hai bản đều có giá-trị như nhau.

Thay mặt Tổng-Tư-Lệnh
Quân-Đội Liên-Hiệp-Pháp
ở Đông-Dương

Thiếu-Tướng DELTEIL

Thay mặt Tổng-Tư-Lệnh
Quân-Đội Nhân-Dân
Việt-Nam

TẠ-QUANG-BỬU
Thứ-trưởng Bộ Quốc-Phòng

Digitized by Google

HỘI-NGHỊ GENÈVE VỀ VẤN-ĐỀ ĐÔNG-DƯƠNG

Phụ bản kèm theo Hiệp-định đình chỉ chiến-sự ở Việt-Nam

*

I. — *VẠCH GIỚI-TUYẾN QUÂN-SỰ TẠM THỜI VÀ KHU PHI-QUÂN-SỰ*

(Nói trong điều 1 của Hiệp-định — xem bản đồ Đông-Dương 1/100.000).

a) Giới-tuyến quân-sự tạm thời định từ Đông sang Tây như sau : Cửa sông Bến-Hải (sông Cửa Tùng) và giòng sông đó (Trong vùng núi, sông này tên là Rào-Thành) cho đến làng Bồ Hô Su, rồi vĩ-tuyến Bồ Hô Su cho đến biên giới Lào-Việt.

b) Vùng phi-quân-sự sẽ do Ban quân-sự Trung-Giá định, căn cứ theo những điều khoản của điều 1 trong hiệp-định đình chỉ chiến sự ở Việt-Nam.

II. — *VẠCH CÁC KHU ĐÓNG QUÂN TẠM THỜI*

(Xem điều 15 của hiệp-định — xem bản đồ Đông-Dương 1/100.000).

A. — BẮC VIỆT-NAM

Vạch giới hạn khu đóng quân tạm thời của lực-lượng Liên-Hiệp-Pháp.

1° *Chu-vi Hà-Nội,* giới hạn trong một đường vòng cung bán kính mười lăm (15) cây số, trung tâm là chân cầu Long-Biên bên hữu ngạn, chạy từ sông Hồng về phía Tây, và giáp với sông Đuống phía Đông Bắc.

Trong trường hợp đặc biệt này, không một bộ đội nào của Liên-Hiệp-Pháp được đóng trong phạm vi một vành đai rộng hai cây số chạy theo bên trong đường chu vi Hà-Nội.

Digitized by Google

2° *Chu vi Hải-Phòng,* giới hạn theo sông Vạn-Ôc lên đến ngang Kim-Thành, một đường đi từ sông Vạn-Ôc, cách Kim-Thành ba cây số về phía Tây Bắc, đến gặp đường số 18 cách phía Đông Mao-Khê hai cây số. Rồi đến một đường từ phía Bắc đường số 18 ba cây số đến Chợ-Trời và một đường thẳng từ Chợ-Trời đến bến phà Mông-Dương.

3° *Một hành lang, giới hạn như sau :*

— Phía Nam sông Hồng-Hà từ Thanh-Trì đến Bang-Nho, rồi một đường nối Bang-Nho với Đô-My (Tây-Nam Kẻ-Sặt), Gia-Lộc, Tiên-Kiêu.

— *Phía Bắc* một đường men theo sông Đuống cách 1.500 thước về phía Bắc, cách Phả-Lại và Sept Pagodes ba cây số về phía Bắc, và song song với đường số 18 cho đến khi gặp chu vi Hải-Phòng.

Ghi chú : Trong suốt thời gian rút khỏi chu vi Hà-Nội, thủy quân trên sông của Liên-Hiệp-Pháp được tự do đi lại trên sông Vạn-Úc. Và quân đội nhân dân Việt-Nam sẽ rút ra cách bờ sông Vạn-Úc ba cây số về phía Nam.

Giới hạn giữa chu vi Hà-Nội và chu vi Hải-Dương :

Một đường thẳng bắt đầu từ sông Đuống, cách Chi-Nê 3 cây số về phía Tây và chạy thẳng tới Đô-My (8 cây số phía Tây-Nam Kẻ-Sặt).

B. — TRUNG VIỆT-NAM

Vạch giới hạn khu đóng quân tạm thời : Chu vi của khu Trung Việt-Nam là địa giới hành-chính của các tỉnh Quảng-Ngãi và Bình-Định theo như quy định trước khi có chiến-sự.

C. — NAM VIỆT-NAM

Quy định ba khu đóng quân tạm thời cho các lực-lượng của quân đội nhân dân Việt-Nam.

Các khu ấy giới hạn như sau :

1° *Khu Xuyên-Mộc — Hàm-Tân :*

Giới hạn phía Tây : Giòng sông Ray, kéo dài về phía Bắc cho tới đường số 1, đến một điểm trên con đường đó, cách ngã ba đường số 1 và số 3 tám cây số về phía Đông.

Digitized by Google

Giới hạn phía Bắc : Đường số 1, kéo dài theo đường thẳng về phía Đông cho đến Kim-Thành trên bờ biển.

2° *Khu Đồng-Tháp-Mười :*

Giới hạn phía Bắc : Biên giới giữa Việt-Nam và Cao-Miên.

Giới hạn phía Tây : Một đường thẳng từ Tông-Bình đến Bình-Thành.

Giới hạn phía Nam : Giòng sông Tiền-giang (Cửu-Long) cho đến mười cây số về Đông-Nam Cao-Lãnh. Từ đây một đường thẳng chạy đến ấp Mỹ-Điền, rồi từ ấp Mỹ-Điền một đường song hành cách kênh đào Tổng-Đốc-Lộc ba cây số về phía Nam, đường này gặp Mỹ-Hành-Đông, rồi Hưng-Thành-Mỹ.

Giới hạn phía Đông : Một đường thẳng từ Hưng-Thành-Mỹ và đi về phía Bắc đến biên giới Cao-Miên về phía Nam Doi Bao-Voi.

3° *Khu Mũi Cà-Mau :*

Giới hạn phía Bắc : Sông Cái-Lớn, từ cửa sông đến chỗ hợp lưu với Rạch Nước Trong, rồi từ Rạch Nước Trong đến khuỷu sông cách ấp Xeo-La năm cây số phía Đông-Bắc. Một đường từ những điểm trên đến kênh đào Ngan Dua và dọc theo kênh đào này đến Vĩnh-Hưng, sau cùng một đường Bắc Nam từ Vĩnh-Hưng ra đến biển.

TUYÊN-BỐ CUỐI CÙNG

Ngày 21 tháng 7 năm 1954 của Hội-nghị Genève về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông-Dương, với sự tham gia của đại biểu Cao-Miên, quốc gia Việt-Nam, Mỹ, Pháp, Lào, Việt-Nam dân chủ cộng hòa, Trung-hoa nhân dân cộng hòa, Anh và Liên-xô.

1. — Hội-nghị chứng nhận những bản hiệp-định đình chỉ chiến sự ở Cao-Miên, Lào và Việt-Nam, và tổ chức sự kiểm soát quốc-tế và sự giám sát việc thi hành những điều khoản của các hiệp-định đó.

Digitized by Google

2. — Hội-nghị hài lòng về việc chấm dứt chiến sự ở Cao-Miên, Lào và Việt-Nam. Hội-nghị tỏ lòng tin tưởng rằng việc thi hành những điều khoản ghi trong bản tuyên bố này và trong những hiệp-định đình chỉ chiến sự sẽ làm cho ba nước Cao-Miên, Lào và Việt-Nam từ nay có thể đảm nhận với độc lập và chủ quyền hoàn toàn vai trò của mình trong tập thể hòa bình của các nước.

3. — Hội-nghị chứng nhận những lời tuyên-bố của hai chính-phủ Cao-Miên và Lào về việc hai chính-phủ đó nguyện thi hành những biện-pháp để cho tất cả mọi người công dân đều có được địa vị của mình trong tập thể dân tộc, nhất là bằng cách tham gia cuộc tổng tuyển cử sắp tới. Cuộc tổng tuyển cử này sẽ tiến hành trong năm 1955 căn cứ vào hiến pháp của mỗi nước, theo phương pháp bỏ phiếu kín và trong sự tôn trọng những quyền tự do căn bản.

4. — Hội-nghị chứng nhận những điều khoản trong hiệp-định đình chỉ chiến sự ở Việt-Nam về việc cấm đem vào Việt-Nam quân đội và nhân viên quân sự ngoại quốc, cũng như tất cả các thứ vũ khí, đạn dược. Hội-nghị cũng chứng nhận những lời tuyên bố của hai Chính-phủ Cao-Miên và Lào tỏ lòng kiên quyết sẽ chỉ yêu cầu viện trợ của nước ngoài về trang bị quân sự, nhân viên hoặc huấn luyện viên trong phạm vi cần thiết để bảo vệ lãnh thổ một cách có hiệu quả, và, đối với nước Lào, thì chỉ đến mức độ đã quy định trong hiệp-định đình chỉ chiến sự ở Lào.

5. — Hội-nghị chứng nhận những điều khoản trong hiệp-định đình chỉ chiến sự ở Việt-Nam định rằng không được thành lập một căn cứ quân sự nào của một nước ngoài trong những vùng tập hợp của đôi bên. Đôi bên có nhiệm vụ không để những vùng được trao cho mình tham gia bất cứ một khối liên minh quân sự nào và dùng vào việc gây lại chiến sự hoặc phục vụ cho một chính sách xâm lược. Hội-nghị cũng chứng nhận những lời tuyên bố của hai Chính-phủ Cao-Miên và Lào nói rằng hai Chính-phủ đó sẽ không ký kết bất cứ một hiệp-định nào với nước khác nếu hiệp-định đó buộc họ phải tham gia vào một khối liên minh quân sự không phù hợp với những nguyên tắc của hiến chương Liên-hiệp-quốc, hoặc riêng đối với nước Lào, không phù hợp với những nguyên tắc của hiệp-định đình chỉ chiến sự ở Lào, hoặc nếu hiệp-định đó buộc họ phải lập những căn cứ cho những lực lượng quân sự của nước ngoài trên lãnh thổ Cao-Miên hoặc Lào, khi mà an ninh của hai nước không bị đe dọa.

Digitized by Google

6. — Hội-nghị chứng nhận rằng mục đích căn bản của hiệp định về Việt-Nam là giải quyết các vấn đề quân sự để đình chỉ chiến sự, và giới tuyến quân sự chỉ có tính chất tạm thời, hoàn toàn không thể coi là một ranh giới về chính trị hay về lãnh thổ. Hội-nghị tin tưởng rằng việc thi hành những điều khoản trong bản tuyên bố này và trong những hiệp-định đình chỉ chiến sự tạo ra cơ sở cần thiết để giải quyết vấn đề chính trị ở Việt-Nam trong một thời gian ngắn.

7. — Hội-nghị tuyên bố rằng đối với Việt-Nam, việc giải quyết các vấn đề chính trị, thực hiện trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, sẽ phải làm cho nhân dân Việt-Nam được hưởng những tự do căn bản, bảo đảm bởi những tổ chức dân chủ thành lập sau tổng tuyển cử tự do và bỏ phiếu kín.

Để cho việc lập lại hòa bình tiến triển đến mức cần thiết, và để thực hiện tất cả những điều kiện cần thiết cho nhân dân Việt-Nam có thể tự do bày tỏ ý muốn, cuộc tổng tuyển cử sẽ tổ chức vào tháng 7-1956, dưới sự kiểm soát của một ban quốc-tế gồm đại biểu những nước có chân trong Ban giám sát và kiểm soát quốc-tế đã nói trong hiệp-định đình chỉ chiến sự. Kể từ ngày 20 tháng 7 năm 1955, những nhà đương cục có thẩm quyền trong hai vùng sẽ có những cuộc gặp gỡ để thương lượng về vấn đề đó.

8. — Phải triệt để thi hành những điều khoản trong hiệp-định đình chỉ chiến sự nhằm mục đích bảo vệ tính mạng và tài sản của mọi người và nhất là phải để cho tất cả mọi người ở Việt-Nam tự do lựa chọn vùng mình muốn sinh sống.

9. — Những nhà đương cục có thẩm quyền ở vùng Bắc và vùng Nam Việt-Nam, cũng như ở Lào và Cao-Miên không được dung thứ những hành động báo thù cá nhân hoặc tập thể đối với những người đã hợp tác, bất cứ dưới hình thức nào, với một trong hai bên trong thời gian chiến tranh, hoặc đối với gia đình những người đó.

10. — Hội-nghị chứng nhận lời tuyên bố của Chính-phủ Pháp nói rằng Chính-phủ Pháp sẵn sàng rút quân đội Pháp khỏi lãnh thổ Cao-Miên, Lào và Việt-Nam theo lời yêu cầu của những Chính-phủ có liên quan và trong một thời hạn do các bên thỏa thuận, trừ trường hợp mà do sự thỏa thuận giữa hai bên, một số quân đội Pháp có thể ở lại những điểm nhất định, trong một thời gian nhất định.

Digitized by Google

11. — Hội-nghị chứng nhận lời tuyên bố của Chính-phủ Pháp nói rằng Chính-phủ Pháp, trong sự giải quyết tất cả những vấn đề có liên quan đến việc lập lại và củng cố hòa bình ở Cao-Miên, Lào và Việt-Nam, sẽ căn cứ trên sự tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Cao-Miên, Lào và Việt-Nam.

12. — Trong quan hệ với Cao-Miên, Lào và Việt-Nam, mỗi nước tham gia hội-nghị Genève cam kết tôn trọng chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của những nước trên và tuyệt đối không can thiệp vào nội trị của những nước đó.

13. — Các nước tham gia hội nghị Genève thỏa thuận sẽ hỏi ý kiến nhau về mọi vấn đề do Ban giám sát và kiểm soát quốc-tế chuyển tới, nhằm nghiên cứu những biện pháp tỏ ra cần thiết để đảm bảo sự tôn trọng những hiệp-định đình chỉ chiến sự ở Cao-Miên, Lào và Việt-Nam.

Digitized by Google

Phụ bản số 2

BẢN TUYÊN-NGÔN CỦA ÔNG TRẦN-VĂN-ĐỖ TRƯỞNG PHÁI-ĐOÀN VIỆT-NAM

(Ngày 21 tháng 7 năm 1954)

*

Phái-Đoàn Quốc-gia Việt-Nam đã đưa đề-nghị nhằm thực hiện một cuộc đình chiến mà không phân chia nước Việt, dù chỉ là tạm thời bằng việc giải giới các lực lượng chiếu đầu sau khi rút về khu vực đóng quân, càng hẹp càng hay, của mỗi bên và bằng sự thiết-lập việc kiểm-soát tạm thời của Liên-hiệp-quốc trên toàn lãnh thổ Việt-Nam, trong khi chờ đợi vãn hồi trật tự và hòa bình để dân Việt có thể quyết định vận mệnh mình bằng tổng tuyển cử tự-do.

Phái-Đoàn Việt-Nam phản đối việc bác bỏ mà không cứu xét đề-nghị ấy — đề-nghị độc nhất tôn trọng nguyện vọng dân-tộc Việt-Nam.

Phái-Đoàn tha-thiết yêu-cầu Hội-nghị chấp-thuận ít nhất là vấn-đề phi quân sự hóa và trung lập hóa các giáo khu miền Trung châu Bắc-Việt. Phái-đoàn long trọng phản đối việc ký kết hấp tấp thỏa-hiệp ngừng chiến do 2 cơ quan tư lệnh tối cao Pháp và Việt-Minh mà thôi, trong khi Bộ Tư-lệnh Pháp chỉ huy quân-đội Việt-Nam do một sự ủy quyền của Quốc-Trưởng Việt-Nam ; hơn nữa, rất nhiều điều-khoản của thỏa-hiệp nói trên mang nặng những mối nguy hại cho tương lai chính trị của dân-tộc Việt-Nam.

Phái-đoàn long trọng phản đối việc thỏa-hiệp đình chiến phó nhượng cho Việt-Minh cả những vùng mà quân-đội Việt-Nam còn đóng quân. Những khu vực này rất cần thiết để bảo-vệ Việt-Nam khỏi bị cộng-sản xâm nhập. Trong thực-tế, thỏa hiệp còn đi đến chỗ tước của Việt-Nam cái quyền bất khả xâm phạm để tổ chức phòng thủ của mình ngoài sự duy trì một quân đội ngoại quốc trên lãnh thổ mình.

Digitized by Google

Phái-đoàn long trọng phản đối việc Bộ Tư-lệnh Pháp, mặc dầu không được sự thỏa-thuận trước của Phái-đoàn Việt-Nam, đã tự tiện ấn-định ngày tổng tuyển cử. Việc này có tính cách chính-trị rõ rệt.

Vì thế cho nên Chánh-phủ Việt-Nam yêu cầu Hội-nghị ghi nhận một cách chánh thức rằng Việt-Nam long trọng phản đối cách ký hiệp định cùng những điều khoản không tôn trọng nguyện vọng sâu xa của dân Việt. Chánh-phủ Việt-Nam yêu cầu Hội-nghị ghi nhận rằng Chánh-phủ tự dành cho mình quyền hoàn toàn tự do hành động để bảo vệ quyền thiêng liêng của dân tộc Việt-Nam trong công cuộc thực-hiện Thống-nhất, Độc-lập và Tự-do cho xứ sở.

Ngày 21 tháng 7 năm 1954

Trưởng Phái-Đoàn Việt-Nam

Bác-sĩ TRẦN-VĂN-ĐỖ

Digitized by Google

ỦY HỘI QUỐC TẾ KIỂM SOÁT ĐÌNH CHIẾN TẠI VIỆT-NAM

BẢN BÁO CÁO ĐẶC BIỆT

gởi hai vị đồng Chủ-Tịch

(bản dịch)

*

Ủy-Hội Quốc-Tế Kiểm Soát Đình Chiến tại Việt-Nam kính chào hai vị đồng Chủ-Tịch Hội Nghị Genève về Đông-Dương và trân trọng tham chiếu đoạn 2, công hàm ngày 8-5-1956 của hai vị đồng Chủ-Tịch Hội-nghị Genève về Đông Dương trong đó, quý vị Chủ-Tịch có yêu cầu Ủy-Hội báo cáo, trong trường hợp Ủy-Hội gặp phải bất cứ khó khăn nào trong nhiệm vụ mà không thể giải quyết ngay tại chỗ và đồng thời, thúc giục đôi bên đương sự tại Việt-Nam hãy hết lòng hợp tác và giúp đỡ Ủy-Hội. Trong thư đề ngày 27-5-1956 Ủy-Hội Quốc-Tế đoan chắc với hai vị đồng Chủ-Tịch rằng Ủy-Hội sẽ tiếp tục cố gắng duy trì và củng cố hòa bình ở Việt-Nam và cũng quả quyết sẽ thi hành nhiệm vụ của mình trong khuôn khổ Hiệp-định Genève.

2. Thỉnh thoảng, Ủy-Hội Quốc-Tế có đệ trình hai vị đồng Chủ-Tịch những bản báo cáo tạm thời, trình bầy tóm tắt hoạt động của Ủy-Hội và nói qua về sự tiến triển trong việc hai bên đương sự thi hành Hiệp định Genève. Trong bản báo cáo nói trên, ngoài vấn đề khác, U.H. đã vạch rõ những nỗi khó khăn của mình, nhất là về khuynh hướng của đôi bên đương sự không chịu chấp nhận và thi hành lời khuyến cáo và quyết định của Ủy-Hội và sự khăng khăng duy trì quan điểm riêng của họ trong một số trường hợp. Hai vị đồng Chủ-Tịch cũng đã được báo cáo về những sự khó khăn mà các Tổ cố định của U.H. đã gặp phải, trong khi thừa hành nhiệm vụ kiểm soát và thanh tra, theo đúng trách nhiệm của họ chiếu điều 35 và 36 (d) của Hiệp-định.

Digitized by Google

3. Trong bản báo cáo tạm thời thứ 11 về khoảng từ 1-2-1960 đến 28-2-1961, Ủy-Hội có bầy tỏ rằng mặc dầu một vài khó khăn và những hiểm họa âm thầm tại Việt-Nam, sự hiện diện và hoạt động của U.H. đã giúp ích trong việc gìn giữ hòa bình.

4. Từ ngày đệ trình bản báo cáo tạm thời thứ 11 đến nay, tình hình tại Việt-Nam trở nên càng ngày càng trầm trọng. Ủy-Hội thấy có bổn phận phải làm bản báo cáo đặc biệt này gởi hai vị đồng Chủ-Tịch về việc Việt-Nam Dân Chủ Cộng Hòa bị nghiêm trọng tố cáo có những hoạt động xâm lăng và phá rối chống Việt-Nam Cộng-Hòa, và Việt-Nam Cộng-Hòa bị khiếu nại đã vi phạm điều 16, 17 và 19 Hiệp định Genève trong sự nhận viện trợ quân sự Mỹ.

Phái-đoàn Ba-Lan bất đồng ý kiến về những quan điểm trình bầy trong bản báo cáo đặc biệt này. Xin chuyển đệ tờ trình của Phái-đoàn Ba-Lan đính hậu.

5. Trân trọng yêu cầu tham chiếu đoạn 24 của bản báo cáo tạm thời thứ 10 và đoạn 32 của bản báo cáo tạm thời thứ 11, trong đó U.H. có bầy tỏ mối lo ngại của Việt-Nam Cộng-Hòa về vấn đề phá rối tại miền Nam Việt-Nam. Trong đoạn 61 của bản báo cáo tạm thời thứ 11, U.H. cũng có nêu rõ những đơn khiếu nại của Chính Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa gởi U.H. tố cáo vụ Chính phủ Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa tấn công miền Kontum và Pleiku hồi tháng 10 dương lịch 1960. Suốt năm 1961, loại đơn khiếu nại này được tiếp tục gởi đến U.H. ngày một nhiều. Hồi tháng 6 dương lịch 1961, U.H. công bố lập trường của mình là U.H. có thẩm quyền nhận và xét những đơn khiếu nại loại này, chiếu những điều khoản được ấn định rõ rệt trong Hiệp-định Genève.

6. Ủy-Hội cũng nhận được nhiều đơn khiếu nại của Bộ chỉ huy tối cao Quân Đội Nhân dân Việt-Nam (PAVN), khiếu nại sự nhập nội, ngày một nhiều, các nhân viên quân sự Mỹ vào miền Nam Việt-Nam, cùng với một số lớn vũ khí, vi phạm điều 16 và 17. Tất cả những đơn này đã được chuyển đến Phái-đoàn miền Nam để giải thích. Trong nhiều vụ, đương sự đã bác bỏ những lời tố cáo này. Nhưng U.H. đứng trong một địa vị không thể nào xác định được sự thực hư của những lời khiếu nại này, vì phần nhiều, tại các địa điểm nhập nội, các Tổ của U.H. không thi hành được các cuộc thanh tra và kiểm soát một cách hữu hiệu. Tuy nhiên, hồi tháng 7 năm 1961, Phái-đoàn miền Nam có nhấn mạnh rằng bất cứ những gì

Digitized by Google

Mỹ viện trợ cho Chính phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đều có nghĩa là để chiến đấu chống công cuộc khuấy rối của Cộng-sản tại miền Nam, và để chứng minh điểm này, Phái-đoàn Việt-Nam cũng đã nhắc tới nội dung của bản thông cáo được công bố sau cuộc viếng thăm của Phó Tổng Thống Hoa Kỳ Johnson tại Saigon vào hồi tháng 5 năm 1961.

7. Trong khi Ủy-Hội tiếp tục làm việc trong bầu không khí khó khăn này, ngày 9-9-1961, Phái-đoàn liên lạc Việt-Nam Cộng-Hòa gởi cho U.H. một điệp văn khiếu nại rằng Quân đội Nhân dân Việt-Nam lại tấn công vào Kontum ngày 1-9-1961. U.H. đã chuyển giao bức thơ ấy cho Phái-đoàn liên lạc Quân đội Nhân dân Việt-Nam để giải thích. Trong thơ trả lời số 492/CT/I/B đề ngày 11-12-1961, Phái-đoàn ấy tuyên bố rằng « Bộ chỉ huy tối cao Quân đội Nhân dân Việt-Nam sẽ cương quyết bác bỏ tất cả mọi quyết định của U.H. liên quan tới điều mà người ta gọi là « hoạt động khuấy rối tại miền Nam », một vấn đề không liên hệ gì tới Hiệp định Genève ». Ngoài ra, Phái-đoàn ấy còn thông tri cho U.H. biết rằng « từ nay về sau, Phái-đoàn ấy sẽ bó buộc phải cương quyết bác bỏ bất cứ những lời yêu cầu giải thích nào về những đơn khiếu nại thuộc loại này ».

8. Trong lúc đó, vào đầu tháng 10 năm 1961, Bộ Ngoại-Giao Chính Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa tố giác rằng Đại Tá Hoàng Thụy Năm, Trưởng Phái-đoàn giao-dịch với U.H.Q.T. đã bị bắt cóc. Về sau, Bộ Ngoại-Giao thông tri cho Ủy-Hội biết Đại Tá Năm đã bị ám sát. Theo đơn tố cáo, nhà cầm quyền Hà-nội đã nhúng tay trong vụ bắt cóc và ám sát Đại Tá Năm. Xin tham chiếu thơ của Ủy-Hội số IC/ADM/V-5/61/4097 đề ngày 9-11-61 về vụ này. Vì tính cách quan trọng của những lời tố cáo, Ủy-Hội có yêu cầu Phái-đoàn miền Nam cung cấp những bằng chứng đầu tiên để chứng tỏ nhà cầm quyền miền Bắc có liên can trong vụ này. Ngày 24-10-61 và 16-11-61 Ủy-Hội đã nhận được thư với đầy đủ chi tiết của Phái-đoàn này cùng rất nhiều tài liệu và hình chụp để chứng minh lời tố cáo. Phái-đoàn cũng tuyên bố rằng « Chính-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa tin tưởng rằng vụ Đại Tá Hoàng Thụy Năm phải được xét, không phải như một vụ lẻ loi, nhưng như là một phần của cả một kế hoạch rộng lớn khuấy rối và khủng bố do nhà cầm quyền Hà-nội chủ mưu. Vụ ám sát này đánh dấu một giai đoạn mới trong việc thi hành kế hoạch ấy nhằm cướp chính quyền tại miền Nam ». Hồi

Digitized by Google

tháng 11 năm 1961, Ủy-Hội xét những bức thơ tố cáo này và chuyển những thư ấy cho Ban Pháp Lý của Ủy-Hội để xét « với mục đích xác định xem những lời tố cáo và bằng chứng đầu tiên, có liên quan gì đến các điều khoản của Hiệp-định Genève không ».

9. Ban Pháp Lý đã xét kỹ càng những lời tố cáo và bằng chứng đưa ra, như tài liệu và những tang vật khác, và đã làm tờ trình như sau, với sự bất đồng ý kiến của đại diện Ba-Lan :

« Chúng tôi đã nghiên cứu Hiệp Định về ngưng chiến tại Việt-Nam, thư khiếu nại của Phái-đoàn Việt-Nam Cộng-Hòa số 4660/PDVN/CT/TD/2 đề ngày 24-10-61, và số 5078/PDVN/CT/TD/2 đề ngày 16-11-61, và văn kiện của Ủy-Hội liên quan đến việc này, cùng các tài liệu do Phái-đoàn Việt-Nam Cộng-Hòa đưa ra làm bằng chứng và chúng tôi đã đạt tới các kết luận sau đây :

(1) Hiệp định về cuộc ngưng chiến tại Việt-Nam được ký kết trên nguyên tắc mọi chiến sự phải hoàn toàn chấm dứt tại Việt-Nam, mỗi bên phải tôn trọng vùng chỉ định cho bên kia và có trách nhiệm không thể trốn tránh được, phải thi hành những nghĩa vụ do nguyên tắc này đặt ra.

Điều 10 của Hiệp-định ghi rõ ràng nhiệm vụ của đôi bên là phải ra lệnh và thực hiện ngừng chỉ hoàn toàn mọi chiến sự tại Việt-Nam.

Điều 19 của Hiệp-định bắt buộc hai bên phải cam đoan rằng những khu chỉ định cho họ không được dùng để tái chiến hay để theo đuổi một chính sách gây hấn.

Điều 24 của Hiệp định đặt nguyên tắc bất khả xâm phạm khu phi quân sự và lãnh thổ chỉ định cho đôi bên và ghi rõ ràng rằng quân đội của mỗi bên phải tôn trọng lãnh thổ đặt dưới quyền kiểm soát quân sự của bên kia và sẽ không có một hành động nào và không làm một tác động gì chống lại bên kia.

Điều 27 của Hiệp định xác định rõ ràng trách nhiệm của vị Tổng Tư Lệnh Quân đội của đôi bên, là buộc các phần tử và nhân viên quân sự dưới quyền chỉ huy của họ phải thi hành đúng theo các điều khoản của Hiệp định.

Do đó, sự dùng một khu để tổ chức hoặc thi hành bất luận hoạt động gây hấn nào trong khu kia, những vi phạm lãnh thổ

Digitized by Google

của bên kia, bởi quân đội của bên này, hoặc những hành vi của bất cứ phần tử nào dưới quyền kiểm soát của một bên, chống đối với bên kia, sẽ trái với các điều khoản căn bản của Hiệp định buộc đôi bên phải hỗ tương tôn trọng những lãnh thổ đã chỉ định cho họ.

(2) Sau khi xem xét các đơn khiếu nại và tài liệu làm bằng do Phái-đoàn miền Nam gởi đến, Ban Pháp Lý đã đi tới kết luận rằng trong những vụ đặc biệt, có bằng chứng tỏ rõ rằng đã có những nhân viên võ trang và không võ trang, khí giới, đạn dược và các vật tiếp liệu khác, được gởi từ khu phía Bắc vào khu phía Nam với mục đích ủng hộ, tổ chức và thực hiện hoạt động gây hấn kể cả những cuộc tấn công võ trang chống lại quân đội và cơ sở hành chánh của khu miền Nam. Những hành động này vi phạm các điều 10. 19, 24 và 27 của Hiệp định ngừng chiến tại Việt-Nam.

(3) Xét các đơn khiếu nại và những tang vật nhất là những tài liệu do Phái-đoàn Việt-Nam Cộng-Hòa gởi đến, Ban Pháp Lý còn đi tới kết luận rằng, có bằng chứng tỏ rõ rằng quân đội Nhân dân Việt-Nam đã xử dụng khu miền Bắc để xúi giục, khuyến khích và ủng hộ những hoạt động gây hấn trong khu miền Nam, nhằm mục đích lật đổ Chính quyền miền Nam. Việc xử dụng khu miền Bắc vào những hoạt động ấy vi phạm điều 19, 24 và 27 của Hiệp định ngừng chiến tại Việt-Nam.

(4) Ban Pháp Lý cho rằng một cuộc điều tra bổ túc là cần thiết, mới có thể kết luận về điểm có phải vụ bắt cóc và ám sát Đại Tá Năm, Cố Trưởng Phái-đoàn Việt-Nam Cộng-Hòa, là một trong những hoạt động nói ở đoạn (2) và (3) nói trên, và do điều 19, 24 và 27 Hiệp định Genève ngăn cấm hay không. Phái-đoàn Việt-Nam Cộng-Hòa đã cung cấp cho Ủy-Hội những bằng chứng đầu tiên đủ đảm bảo cho một cuộc điều tra đầy đủ về vụ này.

(5) Chúng tôi sẽ đệ trình kịp thời, một bản phúc trình với đầy đủ chi tiết về các đơn khiếu nại của Phái-Đoàn Việt-Nam Cộng-Hòa, cùng các bằng chứng kèm theo liên quan đến những đơn khiếu nại ấy, và những nhận xét về từng vụ của chúng tôi ».

10. Ủy-Hội chấp nhận các kết luận của Ban Pháp Lý là có đủ bằng chứng tỏ ra một cách không thể nghi ngờ được rằng Quân đội Nhân

Digitized by Google

dân Việt-Nam đã vi phạm điều 10. 19, 24 và 27 trong những vụ đặc biệt. Phái-Đoàn Ba-Lan bất đồng ý kiến về những kết luận này. Ủy-Hội sẽ căn cứ vào bản phúc trình đầy đủ hơn, đang được Ban Pháp Lý soạn thảo, bao gồm tất cả các lời tố cáo và các vụ đã xảy ra, hầu áp dụng thích nghi cho mỗi vụ.

11. Đồng thời với các sự kiện nói ở đoạn 7 và 8 và sau đó, Ủy-Hội có nhận được thơ của Bộ chỉ huy tối cao Quân đội Nhân dân Việt-Nam và Phái-đoàn liên lạc của họ, tố cáo sự *can thiệp quân sự trực tiếp của Chính Phủ Hoa Kỳ tại miền Nam và những vụ nhập cảng ngày càng nhiều dụng cụ chiến tranh và nhập nội nhân viên quân sự trái với Hiệp định Genève.* Sau đây là một vài khoản tố cáo :

a) một hiệp ước quân sự song phương đã được ký kết giữa Tổng Thống Ngô-đình-Diệm và Đại Sứ Mỹ Nolting ;

b) 5.000 nhân viên quân sự Mỹ đã lần lượt nhập nội miền Nam. « con số này chẳng bao lâu sẽ lên tới 8.000 » ;

c) 4 hàng không mẫu hạm — Core, Breton, Princeton và Croaton — đã cặp bến trong những dịp khác nhau, chở đến phi cơ trực thăng, phi cơ khác, quân cụ và nhân viên quân sự ;

d) Hoa Kỳ đã cho nhập nội độ chừng 4 đại đội phi cơ trực thăng, nhiều phản lực cơ chiến đấu, phi cơ chiến đấu/oanh tạc cơ và phi cơ vận tải cùng với nhiều quân xa và quân cụ khác ;

e) một số đông chuyên viên quân sự và nhân vật cao cấp Mỹ đã tới Saigon để thanh tra và chỉ dẫn, nhất là Đại Tướng Maxwell Taylor, Đô Đốc H. Felt và Đại Tướng Lemnizer ;

f) một bộ chỉ huy viện trợ quân sự Mỹ do Đại Tướng 4 sao Paul D. Harkins, chỉ huy, đã được thiết lập.

12. Từ tháng chạp dương lịch 1962, các Tổ Quốc Tế ở miền Nam đã luôn luôn bị từ chối không được quyền đi kiểm soát và thị sát theo nhiệm vụ của họ. Cho nên những Tổ ấy, tuy có thể trông thấy các vũ khí, kể cả hàng không mẫu hạm chở phi cơ trực thăng, liên tục nhập nội, nhưng không thể xác định số lượng và loại vũ khí đã dỡ xuống và nhập nội vào miền Nam Việt-Nam, vì lẽ không kiểm soát được.

Digitized by Google

13. Mặt khác, Ủy-Hội nhận được thơ của Phái-Đoàn liên lạc Việt-Nam Cộng-Hòa đề ngày 9-12-1961, bầy tỏ rằng :

« Đứng trước cuộc xâm lăng do Cộng sản Bắc-Việt chỉ huy chống lại Việt-Nam Cộng-Hòa, vi phạm hiển nhiên Hiệp-định Genève, Chính Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đã yêu cầu Chính Phủ Mỹ tăng cường sự viện trợ nhân viên và dụng cụ mà Chính Phủ Mỹ đã cấp cho Việt-Nam Cộng-Hòa. Quyền « tự vệ » là một thuộc tính chính đáng và cố hữu của chủ quyền, vậy Chính Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa tự thấy bó buộc phải xử dụng quyền ấy và xin tăng viện trợ, vì Bắc-Việt tiếp tục vi phạm Hiệp định Genève và xâm phạm đến sanh mạng và tài sản của dân chúng miền Nam tự do.

« Những biện pháp này có thể chấm dứt, chừng nào nhà cầm quyền miền Bắc ngưng hẳn mọi hành động gây hấn và bắt đầu tôn trọng Hiệp-định Genève ».

14. Ủy-Hội đã cứu xét bức thơ này của Chính Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa và lưu ý Phái-Đoàn Việt-Nam đến điều 16, 17 của Hiệp định Genève và thủ tục do Ủy-Hội đã ấn định về việc nhập nội vũ khí và quân nhân, cùng là những nghĩa vụ bắt buộc do nguyên tắc này gây ra. Ủy-Hội cũng cho Phái-Đoàn hay rằng đơn khiếu nại về sự tố cáo hoạt động phá hoại và gây hấn của Bắc-Việt đang được Ủy-Hội xúc tiến cứu xét riêng biệt.

15. Căn cứ vào những nhận xét của Ủy-Hội ở đoạn 14 trên, Ủy-Hội đang lưu ý đến lời khiếu nại của Bộ chỉ huy tối cao Quân đội Nhân dân Việt-Nam, với mục đích triệt để thi hành điều 16 và 17 của Hiệp định cùng các thủ tục đã được ấn định.

16. Theo bản tóm tắt các lời khiếu nại của Bộ chỉ huy tối cao của Quân đội Nhân dân Việt-Nam, từ tháng chạp 1961 đến 5-5-1962, thời số quân nhân và vũ khí nhập nội miền Nam ước lượng như sau : 5.000 quân nhân (số này có thể lên tới 8.000 một ngày gần đây), 157 phi cơ trực thăng, 10 phi cơ thám thính, 37 phản lực cơ, 34 phi cơ chiến đấu/oanh tạc cơ, 21 phi cơ vận tải, 35 phi cơ không rõ loại gì, 40 xe thiết giáp và 20 xe thám thính, « nhiều » khinh giáp đĩnh và xe lội nước, 3.000 tấn và 1.350 thùng dụng cụ chiến tranh, và 7 tàu chiến (không kể 5 khu trục hạm của hạm đội thứ 7 của Hoa Kỳ cho là đến để huấn luyện). Phần nhiều thơ tố cáo, nói trong đoạn này và đoạn 11 trên, đã được gởi cho Phái-Đoàn

Digitized by Google

liên lạc của Việt-Nam Cộng-Hòa để giải thích mau chóng ; nhưng tới nay, Ủy-Hội chưa nhận được thơ nào của Phái-đoàn Việt-Nam Cộng-Hòa trả lời một cách thỏa đáng. Đồng thời, trong một vài trường hợp, Ủy-Hội cũng yêu cầu miền Nam cho biết rõ lý do gì nếu có, mà miền Nam tự cho là Việt-Nam Cộng-Hòa đã không vi phạm điều 17 (e) về thủ tục khai báo, cũng như là điều 16 và 17 về việc nhập nội nhân viên và võ khí.

17. Vì Ủy-Hội không thể làm tròn nhiệm vụ kiểm soát như nói ở đoạn 12 trên, Ủy-Hội không thể biết đích xác số nhân viên quân sự và số lượng quân cụ nhập nội. Tuy nhiên, từ 3-12-61 đến 5-5-62, các Tổ của Ủy-Hội có kiểm soát được sự nhập nội của 72 nhân viên quân sự, và có trông thấy nhưng không thể kiểm soát, 62 phi cơ trực thăng, 6 phi cơ thám thính, 5 phản lực cơ, 57 phi cơ chiến đấu oanh tạc cơ, 25 phi cơ vận tải, 26 phi cơ không rõ loại nào, 102 xe Jeep, 8 xe kéo, 8 đại bác 105 ly, 3 xe vận tải thiết giáp, 29 xe kéo chiến đấu thiết giáp, 404 xe móc hậu, và dụng cụ Radar và các thùng, 5 tầu chiến, 9 LST (kể cả 4 chiếc LST đến viếng thăm), 3 LCT, 5 hàng không mẫu hạm đến viếng thăm và đồ phụ tùng đủ các loại. Đối với một vài vụ nhập nội quân cụ trong khoảng 3-12-1961 đến 16-1-1962, Việt-Nam Cộng-Hòa đã bị buộc lỗi là vi phạm điều 17 (e) cũng như vi phạm điều 25, vì đã không khai báo trước việc nhập nội theo Hiệp định Genève, và không dành cho các Tổ của Ủy-Hội sự giúp đỡ cần thiết để họ thi hành nhiệm vụ.

18. Đối với việc Chính phủ miền Nam xin quyền nhập nội để chứng minh một vài thứ nhập cảng, Ủy-Hội xin minh xác là cho tới nay, ngoại trừ một số quân cụ có hạn, Việt-Nam Cộng-Hòa đã nhập nội quá số được phép. Như vậy có thể nói rằng ngay như trong trường hợp có quyền nhập nội chiếu theo điều 17 (b) của Hiệp định, đương sự cũng chỉ có thể nhập cảng dụng cụ chiến tranh theo nguyên tắc « một thay một, cùng loại, và cùng đặc tính ». Tuy nhiên, vì không được phép kiểm soát, nên Ủy-Hội không thể biết trên thực tế nguyên tắc cốt yếu này có được tôn trọng hay không, ngay trong trường hợp có quyền nhập nội.

19. Đối với khoản tố cáo của Bộ chỉ huy tối cao Quân đội Nhân dân Việt-Nam rằng một bộ chỉ huy viện trợ quân sự Mỹ đã được thiết lập tại miền Nam Việt Nam, trái với điều 19, Ủy-Hội có yêu cầu bên đương sự cho biết những điều sau đây :

Digitized by Google

i) Bộ chỉ huy Mỹ ấy đã được thiết lập hay chưa ;

ii) Bộ chỉ huy này đã được thiết lập trên căn bản nào ;

iii) Với mục đích gì ;

iv) Số nhân viên ;

v) Phạm vi hoạt động.

Trong thơ đề ngày 15-3-1962, Phái-đoàn Việt-Nam Cộng-Hòa đã cung cấp tài liệu cần thiết mà Ủy-Hội đã đòi hỏi và chỉ cho hay rằng Bộ chỉ huy viện trợ quân sự này không phải là một Bộ chỉ huy quân sự theo đúng nghĩa thông thường của nó, và công việc duy nhất của nó là kiểm soát và điều khiển việc xử dụng nhân viên và dụng cụ Mỹ. Ngoài ra, Phái-đoàn còn cho hay rằng không có sự liên minh quân sự giữa Hoa Kỳ và Việt-Nam Cộng-Hòa, không có hiệp ước nào về loại này được hai chính phủ phê duyệt.

20. Sau khi xét tất cả các sự-kiện và căn-cứ vào những điều nhận xét riêng của Ủy-Hội và những lời tuyên bố của các giới thẩm quyền ở Mỹ quốc và ở Việt-Nam Cộng-Hòa, Ủy-Hội kết luận rằng Chính Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đã vi phạm điều 16 và 17 của Hiệp định Genève, vì đã nhận thêm viện trợ quân sự của Mỹ quốc, mặc dầu không có quyền nhập nội. Ủy-Hội cũng có ý kiến rằng tuy không có một liên minh quân sự chánh thức nào giữa Mỹ quốc và Việt-Nam Cộng-Hòa, sự thiết lập một Bộ chỉ huy viện trợ quân sự Mỹ tại Việt-Nam, cũng như sự nhập nội một số lớn nhân viên quân sự Mỹ quá số nhân viên đã khai báo của MAAG, có thể coi như một liên minh quân sự trên thực tế, việc đó bị cấm đoán theo điều 19 của Hiệp định Genève.

21. Ủy-Hội cũng xin lưu ý hai vị đồng Chủ-Tịch đến việc gần đây, đôi bên đương sự có một khuynh hướng cố tình không chịu nhận hoặc từ chối sự kiểm soát của các Tổ của Ủy-Hội, và như vậy, đã hoàn toàn làm tê liệt hoạt động của các Tổ và cản trở Ủy-Hội trong việc thi hành nhiệm vụ kiểm soát theo điều 16 và 17 Hiệp định Genève. Suốt mấy tháng vừa qua, công việc quan trọng ấy của Ủy-Hội gần như bị bế tắc. Ủy-Hội xem xét tình thế và đã thông báo đầy đủ chi tiết cho hai bên đương sự, khuyến cáo họ để việc kiểm soát thường lệ được tái tục ngay (bản sao thơ gởi đôi bên đương sự đính theo bản báo cáo này : phụ đính 1). Tuy nhiên, Ủy-Hội lấy làm tiếc trình hai vị đồng Chủ-Tịch biết rằng, không có một sự cải thiện nào về phương diện này.

Digitized by Google

22. Ủy-Hội Quốc-Tế xin hai vị đồng Chủ-Tịch đặc-biệt lưu ý đến tình-hình nghiêm-trọng đã bành trướng từ mấy tháng nay, tại Việt-Nam. Các điều-khoản căn-bản của Hiệp-định Genève đều bị vi-phạm bởi đôi bên, gây ra một tình-hình ngày một căng thẳng và một sự đe dọa tái chiến công khai. Trong tình-trạng này, vai trò của Ủy-Hội trong việc duy-trì hòa-bình tại Việt-Nam bị cản trở lớn lao vì sự bất hợp-tác của đôi bên. Vậy với mục-đích làm tình-hình bớt căng thẳng và bảo-vệ hòa-bình tại Việt-Nam, Ủy-Hội tha thiết đề nghị hai vị đồng Chủ-Tịch áp-dụng những biện-pháp thích nghi, căn-cứ vào bản báo cáo này, để buộc đôi bên :

a) tôn-trọng « Khu » chỉ định cho bên kia ;

b) thi-hành triệt để điều 16, 17 và 19 Hiệp-định Genève về việc nhập-cảng võ-khí và nhập-nội nhân-viên quân-sự ;

c) không có hành-động nào và làm tác-động gì có tính-cách gây hấn chống lại bên kia ;

d*)* không để những « Khu » được chỉ định cho họ, gia nhập bất cứ một liên-minh quân-sự nào, cũng như được xử-dụng để tái phát chiến-tranh hoặc để theo đuổi một chính-sách gây hấn ;

e) hợp-tác với Ủy-Hội Quốc-Tế để Ủy-Hội làm tròn sứ-mạng kiểm-soát thi-hành Hiệp-định Genève.

23. Ủy-Hội Quốc-Tế Kiểm-soát Đình-chiến tại Việt-Nam xin trân-trọng kính chào hai vị đồng Chủ-Tịch của Hội-nghị Genève về Đông-Dương.

Saigon, ngày 2 tháng 6 năm 1962.

(L. POHORYLES)	(G. PARTHASARATHI)	(F.G. HOOTON)
Poland	India	Canada
	Ký tên	Ký tên

Digitized by Google

Số OPS/VIII/I/1327
Saigon, 5/6 tháng 4-1961

THƠ GỞI PHÁI ĐOÀN VIỆT-NAM GIAO-DỊCH VỚI ỦY HỘI QUỐC TẾ

ỦY-HỘI QUỐC TẾ KIỂM SOÁT ĐÌNH CHIẾN TẠI VIỆT-NAM

*

Tổng Thơ-Ký kính chào Trưởng Phái-đoàn Việt-Nam giao-dịch với Ủy-Hội Quốc-Tế và trân-trọng tham-chiếu vấn-đề kiểm-soát mà các Tổ của Ủy-Hội được ủy-thác như đã ghi trong Hiệp-định Genève và các huấn-thị cho các Tổ.

2. Ủy-Hội nhận thấy rằng các Tổ của Ủy-Hội không được phép kiểm-soát và không nhận được tất cả sự giúp đỡ và hợp-tác cần-thiết để thi-hành nhiệm-vụ được ủy-thác. Một số vụ rõ rệt được kê để làm thí-dụ trong phụ-bản đính hậu.

Sự kiểm-soát đã bị khước từ hoặc làm thành vô hiệu vì những lý-do sau đây :

a) Tổ không được xem các tài-liệu và tải hóa-đơn (manifeste) vì không được phép thanh-tra và kiểm-soát tại chỗ ;

b) Phương-tiện chuyển-vận được khai là không có sẵn ;

c) Tổ được cho biết là cấp trên không cho phép kiểm-soát ;

d) Không được phép kiểm-soát vào những ngày lễ ;

e) Hạn-chế sự di-chuyển tự-do của Tổ bởi nhiều lý-do ;

f) Sĩ-quan liên-lạc (++) khai là bị bệnh và không có người thay thế ;

g) Sĩ-quan liên-lạc không sẵn lòng đi với Tổ ;

(++) Cước chú : Sĩ-quan liên-lạc của Phái-đoàn được cử liên-lạc với Tổ của Ủy-Hội.

Digitized by Google

h) Sĩ-quan liên-lạc cho hay rằng đã trình việc kiểm-soát đặc-biệt lên Phái-đoàn ;

i) Tổ được cho biết là vấn-đề an-ninh không được đảm-bảo ;

j) Không đưa giấy tờ chứng-tỏ sự vận-chuyển nội địa.

3. Để bảo-vệ hòa-bình tại Việt-Nam, vấn-đề tối quan-trọng là đôi bên đương-sự phải hợp-tác chặt chẽ với Ủy-Hội và dành mọi sự dễ dàng để Ủy-Hội thi-hành nhiệm-vụ được giao phó, theo điều 25 của Hiệp-định Genève.

Tổng Thư-ký được lệnh tuyên-bố rằng Ủy-Hội lấy làm lo ngại về sự kiểm-soát của Ủy-Hội đã bị từ khước vì những lý-do không xác đáng kể ở đoạn 2 trên đây, mà đáng lẽ phải có biện-pháp để cải-thiện.

Ủy-Hội muốn nói rõ rằng gần đây Ủy-Hội nhận thấy Phái-đoàn đã luôn luôn không gởi giấy tiên-báo cho Ủy-Hội và khước từ sự kiểm-soát vũ-khí nhập nội. Trong sự-kiện ấy, có lẽ Ủy-Hội phải kết luận lấy, về số nhân-viên quân-sự và vũ-khí đã được nhập nội.

4. Ủy-Hội trân-trọng yêu-cầu Phái-đoàn hết sức hợp-tác để giúp Ủy-Hội làm tròn trách-nhiệm theo điều 16 và 17 của Hiệp-định Genève. Ngoài ra, Tổng Thư-ký cũng được lệnh tin Phái-đoàn rõ, nếu Phái-đoàn không dành mọi sự dễ dàng và hợp-tác với Ủy-Hội về phương-diện này, thì Ủy-Hội sẽ bắt buộc phải trình lên hai vị đồng Chủ-Tịch hội-nghị Genève rằng công-tác của Ủy-Hội tiếp tục bị Phái-đoàn cản-trở.

5. Tổng Thư-ký xin Trưởng Phái-đoàn Việt-Nam nhận lời thành kính.

Sd/ D.K. ROBERTSON
Trung-Tá
Ký thay Tổng Thư-ký

Ông Trưởng Phái-đoàn
giao-dịch với Ủy-Hội Quốc-Tế.

Digitized by Google

Phụ đính thơ

Số OPS/VIII/I/1327
Ngày 5/6 tháng 4/1962.

Thí-dụ đặc biệt về công việc kiểm-soát và thanh-tra bị từ khước hoặc làm thành vô hiệu

*

1. ***Tổ không được xem các tài-liệu, tải hóa-đơn, vì không được phép thanh tra và kiểm-soát tại chỗ.***

a) *Tổ QUI-NHƠN*

Ngày 17-1-1962, Tổ nhận thấy một chiếc tàu Việt-Nam đang rỡ hàng tại hải cảng. Sĩ-quan liên-lạc không đưa tải hóa-đơn, tài-liệu cho Tổ xem.

b) *Tổ SAIGON*

(i) Ngày 11, 12, 14, 15, 16 và 17-2-62, Tổ nhận thấy có nhiều tàu thủy trong hải-cảng. Sĩ-quan liên-lạc không xuất trình tài-liệu, tải hóa-đơn về chiếc tàu nào cả.

(ii) Trong những ngày ấy, Tổ cũng nhận thấy một vài phi-cơ tại phi-trường Tân-sơn-Nhứt. Sĩ-quan liên-lạc không xuất trình tài-liệu, tải hóa-đơn về những phi-cơ này.

c) *Tổ TOURANE*

Ngày 4-12-61, Tổ nhận thấy 2 phi-cơ vận tải và 1 phi-cơ chiến đấu. Hỏi thì Sĩ-quan liên-lạc nói rằng những phi-cơ ấy thuộc căn cứ không quân Tourane. Sĩ-quan liên-lạc không xuất trình tài-liệu nào về những phi-cơ này và không chịu cho Tổ lại gần, với lý-do rằng đó là khu phi quân-sự.

2. ***Tổ được cho hay rằng phương-tiện chuyên-chở không sẵn :***

Tổ CAP-SAINT-JACQUES

a) Suốt tuần mà ngày thứ bảy là 27-1-62 và 10-2-62, sự kiểm-soát những địa điểm sau đây không thể thực hiện được vì Sĩ-quan liên-lạc không lo liệu phương-tiện chuyên chở.

Digitized by Google

(i) Kiểm-soát hàng tuần sông Cửa Đại.

(ii) Kiểm-soát hàng tuần lên phía Bắc, không kể Phan-Thiết, nhưng kể cả đường quan lộ và đường xe lửa.

(iii) Kiểm-soát mỗi tuần hai lần miền đồng bằng sông Cửu-Long và sông Bassac, toàn bán-đảo An-Xuyên, miền duyên hải cho tới biên-giới Miên và kể cả kiểm-soát con đường Rạch-Giá và Hà-Tiên.

b) Kiểm-soát hàng tuần sông Cửa-Đại được định vào ngày 15-3-62 mà Tổ đã báo trước cho Sĩ-quan liên-lạc hay. Sĩ-quan này cho hay rằng hiện nay không có tàu. Công việc kiểm-soát không thể thực hiện được.

3. *Tổ được cho hay rằng cấp trên không cho phép kiểm-soát :*

a) *Tổ CAP SAINT-JACQUES*

Ngày 23-1-62, Tổ nhận thấy 3 chiếc tàu trong hải-cảng. Sĩ-quan liên-lạc không chịu cho chi-tiết gì và nói rằng từ nay các tải hóa đơn sẽ không được đưa Tổ xem và Sĩ-quan ấy không được phép xuất trình một tải hóa-đơn nào tại Phòng quan-thuế để Tổ xét.

b) *Tổ NHA-TRANG*

Từ 16-1-62, Sĩ-quan liên-lạc không xuất trình tài-liệu về các tàu thủy và phi-cơ tới Nha-Trang. Lý-do đưa ra là ông nhận được lệnh của cấp trên không xuất trình các tài-liệu.

c) *Tổ SAIGON*

Ngày 14-12-61, trong khi đi kiểm-soát hải-cảng Tổ yêu cầu Sĩ-quan liên-lạc đưa Tổ đến bờ sông ở một bến nhỏ để quan sát. Sĩ-quan liên-lạc trả lời rằng bến ấy thuộc một công-ty tư và công-ty ấy không bằng lòng cho Tổ dùng bến của họ để quan sát.

4. *Tổ không được phép kiểm-soát vào những ngày nghỉ lễ :*

a) *Tổ QUI-NHƠN*

Không kiểm-soát được vào ngày 5, 6 và 7-2-62 vì 3 ngày ấy là Tết Nguyên Đán.

b) *Tổ ĐÀ-NẴNG*

Ngày 10-3-62, hải cảng đóng cửa vì là một ngày chủ nhật, nên không kiểm-soát được .

Digitized by Google

5. *Hạn-chế sự tự-do di-chuyển của Tổ vì nhiều lý-do :*

a) *Tổ SAIGON*

(i) Ngày 26-12-61, Tổ nhận thấy một phi-cơ tại phi trường. Tổ hỏi thì Sĩ-quan liên-lạc cho hay rằng đó là phi-cơ số 706 của Tòa Đại-sứ Mỹ đã ghi trong danh sách phi-cơ trao cho Tổ.

Tổ yêu cầu Sĩ-quan liên-lạc cho Tổ lại gần hoặc cho phi-cơ ra một chỗ để có thể kiểm nhận được dấu hiệu của phi-cơ. Sĩ-quan liên-lạc tỏ ý tiếc là không thể chấp thuận được một điều nào của sự đòi hỏi ấy.

(ii) Ngày 25-1-62 Tổ nhận thấy 10 phi-cơ mang dấu hiệu Mỹ tại phi trường Tân-sơn-Nhứt. Tổ yêu cầu Sĩ-quan liên-lạc đưa qua sân bay để quan-sát và kiểm-soát phi-cơ tại chỗ. Sĩ-quan liên-lạc không chấp thuận với lý-do rằng khu phi-cơ đậu là một khu quân-sự cấm đến gần.

b) *Tổ ĐÀ-NẴNG*

Từ ngày 27-1-62, Tổ không được đưa vào phi trường. Từ ngày này, Sĩ-quan liên-lạc yêu cầu Tổ đứng ở phòng đợi của phi-cảng để thi-hành nhiệm-vụ kiểm-soát.

6. *Tổ được báo tin rằng Sĩ-quan liên lạc bị bệnh và không có người thay :*

Tổ NHA-TRANG

Ngày 22-1-62 sự kiểm soát hải cảng và phi trường hàng ngày không thể thi hành được, vì Sĩ-quan liên lạc bị bệnh và không có người thay.

7. *Sĩ-quan liên lạc bận không đi được với Tổ :*

Tổ SAIGON :

Hồi 15 giờ 30 ngày 3-3-62, Tổ định kiểm soát khẩn cấp hải cảng Saigon. Công việc này không thể thi hành được vì không sẵn Sĩ-quan liên lạc.

8. *Sĩ-quan liên lạc cho hay rằng đã trình việc kiểm soát đặc biệt lên Phái-đoàn :*

Digitized by Google

Tổ SAIGON :

a) Ngày 16-1-62, Tổ nhận thấy 6 tàu thủy và 1 hàng không mẫu hạm chở một số phi cơ. Tổ yêu cầu Sĩ-quan liên lạc cho xem tải hóa đơn và tài liệu về những tàu ấy. Sĩ-quan cho hay rằng không có tải hóa đơn và những tài liệu này. Tổ liền yêu cầu cho kiểm soát những tàu này tại chỗ. Sĩ-quan liên lạc trả lời không thể thu xếp được việc này, vì lẽ không được phép cấp trên. Ngoài ra, Sĩ-quan liên lạc lại cho hay rằng sẽ trình thượng cấp về việc chiếc hàng không mẫu hạm đậu ở khu này.

b) Ngày 24-2-62, Tổ nhận thấy 5 chiếc tàu thủy. Tổ yêu cầu Sĩ-quan liên lạc cho xem tải hóa đơn và tài liệu. Sĩ-quan liên lạc trả lời rằng không có tài liệu nào cả. Tổ yêu cầu Sĩ-quan liên lạc xếp đặt để Tổ kiểm soát tàu tại chỗ, nhưng ông trả lời rằng thuyền trưởng không cho phép. Tổ liền hỏi về việc rời phi cơ quân sự từ hàng không mẫu hạm Herkimer. Sĩ-quan liên lạc trả lời rằng không có tin gì về việc này và sẽ xin thượng cấp cho biết những tin cần thiết.

9. *Người ta cho rằng vấn đề an-ninh không được đảm bảo :*

a) *Tổ SAIGON :*

Vào ngày 23 và 27-1-62 và 11, 12, 13, 14, 15, 16, và 17-2-62, việc kiểm soát hải cảng Nhà-Bè bị Sĩ-quan liên lạc khước từ vì lẽ không thu xếp được vấn đề an ninh.

b) *Tổ ĐÀ-NẴNG :*

Tổ báo trước Sĩ-quan liên lạc 48 tiếng đồng hồ về việc kiểm soát phía Nam không kể Sa-Huỳnh. Sĩ-quan liên lạc nói : « Rất tiếc, chính quyền địa phương không thu xếp được vấn đề an ninh ».

10. *Không có tài liệu chứng tỏ sự vận chuyển nội địa*

Tổ ĐÀ-NẴNG :

Hải-Cảng — Ngày 20-12-61, tàu Thanh-Long rỡ hàng. Sĩ-quan liên lạc nói rằng tàu ấy từ Saigon tới. Tổ yêu cầu cho xem giấy tờ. Sĩ-quan liên lạc trả lời : « Không thể kiểm soát được và tôi từ chối không cho phép ». Tổ đợi chờ một lúc, nhưng không thể hài lòng về lời giải thích đó là một cuộc di chuyển nội địa.

Digitized by Google

Thơ gởi Phái-đoàn liên lạc Bộ Tư-lệnh tối cao Quân-đội Nhân-dân Việt-Nam

---

U.H.Q.T. kiểm soát đình chiến tại Việt-Nam

*

Số OPS/VIII/I/1328 Saigon 5/6 tháng 4-62

Tổng thư ký Ủy-Hội Quốc-Tế kính chào ông Trưởng Phái-đoàn liên-lạc Bộ Tư-lệnh tối cao quân đội nhân dân Việt-Nam và trân trọng tham chiếu vấn đề kiểm soát mà các Tổ của Ủy-Hội được ủy thác như đã ghi trong hiệp-định Genève, và các huấn thị cho các Tổ.

2. Ủy-Hội nhận thấy rằng các Tổ của Ủy-Hội không được phép kiểm soát và không nhận được tất cả sự giúp đỡ và hợp tác cần thiết để thi hành nhiệm vụ được ủy thác. Một số vụ rõ rệt được kể để làm thí dụ trong phụ bản đính hậu.

Sự kiểm soát đã bị khước từ hoặc làm thành vô hiệu quả, vì những lý do sau đây :

a) Tổ không được xem các tài liệu và tải hóa-đơn vì không được phép thanh tra kiểm soát tại chỗ ;

b) Phương tiện chuyển vận được khai là bị hỏng máy hay không có sẵn ;

c) Tổ được cho biết là cấp trên không cho phép kiểm soát ;

d) Không được phép kiểm soát vào những ngày lễ ;

e) Hạn chế sự di-chuyển tự-do của Tổ bởi nhiều lý do ;

f) Sĩ quan liên lạc kêu là bị bệnh và không có người thay ;

g) Sĩ quan liên lạc không sẵn sàng đi với Tổ ;

h) Vấn-đề kiểm-soát đặc biệt đang được xét với Ủy-Hội bằng công văn ;

Digitized by Google

i) **Kiểm-soát địa-phương không thu xếp được vào những ngày đặc biệt vì lẽ cùng ngày ấy, có cuộc kiểm soát lưu động ;**

j) **Thời biểu kiểm soát do Ủy-Hội đã định không được chấp thuận.**

3. Để bảo vệ hòa bình tại Việt-Nam, vấn đề tối quan trọng là đôi bên đương-sự phải hợp tác chặt chẽ với Ủy-Hội và dành mọi sự dễ dàng để Ủy-Hội thi hành nhiệm vụ được giao phó, theo điều 25 hiệp định Genève. Tổng Thư ký được lệnh tuyên bố rằng Ủy-Hội rất lấy làm lo ngại khi thấy sự kiểm soát của Ủy-Hội bị khước từ vì những lý do không xác đáng kể ở đoạn 2 trên đây mà đáng lẽ phải có biện pháp để cải thiện. Ủy-Hội muốn bày tỏ nỗi lo âu trước sự khước từ trên những lý do loại ấy, nhất là vì đã có những lời tố cáo quan trọng về sự nhập nội vũ khí vào Bắc-Việt.

4. Ủy-Hội trân trọng yêu cầu Phái-đoàn mau hợp tác để giúp Ủy-Hội làm tròn nhiệm vụ theo điều 16 và 17 của hiệp định Genève.

Ngoài ra, Tổng thơ ký cũng được lệnh tin Phái-đoàn rõ, nếu Phái-đoàn không chịu dành những dễ dàng cần thiết và hợp tác với Ủy-Hội về phương diện này, thì Ủy-Hội sẽ bắt buộc phải trình lên 2 vị đồng Chủ-tịch hội nghị Genève là công-tác của Ủy-Hội tiếp tục bị Phái-đoàn làm cản trở.

5. Tổng thư ký trân trọng kính chào ông Trưởng Phái-đoàn.

Sd/ D.K. ROBERTSON
Trung-Tá
Ký thay Tổng Thơ Ký

Ông Trưởng Phái-đoàn liên lạc
Bộ Tư-lệnh tối cao quân đội Nhân dân Việt-Nam
Hanoi.

** Cước chú : Sĩ quan liên lạc của Phái-đoàn được cử liên lạc với Tổ của Ủy-Hội.

Digitized by Google

Phụ đính thơ

Số OPS/VIII/I/1328
Ngày 5-6 tháng 4-1962

Thí dụ đặc biệt về các cuộc kiểm soát và thị sát bị khước từ hoặc làm thành vô hiệu quả.

*

1° *Không được xem tài liệu và tải hóa đơn vì không được phép thanh-tra và kiểm soát tại chỗ :*

a) *Tổ ĐÔNG-ĐĂNG :*

(i) Ngày 20-11-61, Tổ kiểm soát một đoàn xe lửa từ Trung Quốc vào nội địa. Tổ đề nghị kiểm soát một trong các toa xe lửa để được yên tâm rằng hàng hóa trong toa ấy là những hàng hóa đã khai trong tải hóa đơn. Sĩ quan liên lạc nói rằng không thể thu xếp để Tổ kiểm soát tại chỗ được, vì đã xuất trình tất cả các tải hóa-đơn.

(ii) Ngày 12, 13 và 14-2-62, Sĩ quan liên lạc không xuất trình các tải hóa-đơn về các chuyến tàu xuất ngoại.

b) *Tổ ĐÔNG-HỚI :*

Ngày 29-9-61, Tổ trông thấy một phi cơ LI. 2 mang số 58199 với dấu hiệu của Chính phủ miền Bắc, một ngôi sao vàng trên nền đỏ, hạ cánh tại Phi-trường Đồng-Hới. 18 người trên máy bay xuống. Tổ không nhận được tiên báo về máy bay này. Khi hỏi thì Sĩ quan quan liên lạc trả lời đó là một máy bay của Chính phủ miền Bắc di-chuyển trong nội địa. Sĩ quan liên lạc nói phi-cơ ấy bay thử. Tổ yêu cầu cho xem giấy để làm bằng. Sĩ-quan liên-lạc không xuất trình tài-liệu. Tổ yêu cầu kiểm soát tại chỗ, nhưng Sĩ quan liên lạc từ chối.

2. *Phương tiện chuyên chở được khai là hỏng máy hoặc không sẵn :*

a) *HẢI-PHÒNG :*

Cuộc kiểm-soát phía Bắc, kể cả Hải-cảng Campha, và kiểm-soát sông Tiên-Yên, sông Phô-Cũ, phi-trường Tiên-Yên, ngã ba đường

Digitized by Google

tại Tiên-Yên và ngã ba đường giáp ngay phía Tây Tiên-Yên được ấn-định vào ngày 22-2-62. Sĩ-quan liên-lạc được báo trước 24 giờ, nhưng cuộc kiểm-soát không thực-hiện được, vì Sĩ-quan liên-lạc cho Tổ hay là hai trong ba chiếc xe Jeep bị hỏng và trong tuần này không thể đi kiểm-soát được.

b) *Tổ ĐỒNG-ĐĂNG :*

Ngày 22-2-62, Sĩ-quan liên-lạc cho Tổ hay rằng không thể đi kiểm-soát được vì tài-xế mệt sau cuộc kiểm-soát lưu-động.

3. *Tổ được cho biết rằng cấp trên không cho phép kiểm-soát.*

Tổ HẢI-PHÒNG :

Vùng Đồ-Sơn, quan sát do từ 2 điểm cố-định A và B là công việc ủy-thác cho Tổ này. Từ tháng 8/1961, Tổ không được phép kiểm-soát. Suốt tuần mà ngày cuối là 6-1-62, điểm A và B tại vùng Đồ-Sơn không được kiểm-soát, vì Sĩ-quan liên-lạc cho Tổ hay rằng cơ-quan quân-sự không cho phép Tổ vào vùng ấy.

4. *Không được phép kiểm-soát vào những ngày nghỉ lễ.*

Tổ LAO-KAY :

a) Chủ nhật 28-1-62 và 18-2-62, Sĩ-quan liên-lạc không xếp đặt việc kiểm-soát địa phương, với lý-do là ngày ấy là ngày quốc lễ.

b) Việc kiểm-soát phi-trường Lao-Kay không thực hiện được vào ngày 11-3-62, Sĩ-quan liên-lạc nói là không thể xếp đặt được cuộc kiểm-soát ấy, lấy lý-do là hôm đó là ngày quốc lễ.

5. *Hạn chế sự di-chuyển tự-do của Tổ vì nhiều lý-do.*

Tổ HẢI-PHÒNG :

Từ tháng 8/1961, Tổ không được phép kiểm-soát phi-trường Cát-Bi, với lý-do là Sở Hàng-không dân-sự đã dùng phi-trường này làm câu-lạc-bộ thể-thao và như vậy, chỉ có hội-viên mới vào được mà thôi. Thí dụ :

Tổ không được phép kiểm-soát phi-trường này trong tuần ngày cuối là 6-2-62.

Digitized by Google

6. *Tổ được báo tin rằng Sĩ-quan liên-lạc bị bệnh và không có người thay.*

a) *Tổ VINH :*

Ngày 18-1-62, việc kiểm-soát không thực-hiện được vì Sĩ-quan liên-lạc bị bệnh và không có người thay.

b) *Tổ ĐỒNG-ĐĂNG :*

Ngày 9-2-62, việc kiểm-soát địa-phương không thực-hiện được vì Sĩ-quan liên-lạc bị đau và không có người thay.

7. *Không có sẵn Sĩ-quan liên-lạc đi với Tổ.*

Tổ ĐỒNG-ĐĂNG :

a) Ngày 26-8-61, Tổ không kiểm-soát được ga xe lửa, vì Sĩ-quan liên-lạc đi Lạng-Sơn vắng.

b) Ngày 27-8-61, hồi 15 giờ, Sĩ-quan liên-lạc được báo trước rằng Tổ sẽ kiểm-soát một chuyến xe lửa từ Trung-Quốc tới vào hồi 16 giờ. Vào khoảng 16 giờ 30, Sĩ-quan liên-lạc nhờ chủ khách sạn đưa tin cho Tổ rằng Sĩ-quan ấy cho là Tổ còn đang đi kiểm-soát lưu động. Tổ mời Sĩ-quan liên-lạc đến hỏi lý-do, nhưng ông không đến và sự kiểm-soát không thực-hiện được.

8. *Vấn-đề kiểm-soát đặc biệt đang được xét bằng công văn với Ủy-Hội.*

Tổ HẢI-PHÒNG :

Việc kiểm-soát lưu động phía Nam không kể Sầm-Sơn không thực-hiện được suốt tuần ngày cuối là 2-9-61, vì Sĩ-quan liên-lạc nói rằng vấn-đề còn đang tranh luận giữa Ủy-Hội và Phái-đoàn liên-lạc của Quân đội Nhân dân Việt-Nam.

9. *Kiểm-soát địa phương không được thu xếp vào những ngày đặc biệt vì lẽ cùng ngày ấy có cuộc kiểm-soát lưu động.*

Tổ ĐỒNG-ĐĂNG :

Ngày 4, 9, 12 và 18-1-62, Sĩ-quan liên-lạc thu xếp cuộc kiểm-soát địa phương với lý-do là vào những ngày này, Tổ đã đi kiểm-soát lưu động.

Digitized by Google

10. *Thời biểu kiểm-soát do Ủy-Hội đã định không được chấp thuận.*

a) *Tổ LAO-KAY :*

Theo thơ IC số OPS/IV/2/5894 ngày 29-12-61, sự kiểm-soát phải được thực-hiện ít nhất mỗi ngày một lần. Ga xe lửa Phô-Mới phải được kiểm-soát chiếu theo đoạn 3b và c của Phụ-bản O Huấn-thị gởi cho các Tổ cố-định và đơn vị lưu động. Từ 5-9-61 đến 20-1-62, Tổ chỉ được phép kiểm-soát mỗi tuần 2 lần. Từ ngày ấy đến nay, kiểm-soát được phép thực-hiện mỗi tuần 4 lần. Thơ của Quân đội Nhân dân Việt-Nam số 70/CT ngày 15-2-62 cho hay rằng chỉ-thị đã được gởi cho Sĩ-quan liên-lạc yêu cầu giúp đỡ Tổ Lao-Kay trong việc kiểm-soát hữu hiệu ga xe lửa Phô-Mới. Tuy nhiên, sau ngày này, Tổ cũng chỉ được phép kiểm-soát mỗi tuần 4 lần, trừ tuần lễ mà ngày cuối là 17-3-62, Tổ được kiểm-soát 5 lần, đối với tổng số.

b) *Tổ VINH :*

Theo quyết-định của Ủy-Hội, thì việc kiểm-soát con đường C.R. số 7 cho tới biên-giới Lào và sông Nam-Mo phải được thực hiện 15 ngày một lần. Việc này đã được thông tri cho Phái-đoàn do thơ số OPS/III/2/2107 ngày 26-4-61 và thơ số OPS/III/2/3820 ngày 14-8-61. Tuy nhiên, từ tháng 12/1960, Tổ không được kiểm-soát lần nào cả, vì Phái-đoàn đang tranh luận thời biểu kiểm-soát của Ủy-Hội. Thí dụ : ngày 6-1-62, Sĩ-quan liên-lạc cho Tổ hay rằng không thể để Tổ đi kiểm-soát, vì không nhận được lệnh về điểm đó của Quân đội Nhân dân Việt-Nam.

Digitized by Google

MẬT

TỜ TRÌNH

của Phái-đoàn Ba-Lan tại Ủy-Hội Quốc-Tế Kiểm-soát Đình-chiến tại Việt-Nam gởi 2 vị đồng Chủ-Tịch Hội-nghị Genève.

*

Phái-đoàn Ba-Lan tại Ủy-Hội Quốc-Tế Kiểm-soát Đình chiến tại Việt-Nam kính chào 2 vị đồng Chủ-Tịch Hội-nghị Genève về Đông-Dương và trân trọng trình việc sau đây có liên hệ đến bản báo cáo đặc biệt của Phái-đoàn Ấn-Độ và Phái-đoàn Gia-nã-Đại gởi 2 vị đồng Chủ-Tịch mà Phái-đoàn Ba-Lan từ khước không ký.

2. Trong bản báo cáo đặc biệt, Phái-đoàn Ấn-Độ và Phái-đoàn Gia-nã-Đại có trình bày tình hình miền Nam. Theo quan điểm của Phái-đoàn Ba-Lan, sự trình bày ấy không đúng với thực trạng của vấn-đề. Bản báo cáo đặt cùng trên một bình diện : một đằng những lời tố cáo đáng ngờ và không có căn-cứ pháp-lý của một trong hai bên đương sự ; đằng kia những vụ vi-phạm Hiệp-định Genève quan trọng và không thể chối cãi được của bên kia và được chứng minh qua các hồ-sơ và điều nhận xét của Ủy-Hội Quốc-Tế. Bản báo cáo đa số đã chấp nhận sai lầm đơn của Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa khiếu nại một cách vô căn cứ Chính-phủ Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa gây hấn và phá rối, mặc dầu 2 Phái-đoàn không tìm thấy một chứng minh pháp lý nào trong những điều khoản Hiệp-định Genève và hơn nữa những lời khiếu nại ấy đều vu vơ và vô bằng chứng. Những lời tố cáo giả tạo đã được trình bày trước tiên trong bản báo cáo như một điểm quan trọng nhất, trong khi vấn-đề nhận viện trợ quân-sự Mỹ lại để sau và được trình bày với những danh từ quá nhẹ. Các trình bày này che đậy những lời tố cáo đứng đắn và quan trọng của Chính-phủ Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa tức là : sự ký kết một hiệp-ước quân-sự giữa Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa và Chính-phủ Mỹ ; sự nhập nội vào miền Nam một số lớn nhân-viên quân-sự, vũ khí và dụng cụ chiến tranh Mỹ ; sự tham dự trực tiếp của các nhân-viên này vào các hoạt động chống lại dân chúng miền

Digitized by Google

Nam ; cùng là sự thiết lập tại miền Nam một Bộ Tư-lệnh Quân-sự hành quân đặc biệt của Mỹ để chỉ huy quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa và Hoa-Kỳ. Những lời tố cáo này đã được chứng minh bởi nhận xét của Ủy-Hội trình bày trong các báo cáo trước, cũng như trong bản báo cáo đặc biệt của đa số. Theo quan điểm của Phái-đoàn Ba-Lan, thì sự bành trướng tình hình này hiển nhiên là một vi phạm Hiệp-định Genève, đe dọa hòa bình ở xứ này và như vậy, phải được Ủy-Hội Quốc-Tế Kiểm-soát Đình-chiến tức tốc cứu xét và trình bày lên hai vị đồng Chủ-Tịch Hội-nghị Genève để đối phó.

3. Hơn nữa Phái-đoàn Ấn-Độ và Gia-nã-Đại trong bản báo cáo đặc biệt của họ, đã không đề cập đến việc Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa vi phạm điều 14 (c) Hiệp-định Genève khi họ khủng bố cựu kháng chiến và tất cả những phần tử dân-chủ. Chính việc ấy là một trong những nguyên nhân chính của phong trào đang lan tràn chống Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa và gần đây được thể hiện dưới nhiều hình thức bất mãn và tranh đấu.

4. Theo quan điểm của Phái-đoàn Ba-Lan thì một nguyên do khác gây ra phong trào này là Chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa không chịu hành động để đi tới sự thống nhất Việt-Nam như Hiệp-định Genève đã chỉ định mặc dầu Chính-phủ Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa đã nhiều lần đề nghị và Ủy-Hội đã cố gắng làm cho đôi bên dễ thương thuyết với nhau.

5. Để chống lại phong trào Quốc Gia này, Chính Phủ Việt-Nam Cộng Hòa đã xin viện trợ quân sự của Mỹ. Viện trợ ấy đã đi tới một giai đoạn nguy hiểm với sự tham gia trực tiếp của quân đội Mỹ trong các cuộc hành quân tại miền Nam. Vì Ủy-Hội là một chướng ngại trong sự bành trướng này, nên đã bị Chính Phủ miền Nam luôn luôn áp đảo, ngày một mạnh khiến Ủy-Hội không thể làm tròn sứ mạng một cách hiệu quả như Hiệp định Genève đã ủy thác cho. Trong thơ đề ngày 9-11-61, Ủy-Hội đã phải bày tỏ cùng hai vị đồng Chủ-Tịch nỗi lo âu về hoạt động tương lai của Ủy-Hội tại Việt-Nam nếu Ủy-Hội bị đàn áp và Ủy-Hội đã yêu cầu hai vị đồng Chủ-Tịch nhấn mạnh cho Chính Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa biết rõ trọng trách của họ đối với U.H.Q.T. tại Việt-Nam.

6. Phái-đoàn Ba-Lan bó buộc phải lưu ý hai vị đồng Chủ-Tịch đến tình hình nguy ngập đang bành trướng ở Nam Phần Việt-Nam,

Digitized by Google

và đến ảnh hưởng nghiêm trọng của tình hình ấy đối với nền hòa bình tại Đông Nam Á. Những điều căn bản của Hiệp định Genève đã bị Chính Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa vi phạm, gây ra tình hình ngày càng căng thẳng, những cuộc đổ máu, và mối đe dọa tái diễn chiến tranh. Sự căng thẳng này là hậu quả cuộc hành quân của một số quân đội Mỹ ngày một tăng cường tại miền Nam và những nước lân cận. Mối nguy hiểm này gần đây đã rõ ràng vì quân đội Mỹ đã đổ bộ lên lãnh thổ Thái, dọc theo biên giới Đông-Dương. Vậy trong tình thế này, Phái-đoàn Ba-Lan yêu cầu hai vị đồng Chủ-Tịch áp dụng ngay những biện pháp hữu hiệu để tình hình bớt căng và bảo vệ hòa bình tại miền Nam bằng cách triệt thoái các quân đội và dụng cụ chiến tranh Mỹ, giải tán Bộ Chỉ huy Viện trợ Quân sự Mỹ tại miền Nam cùng là buộc Chính Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa phải tôn trọng điều 14 (c) và các điều khác của Hiệp định Genève. Theo quan điểm của Phái-đoàn Ba-Lan chỉ có phương cách duy nhất ấy là giúp được Ủy-Hội thi hành sứ mạng đúng với Hiệp định Genève và một cách vô cùng có lợi cho dân chúng Việt-Nam và nền hòa bình tại Đông Nam Á.

7. Phái-đoàn Ba-Lan tại Ủy-Hội Quốc-Tế Kiểm Soát Đình Chiến tại Việt-Nam trân trọng kính chào hai vị đồng Chủ-Tịch của Hội nghị Genève về Đông-Dương.

LEONARD POHORYLES
Đại Sứ
Đại Diện Chính Phủ Nhân Dân Ba-Lan
tại Ủy-Hội Quốc-Tế Kiểm Soát Đình Chiến
tại Việt-Nam.

Saigon, ngày 2-6-62.

Digitized by Google

TỜ TRÌNH

của Phái-Đoàn Ấn-Độ

*

Phái-Đoàn Ấn-Độ đã xét Tờ Trình của Phái-Đoàn Ba-Lan và không đồng ý với nhiều quan điểm trong Tờ Trình ấy, cũng như về cách giải thích của Phái-Đoàn Ba-Lan về bản báo cáo đặc biệt. Phái-Đoàn Ấn-Độ xác nhận lập trường và các kết luận như đã trình bày trong bản báo cáo đặc biệt, đúng với trách nhiệm của Ủy-Hội chiếu theo Hiệp định ngừng chiến tại Việt-Nam. Phái-Đoàn Ấn-Độ tha thiết hy vọng rằng bản báo cáo đặc biệt sẽ giúp hai vị đồng Chủ-Tịch cùng tìm những biện pháp cần thiết để vãn hồi sự tôn trọng Hiệp định Genève, và để cải thiện và làm cho tình hình tại Việt-Nam bớt căng thẳng.

(G. PARTHASARATHI)

Đại Diện Ấn-Độ tại Ủy-Hội Quốc-Tế Kiểm Soát Đình Chiến tại Việt-Nam.

Saigon, ngày 2-6-62.

Digitized by Google

International commission for supervision and control in Viet-Nam

SPECIAL REPORT TO THE CO-CHAIRMEN OF THE GENEVA CONFERENCE ON INDO-CHINA

TABLE OF CONTENTS

1. Special Report
2. Annexure 1
3. Statement of the Polish Delegation
4. Statement of the Indian Delegation.

SPECIAL REPORT TO THE CO-CHAIRMEN

The International Commission for Supervision and Control in Viet-Nam presents its compliments to the Co-Chairmen of the Geneva Conference on Indo-China and has the honour to refer to paragraph 2 of their message of 8th May, 1956, in which the Co-Chairmen asked the Commission to inform them in case the Commission encountered any difficulties in its activities which could not be resolved on the spot and simultaneously had urged both the Parties in Viet-Nam to extend to the Commission all possible co-operation and assistance. The International Commission had assured the Co-Chairmen in its message of 27th May, 1956, that it would continue to persevere in its efforts to maintain and strengthen peace in Viet-Nam and affirmed its determination to perform its duties within the framework of the Geneva Agreement.

2. — The International Commission has, from time to time, submitted to the Co-Chairmen Interim Reports giving a resume of its activities as well as a brief review of the progress made by the two Parties in the implementation of the provisions of the Agreement. In these reports, apart from other things, the Commission had pointed out its difficulties, particularly with regard to the tendency of the Parties to refuse to accept

Digitized by Google

and implement the Commission's recommendations and decisions and their persistence in maintaining their own stand in certain cases. The Co-Chairmen were also informed about the difficulties which the Commission's Fixed Teams were experiencing with regard to the performance of their mandatory tasks of control and inspection in terms of their responsibilities under Articles 35 and 36 (d) of the Agreement.

3. — In its 11th Interim Report, which covered the period from 1st February, 1960 to 28th February, 1961, the Commission had mentioned that, in spite of certain difficulties and the lurking dangers in Viet-Nam, the active presence of the Commission and its work had helped in preserving peace.

4. — Since the presentation of the 11th Interim Report, the situation in Viet-Nam has shown signs of rapid deterioration. The Commission is obliged to make this Special Report to the Co-Chairmen with regard to the serious allegations of aggression and subversion on the part of the Democratic Republic of Viet-Nam against the Republic of Viet-Nam and the serious charges of violation of Articles 16, 17 and 19 of the Geneva Agreement by the Republic of Viet-Nam, in receiving military aid from the United States of America.

The Polish Delegation dissents from the views expressed in this Special Report. The Statement of the Polish Delegation is forwarded herewith.

5. — Reference is invited to paragraph 24 of the 10th Interim Report and paragraph 32 of the 11th Interim Report, in which mention was made of the concern which the Republic of Viet-Nam has been expressing over the problem of subversion in South Viet-Nam. Mention was also made in paragraph 61 of the 11th Interim Report to the complaints, which the Commission had received from the Government of the Republic of Viet-Nam, accusing the Government of the Democratic Republic of Viet-Nam of aggression in the Kontum and Pleiku provinces during October, 1960. Complaints of this nature continued to increase during 1961. In June, 1961, the Commission made known its stand regarding its competence to entertain and examine complaints of this nature in terms of specific Articles of the Geneva Agreement.

6. — The Commission also received several complaints from the High Command of the People's Army of Viet-Nam (P.A.V.N.) making serious allegations with regard to the increased introduction of U.S. military personnel into South Viet-Nam, along with substantial quantities of war material, in contravention of Articles 16 and 17. All these allegations were forwarded to the South Vietnamese Mission for comments. The Party in most cases

Digitized by Google

denied these allegations. But the Commission was not in a position to make a precise assessment as to the correctness or otherwise of these allegations, as the Commission's Teams at most points of entry have not been able to carry out effective inspections and controls. However, the South Vietnamese Mission did state in July, 1961, that whatever American aid its Government was receiving was meant to fight Communist subversion in South Viet-Nam and, in support of this contention it had also referred to the text of the communique published after the visit of the U.S. Vice-President Johnson to Saigon, in May, 1961.

7. — While the Commission continued to function in this difficult atmosphere, a communication was received on 9th September, 1961, from the Liaison Mission of the Republic of Viet-Nam, alleging that the PAVN forces had launched another action in the Kontum region on 1st September, 1961. The letter containing these allegations was forwarded to the Liaison Mission of the PAVN High Command for its comments. In its reply under its letter N° 492/CT/I/B dated 11th December, 1961, the Mission stated that « the PAVN High Command will resolutely reject all decision taken by the International Commission relating to the so-called 'subversive activities' in South Viet-Nam, a question which has no relevance to the Geneva Agreement ». It further informed the Commission that « henceforth the Mission would find itself constrained to resolutely reject all possible requests for comments of this kind ».

8. — In the meanwhile, in early October, 1961, the Secretariat of State for Foreign Affairs of the Republic of Viet-Nam alleged that Colonel Hoang Thuy Nam, the Chief of the Vietnamese Mission in charge of relations with the International Commission, had been kidnapped. Later, the Secretary of State for Foreign Affairs informed the Commission of the murder of Colonel Nam. The complicity of the authorities in the North in the kidnapping and murder of Colonel Nam was alleged. Reference is invited to the Commission's message No. IC/ADM/V-5/61/4097 dated 9th November, 1961, in this regard. Since the allegations were of a serious nature, the Commission requested the South Vietnamese Mission to furnish *prima facie* evidence to support their charge of the complicity of the Northern Party in this incident. The Commission received detailed communications from the Mission on October 24, 1961, and November 16, 1961, with a large number of documents and photographs, in support of their contention. The Mission also stated that the « Government of the Republic of Viet-Nam is confident that the case of Colonel Hoang Thuy Nam should be taken, not as an isolated case, but as part of the extensive plan of subversion and terrorism deliberately decided by the Hanoi authorities, a plan which, with this assassination enters a

Digitized by Google

new phase of execution and is designed for seizing power in South Viet-Nam ». In November, 1961, the Commission considered these letters containing numerous allegations, and referred them to its Legal Committee for examination « with a view to determining whether the allegations and evidence therein *prima facie* attract any provisions of the Geneva Agreement ».

9. — The Legal Committee has made a careful examination of the various allegations and the evidence produced to support them, in the form of documents and other material evidence, and has made the following report, with the Polish Member dissenting :

« We have studied the Agreement on the Cessation of Hostilities in Viet-Nam, the South Vietnamese Mission's letter No. 4660/PDVN/CT/TD/2 dated the 24th October, 1961, and No. 5078/PDVN/CT/TD/2 dated the 16th November, 1961, and related reference from the Commission together with the evidentiary material made available by the South Vietnamese Mission in connection therewith, and reached the following conclusions :

1. The Agreement on the Cessation of Hostilities in Viet-Nam proceeds on the principle of the complete cessation of all hostilities in Viet-Nam, respect by either Party of the Zone assigned to the other, and the inescapable responsibility of the Parties for the fulfilment of the obligations resulting therefrom.

Article 10 of the Agreement states expressly the obligation of the two Parties to order and *enforce* the *complete* cessation of all hostilities in Viet-Nam.

Article 19 of the Agreement casts the obligation on the two Parties to ensure that the Zones assigned to them are not used for the resumption of hostilities or to further an aggressive policy.

Article 24 of the Agreement proceeds on the principle of the inviolability of the Demilitarized Zone and the territories assigned to the two Parties and states expressly that the armed forces of each Party shall respect the territory under the military control of the other Party and shall commit no act and undertake no operation against the other Party.

Article 27 of the Agreement affirms expressly the responsibility of the Commanders of the Forces of the two Parties of ensuring full compliance with all the provisions of the Agreement by *all elements* and military personnel under their Command.

Digitized by Google

It follows that the using of one Zone for the organisation or the carrying out of any hostile activities in the other Zone, violations by members of the Armed Forces of one Party of the territory of the other Party, or the commission by any element under the control of one Party of any act directed against the other Party, would be contrary to the fundamental provisions of the Agreement which enjoin mutual respect for the territories assigned to the two Parties.

2. Having examined the complaints and the supporting material sent by the South Vietnamese Mission, the Committee has come to the conclusion that in specific instances there is evidence to show that armed and unarmed personnel, arms, munitions and other supplies have been sent from the zone in the North to the Zone in the South with the object of supporting, organising and carrying out hostile activities, including armed attacks, directed against the Armed Forces and Administration of the Zone in the South. These acts are in violation of articles 10, 19, 24 and 27 of the Agreement on the Cessation of Hostilities in Viet-Nam.

3. In examining the complaints and the supporting material, in particular documentary material sent by the South Vietnamese Mission, the Committee has come to the further conclusion that there is evidence to show that the PAVN has allowed the Zone in the North to be used for inciting, encouraging and supporting hostile activities in the Zone in the South, aimed at the overthrow of the Administration in the South. The use of the Zone in the North for such activities is in violation of articles 19, 24 and 27 of the Agreement on the Cessation of Hostilities in Viet-Nam.

4. The Committee considers that further investigation is necessary to reach a final conclusion as to whether the kidnapping and murder of Colonel Nam, late Chief of the South Vietnamese Mission, was a part of the activities referred to in sub-paras (2) and (3) above and prohibited under Articles 19, 24 and 27 of the Agreement. The South Vietnamese Mission has furnished *prima facie* evidence to warrant such a full investigation of the case by the Commission.

5. We shall submit in due course a full report setting out in detail the complaints made by the South Vietnamese Mission, the evidence forwarded in relation to these complaints, and our specific observations thereon ».

Digitized by Google

10. — The Commission accepts the conclusions reached by the Legal Committee that there is sufficient evidence to show beyond reasonable doubt that the PAVN has violated Articles 10, 19, 24 and 27 in specific instances. The Polish Delegation dissents from these conclusions. On the basis of the fuller report, that is being prepared by the Legal Committee covering all the allegations and incidents, the Commission will take action as appropriate in each individual case.

11. — Concurrently with the developments referred to in paragraphs 7 and 8 above, and subsequently, the Commission received communications from the PAVN High Command and its Liaison Mission alleging direct military intervention in South Viet-Nam by the Government of the United States of America, and ever-increasing import of war material and introduction of military personnel in violation of the Geneva Agreement. The allegations, amongst others, were :

(*a*) The conclusion of a bilateral military Agreement between President Ngo-Dinh-Diem and U.S. Ambassador Nolting ;

(*b*) The gradual introduction of about 5000 U.S. military personnel into South Viet-Nam, « which will soon be increased to 8000 » ;

(*c*) the arrival of 4 aircraft carriers — CORE, BRETON, PRINCETON and CROATON — on different occasions, bringing in helicopters, other aircraft, military equipment and military personnel ;

(*d*) the introduction by the United States of America of approximately four companies of helicopters, many jet fighters, fighters/fighter bombers and transport planes, along with military vehicles and other stores ;

(*e*) the visits of a large number of high U.S. military experts and dignitaries to Saigon for inspection and guidance, particularly those of General Maxwell Taylor, Admiral H. Felt and General Lemnitzer ;

(*f*) the establishment of a United States Military Assistance Command, with a four-star General, Paul D. Harkins, as its Chief.

12. — Since December, 1961, the Commission's Teams in South Viet-Nam have been persistently denied the right to control and inspect, which are part of their mandatory tasks. Thus, these Teams, though they were able to observe the steady and continuous arrival of war material, including aircraft carriers with helicopters on board, were unable, in view of the denial of controls, to determine precisely the quantum and nature of war material unloaded into South Viet-Nam.

Digitized by Google

13. — On the other hand, the Commission received a communication from Liaison Mission of the Republic of Viet-Nam dated 9th December, 1961, stating that : « In the face of the aggression, directed by the so-called 'Democratic Republic of Viet-Nam' against the Republic of Viet-Nam, in flagrant violation of the Geneva Agreement, the Government of the Republic of Viet-Nam has requested the Government of the United States of America to intensify the aid in personnel and material which the latter was already granting to Viet-Nam. The right of 'self-defence' being a legitimate and inherent attribute of sovereignty, the Government of the Republic of Viet-Nam found itself constrained to exercise this right and request for increased aid, since North Viet-Nam continues to violate the Geneva Agreement and to do injury to life and property of the free people of Viet-Nam.

« These measures can end as soon as the North Viet-Nam authorities will have ceased the acts of aggression and will have begun to respect the Geneva Agreement ».

14. — The Commission considered this communication from the Government of the Republic of Viet-Nam and drew the attention of the South Vietnamese Mission to the provisions of Articles 16 and 17 of the Geneva Agreement and the procedures laid down thereunder by the International Commission for the import of war material and the introduction of military personnel, and to the obligations resulting therefrom. The Commission also informed the Mission that its complaints regarding allegations of subversion and aggression by the North were under active examination of the Commission separately.

15. — In the light of the stand of the Commission as stated in paragraph 14 above, the numerous allegations received from the PAVN High Command have been receiving the attention of the Commission with a view to the strict implementation of Articles 16 and 17 of the Agreement and the procedures laid down thereunder.

16. — A summary of the allegations made by the PAVN High Command, from December, 1961 up to 5th May, 1962, would place the number of military personnel and the quantum of important war materials introduced into South Viet-Nam at approximately 5000 personnel (« which are likely to increase to 8000 shortly »), 157 helicopters, 10 reconnaissance aircraft, 34 jet aircraft, 34 fighters/fighter bombers, 21 transport aircraft, 35 unspecified aircraft, 40 armoured and 20 scout cars, « numerous » armoured boats and amphibious craft, 3000 tons and 1350 cases of war material, and 7 warships (exclusive of 5 destroyers of the United States Seventh Fleet alleged to have come for training). Most of the letters containing the allegations, referred to in this paragrah

Digitized by Google

and para 11 above, were sent to the Liaison Mission of the Republic of Viet-Nam for its early comments ; but no satisfactory replies have been received. Also, in some cases the Southern Party has been asked to state reasons, if any, why violations of Article 17 (e) relating to prior notification, as well as violations of Articles 16 and 17 governing the introduction of military personnel and war material themselves, should not be recorded against it.

17. — As the Commission has been denied mandatory controls, as pointed out earlier in paragraph 12 above, it has not been able to make a precise assessment of the number of military personnel and the quantum of war material brought in. However, from 3rd December, 1961 up to 5th May, 1962, the Commission's Teams have controlled the entry of 72 military personnel, and observed but not controlled 173 military personnel, 62 helicopters, 6 reconnaissance aircraft, 5 jet aircraft, 57 fighters/fighter bombers, 25 transport aircraft, 26 unspecified types of aircraft, 102 jeeps, 8 tractors, eight 105 mm howitzers, 3 armoured carriers (tracked), 29 armoured fighting vehicle trailers, 404 other trailers, and radar equipment and crates, 5 warships, 9 LSTs (including 4 visiting LSTs), 3 LCTs, 5 visiting aircraft carriers and spares of various kinds. In respect of some of the instances of import of war materials between 3rd December, 1961 and 16th January, 1962, violations under Article 17 (e) as well as violation of Article 25, have been recorded against the Republic of Viet-Nam for its failure to notify arrivals and imports as required by the Geneva Agreement, and for not affording all possible assistance to the Commission's Teams in the performance of their tasks.

18. — In regard to claims for credits made by the Southern Party in justification of certain imports, the Commission wishes to point out that in so far as major items of war material are concerned, except in a limited number of cases, there is no established credit in favour of the Republic of Viet-Nam. On the other hand, for some of these items, there is already a debit against it. In this context, it must be borne in mind that, even where credit exists, according to Article 17 (b) of the Agreement, the Party can only import war material « piece-for-piece of the same type and with similar characteristics ». However, controls not having been permitted, the Commission is not in a position to satisfy itself whether this essential requirement has in fact been fulfilled even in cases where credit exists.

19. — As regards the allegation of the PAVN High Command that a U.S. Military Assistance Command has been set up in South Viet-Nam in violation of Article 19, the Commission requested the Party to furnish the following information :

Digitized by Google

I) whether such a U.S. Command has been set up ;

II) the basis on which it has been established ;

III) the purpose for which it has been constituted ;

IV) its strength ;

V) the scope of its activities.

The South Vietnamese Mission in its letter dated 15th March, 1962, has not furnished the necessary information required by the Commission, other than stating that this Military Assistance Command is not a military command in the usual sense of the term, and that its only function is to supervise and manage the utilisation of American personnel and equipment. The Mission stated further that there was no military alliance between the United States of America and the Republic of Viet-Nam as no treaty of this nature had been ratified by either Government.

20. — Taking all the facts into consideration, and basing itself on its own observations and authorised statements made in the United States of America and the Republic of Viet-Nam, the Commission concludes that the Republic of Viet-Nam has violated Articles 16 and 17 of the Geneva Agreement in receiving the increased military aid from the United States of America in the absence of any established credit in its favour. The Commission is also of the view that, though there may not be any formal military alliance between the Governments of the United States of America and the Republic of Viet-Nam, the establishment of a U.S. Military Assistance Command in South Viet-Nam, as well as the introduction of a large number of U.S. military personnel beyond the stated strength of the MAAG (Military Assistance Advisory Group), amounts to a factual military alliance, which is prohibited under Article 19 of the Geneva Agreement.

21. — The Commission would also like to bring to the notice of the Co-Chairmen a recent and deliberate tendency on the part of both the Parties to deny or refuse controls to the Commission's Teams, thereby completely immobilising their activities and hindering the Commission in the proper discharge of its obligations to supervise the implementation of Articles 16 and 17 of the Geneva Agreement. During the last few months, there has been a near-complete breakdown so far as this important function of the Commission is concerned. The Commission considered the situation and addressed detailed communications to the two Parties recommending the resumption of normal controls immediately. (Copies of the letters sent to the two Parties are attached as Annexure 1 to this Report). The Commission, however, regrets to inform the Co-Chairmen that there has been no improvement in this regard.

Digitized by Google

22. — The International Commission wishes to draw the serious and earnest attention of the Co-Chairmen to the gravity of the situation that has developed in Viet-Nam in the last few months. Fundamental provisions of the Geneva Agreement have been violated by both Parties, resulting in ever-increasing tension and threat of resumption of open hostilities. In this situation, the role of the Commission for the maintenance of peace in Viet-Nam is being greatly hampered because of denial of co-operation by both the Parties. The Commission, therefore, earnestly recommends to the Co-Chairmen that, with a view to reducing tension and preserving peace in Viet-Nam, remedial action be taken, in the light of this Report, so as to ensure that the Parties :

a) respect the Zone assigned to the other Party ;

b) observe strictly the provisions of Articles 16, 17 and 19 of the Geneva Agreement in respect of the import of war material and the introduction of military personnel ;

c) commit no act and undertake no operation of a hostile nature against the other Party ;

d) do not allow the Zones assigned to them to adhere to any military alliance and to be used for the resumption of hostilities or to further an aggressive policy ;

e) co-operate with the International Commission in the fulfilment of its tasks of supervision and control of the implementation of the provisions of the Geneva Agreement.

23. — The International Commission for Supervision and Control in Viet-Nam takes this opportunity to renew the assurances of its highest consideration to the Co-Chairmen of the Geneva Conference on Indo-China.

	Signed	*Signed*
(L. POHORYLES)	(G. PATHASARATHI)	(F.G. HOOTON)
POLAND	INDIA	CANADA

Saigon, 2nd June, 1962.

Digitized by Google

Letter to the South Vietnamese Liaison Mission

INTERNATIONAL COMMISSION FOR SUPERVISION AND CONTROL IN VIET-NAM

No. OPS/VIII/I/1327 *Saigon, 5-6 April 1962*

The Secretary General presents his compliments to the Chief of the Vietnamese Mission in charge of relations with the International Commission for Control and has the honour to refer to the question of mandatory controls by the Commission's Teams as laid down in the Geneva Agreement and the Instructions for Teams.

2. — The Commission has observed that its Teams have been denied controls, and have not been afforded all possible assistance and co-operation necessary for the execution of their mandatory tasks. Certain specific instances are given as examples in the attached Appendix. Controls have been denied or rendered ineffective because.

a) documents and manifests were not made available for inspection and spot checks were not permitted ;

b) transport was stated to be not available ;

c) Teams were informed that controls were not permitted by higher authorities ;

d) controls were not permitted on particular days being holidays ;

e) restrictions were placed on the free movement of Teams for various reasons ;

f) the LO* was reported to be sick and no replacement was provided ;

g) the LO was not available to the Team ;

* *Note :* LO refers to the Liaison Officer of the Mission attached to the Commission's Teams.

Digitized by Google

h) the LO stated that he had referred the matter of the particular control to the Mission ;

i) it was stated that security could not be provided ;

j) no proof of internal movement was provided.

3. — It is of the utmost importance for the preservation of peace in Viet-Nam that the Parties afford all co-operation and facilities to the Commission's Teams in the execution of their mandatory tasks in terms of Article 25 of the Geneva Agreement. The Secretary General has been directed to state, therefore, that the Commission views with great concern that controls have been denied on various grounds listed in para 2 above, which are untenable or where remedial action could have been taken. The Commission also wishes to point out that recently it has found that the Mission has been consistently withholding notification and denying control of war material entering the country. Under the circumstances, the Commission may have to draw its own conclusions as to the number of military personnel and the quantum of war material that are being brought in.

4. — The Commission would urge the Mission to afford the fullest co-operation to enable the Commisison to discharge its responsabilities under Articles 16 and 17 of the Geneva Agreement. The Secretary General has been further directed to state that if the Mission fails to afford the necessary facilities and co-operation in this regard, the Commission shall be obliged to report to the co-Chairmen that the work of the Commission continues to be hindered by the Mission.

5. — The Secretary General takes this opportunity to renew the assurances of his highest consideration.

Sd/ — D.K. ROBERTSON
Lt Col
For Secretary General.

The Chief of the Vietnamese Mission
in charge of Relations with the I.C.C.
Saigon

Digitized by Google

APPENDIX to
OPS/VIII/I/1327
dated 5/6 Apr 62

SPECIFIC INSTANCES OF CONTROLS AND INSPECTIONS HAVING BEEN DENIED OR RENDERED INEFFECTIVE

1. *Documents/manifests were not made available for inspection and spot checks were not permitted*

   a) *Qui-Nhon Team*

   On 17 Jan 62, the Team observed a Vietnamese ship in the harbour unloading cargo. The LO did not make the manifests/documents available to the Team.

   b) *Saigon Team*

   (i) On 11, 12, 14, 15, 16 and 17 Feb 62, the Team observed several ships in the harbour. The LO did not produce documents/manifests in respect of any of these ships.

   (ii) On these days the Team also observed some aircraft at Tan Son Nhut airfield. The LO did not produce documents/manifests pertaining to these aircraft.

   c) *Tourane Team*

   On 4 Dec. 61, the Team observed two transport and one fighter aircraft. On inquiry the LO said that they belonged to Tourane Air Base. The LO did not produce any documents relating to the aircraft and declined to take the Team closer on the ground that it was a military area.

2. *Transport was stated to be not available*

   Cap St Jacques Team

   a) During the weeks ending 27 Jan 62 and 10 Feb 62, the following controls could not be carried out due to transport not having been made available by the LO :

   (i) The weekly control of the river Cua Dai.

   (ii) The weekly control North up to Phan Thiet exclusive but including the main road/railway line.

Digitized by Google

(iii) The twice weekly control of the delta of the Mekong and Bassac rivers, the complete An Xuyen peninsula, the coastal area up to the Cambodian border and including the control of road Rach Gia and Ha Tien.

b) The weekly control of river Cua Dai was scheduled for 15 Mar 62 and due notice was given to the LO. He stated that no boat was available for the time being. The control could not be carried out.

3. *Teams were informed that controls were not permitted by higher authorities*

a) *Cap St Jacques Team*

On 23 Jan 62, the Team observed three vessels in the harbour. The LO declined to give any details and stated that no manifests would be made available hereafter to the Team and that he was not authorised to produce any manifests at the Customs Office for scrutiny by the Team.

b) *Nha Trang Team*

From 16 Jan 62 onwards the LO has not produced documents for ships and planes coming into Nha Trang. The reason given by him was that he had orders from higher authority not to produce documents.

c) *Saigon Team*

14 Dec 61 — The Team requested the LO while on harbour control to take them to the bank of the river at the small harbour to make observations. The LO replied that this harbour belonged to a private company and the company authorities would not permit the Team to use their harbour for observation.

4. *Controls were not permitted on particular days being holidays*

a) *Qui-Nhon Team*

Controls were not carried out on 5, 6 and 7 Feb 62 due to TET Festival.

b) *Tourane Team*

On 18 Mar 62, the harbour was closed as it was a Sunday and as such control could not be exercised.

Digitized by Google

5. *Restrictions were placed on the free movement of Team for various reasons.*

a) *Saigon Team*

(i) 26 Dec 61 — The Team observed one aircraft on the airfield. On enquiry the LO informed the Team that it was a US Embassy plane No. 706 which is included in the list of planes given to the Team. The Team asked the LO to take it nearer or bring the aircraft to a place from where the marking on the plane could be verified. The LO regretted that he was unable to accede to either of the requests.

(ii) On 25 Jan 62, the Team observed 10 aircraft with US markings at Tan-Son-Nhut airfield. The Team asked to be taken across the runway for better observation and spot check of the aircraft. This was not permitted by the LO on the ground that the area of the hangars was a restricted military area.

b) *Tourane Team*

From 27 Jan 62, the Team has not been taken inside the airport. From this date onwards the Team has been asked to carry out the control from the airport waiting-room.

6. *The LO was reported to be sick and no replacement was provided*

Nha-Trang Team

Daily control of harbour and airport was not carried out on 22 Jan 62 due to LO's sickness and no replacement was provided.

7. *The LO was not available to the Team*

Saigon Team

At 1520 hrs on 3 Mar 62, the Team decided to carry out an emergency control of Saigon harbour. The control could not be carried out as no LO was available.

8. *LO stated that he had referred the matter of the particular control to the Mission*

Saigon Team

a) On 16 Jan 62, the Team observed 6 ships and an aircraft carrier with a number of aircraft aboard. The Team asked the LO for manifests and documents relating to the ships.

Digitized by Google

The LO stated that these manifests and documents were not available with him. The Team then asked for a spot check of these vessels. The LO expressed his inability to arrange this on the ground that this was not permitted by his authorities. The LO further stated that in so far as the berthing of the aircraft carrier in this area was concerned he would refer the matter to his superior authorities.

b) On 24 Feb 62, the Team observed 5 ships. The Team requested the LO to produce the manifests and documents. The LO replied that no documents were available with him. The LO was asked to arrange for the spot check but he replied that this was not permitted by the Captain of the ship. The Team then asked about the unloading of the military aircraft from the Herkimer. The LO replied that no information was available with him and he would request his superior authorities for the required information.

9. *It was stated that security could not be provided*

a) *Saigon Team*

On 23 and 27 Jan 62 and 11, 12, 14, 15, 16 and 17 Feb 62, the control of Nha-Be harbour was denied to the Team by the LO on the ground that security arrangements could not be made.

b) *Tourane Team*

The LO was given 48 hrs notice for South control upto Sa-Huynh exclusive. He said, « Regret, the local authorities could not make security arrangements ».

10. *No proof of internal movement was provided*

Tourane Team

Harbour — On 20 Dec 61, a ship Thanh-Long was unloading. The LO said that the ship had come from Saigon. The Team made a request for documents. The LO replied that he would ask for instructions from the Liaison Mission in Saigon. As such the Team requested that a spot check be carried out. He replied « It cannot be carried out and I refuse to allow ». The Team waited for some time but could not satisfy itself in regard to the reported internal movement.

Digitized by Google

Letter to the Liaison Mission of the PAVN High Command

INTERNATIONAL COMMISSION FOR SUPERVISION AND CONTROL IN VIET-NAM

No. OPS/VIII/I/1328 *Saigon, 5/6 Apr 62*

The Secretary General presents his compliments to the Chief of the Liaison Mission of the PAVN High Command and has the honour to refer to the question of mandatory controls by the Commission's Team as laid down in the Geneva Agreement and the Instructions for Teams.

2. — The Commission has observed that its Teams have been denied controls, and have not been afforded all possible assistance and co-operation necessary for the execution of their mandatory tasks. Certain specific instances are given as examples in the attached Appendix. Controls have been denied or rendered ineffective because :

a) documents and manifests were not made available for inspection and spot checks were not permitted ;

b) transport was stated to be mechanically defective or not available ;

c) Teams were informed that controls were not permitted by higher authorities ;

d) controls were not permitted on particular days being holidays ;

e) restrictions were placed on the free movement of Teams for various reasons ;

* *f*) the LO was reported to be sick and no replacement was provided ;

g) the LO was not available to the Team ;

---

* *Note :* LO refers to the Liaison Officer of the Mission attached to the Commission's Teams.

Digitized by Google

h) the matter of a particular control was under correspondence with the Commission ;

i) local control was not arranged on particular days on the ground that a mobile control had been carried out the same day ;

j) the frequency of control decided by the Commission was contested.

3. — It is of the utmost importance for the preservation of peace in Viet-Nam that the Parties afford all co-operation and facilities to the Commission's Teams in the execution of their mandatory tasks in terms of Article 25 of the Geneva Agreement. The Secretary General has been directed to state that the Commission views with great concern that controls have been denied on various grounds listed in para 2 above, which are untenable or where remedial action could have been taken. The Commission wishes to express its concern over the denial of controls on grounds of this nature particularly in view of the serious allegations made concerning the introduction of war material into North Viet-Nam.

4. — The Commission would urge the Mission to afford the fullest co-operation to enable the Commission to discharge its responsibilities under Articles 16 and 17 of the Geneva Agreement. The Secretary General has been further directed to state that if the Mission fails to afford the necessary facilities and co-operation in this regard, the Commission shall be obliged to report to the Co-Chairmen that the work of the Commission continues to be hindered by the Mission.

5. — The Secretary General takes this opportunity to renew the assurances of his highest consideration.

Sd/ — D.K. ROBERTSON
Lt Col
For Secretary General.

The Chief of the Liaison Mission
of the PAVN High Command.
Hanoi

Digitized by Google

APPENDIX to
OPS/VIII/I/1328
dated 5/6 Apr 62

SPECIFIC INSTANCES OF CONTROLS AND INSPECTIONS HAVING BEEN DENIED OR RENDERED INEFFECTIVE

1. — *Documents and manifests were not made available for inspection and spot checks were not permitted.*

a) *Dong-Dang Team*

(i) On 20 Nov 61, the Team controlled an incoming train from China. The Team proposed a spot check of one of the wagons to satisfy itself that the contents of the wagon were as specified in the manifest. The LO stated that he could not arrange for a spot check as he had produced all the manifests.

(ii) On 12, 13, and 14 Feb 62, the LO failed to produce manifests in respect of outgoing trains.

b) *Dong-Hoi Team*

On 29 Sep 61, the Team observed one LI-2 aircraft with registered number 58199 with North Viet-Nam Government markings of the Yellow Star on Red Background, land at Dong-Hoi airfield. 18 persons got down from the plane. No previous intimation was received about this plane. When asked the LO replied that it was a North Viet-Nam Government plane and it was on internal movement. He stated that it was on a test flight. The Team asked for documentary proof. The LO did not produce documents. The Team asked for a spot check which the LO refused.

2. — *Transport was stated to be mechanically defective or not available.*

a) *Haiphong Team*

The control North up to Campha Port inclusive and the control of River Tien-Yen, River Pho-Cu, Tien-Yen airport, road junction at Tien-Yen and road junction immediately West of Tien-Yen were sche-

Digitized by Google

duled for 22 Feb 62. The required notice of 24 hrs was given to the LO but the controls could not be carried out as he informed the Team that two out of three jeeps were out of order and the controls were not possible this week.

b) *Dong-Dang Team*

On 22 Feb 62, the Team was denied local control by the LO as transport was not made available on the ground that the drivers were tired after the mobile control.

3. — *Teams were informed that controls were not permitted by higher authorities.*

Do-Son area, observation from fixed Points 'A' and 'B' is a mandatory task for this Team. Since August 1961, this control has not been permitted. During the week ending 6 Jan 62, Do-Son area Points 'A' and 'B' could not be controlled as the LO stated that the military authorities had not given permission for the Team to enter that area.

4. — *Controls were not permitted on particular days being holidays.*

Laokay Team

a) On Sunday 28 Jan 62 and Sunday 18 Feb 62, local controls were not arranged by the LO on the ground that they were national holidays.

b) No controls were carried out at Laokay airfield on 11 Mar 62, as the LO expressed his inability to arrange for these controls on the ground that it was a national holiday.

5. — *Restrictions were placed on the free movement of Teams for various reasons.*

Haiphong Team

The control of Cat-Bi airfield has not been permitted since August 1961 on the ground that it was being utilised as a Sports Club by the Civil Aviation Department and as such entry was restricted to members only. For example this airfield was not allowed to be controlled during the week ending 6 Jan 62.

Digitized by Google

6. — *The LO was reported to be sick and no replacement was provided.*

a) *Vinh Team*

On 18 Jan 62, control could not be carried out due to the sickness of the LO and no replacement was provided.

b) *Dong-Dang Team*

On 9 Feb 62, the local control could not be carried out due to the sickness of the LO and no replacement was provided.

7. — *The LO was not available to the Team.*

Dong-Dang Team

a) On 26 Aug 61, the control of the Railway Station could not be carried out owing to the absence of the LO who was reported to have gone to Lang-Son.

b) On 27 Aug 61, at 1500 hrs the LO was given notice for control of the incoming train from China which was scheduled to arrive at 1600 hrs. At about 1630 hrs the LO sent a message with the hotel manager to inform the Team that he considered that the Team was still on mobile control. The Team sent word to the LO to come and discuss the validity of his reasoning but he did not turn up and the control was not carried out.

8. — *The matter of a particular control was under correspondence with the Commission.*

Haiphong Team

Mobile control South up to Sam-Son exclusive was not carried out during the week ending 2 Sep 61, as the LO stated that the matter was under reference to the Commission by the PAVN Liaison Mission.

9. — *Local control was not arranged on particular days on the ground that a mobile control had been carried out the same day.*

Dong-Dang Team

On 4, 9, 12 and 18 Jan 62, the LO did not arrange local control on the ground that on these days the Team had carried out mobile controls.

Digitized by Google

10. — *The frequency of control decided by the Commission was contested.*

a) *Laokay Team*

As per IC letter No. OPS/IV/(2)5894 dated 29 Dec 61, the control is to be carried out at least once a day. Pho-Moi Railway Station is to be controlled in accordance with Paragraphs 3 (b) and (c) of Appendix 'O' to the Instructions for Fixed Teams and their mobile elements. From 5 Sep 61 upto 20 Jan 62, controls were allowed only twice a week. From then on, controls have been allowed four times a week. PAVN letter No. 70/QT dated 15 Feb 62 states that instructions have been given to the Liaison Officer concerned requesting him to extend to the Laokay Team all possible assistance with a view to an effective control of Pho-Moi Railway Station. Even after this date, however, controls have been permitted only four times a week, except for the week ending 17 Mar 62, when five controls were permitted as opposed to the full quota.

b) *Vinh Team*

As per the Commission's decision, the control of the road (CR 7) up to the Laotian border and river Nam-Mo is required to be carried out once a fortnight. This has been communicated to the Mission vide IC letters Nos. OPS/III(2)/2107 dated 26 Apr 61 and OPS/III(2)/3830 dated 14 Aug 61. However, no controls have been given since Dec 1960, as the frequency of control is still being contested by the Party.

On 6 Jan 62, for example, the LO expressed his inability to take the Team on the control as he had not received orders to do so from the PAVN.

Digitized by Google

STATEMENT ADDRESSED TO THE CO-CHAIRMEN OF THE GENEVA CONFERENCE BY THE POLISH DELEGATION TO THE INTERNATIONAL COMMISSION FOR SUPERVISION AND CONTROL IN VIET-NAM

The Polish Delegation to the International Commission for Supervision and Control in Viet-Nam presents its compliments to the Co-Chairmen of the Geneva Conference on Indo-China and has the honour to state the following in connection with the special report submitted to them herewith by the Indian and Canadian Delegations which the Polish Delegation declines to sign :

2. — In their special report the Indian and Canadian Delegations have presented a picture of the situation in South Viet-Nam which in the opinion of the Polish Delegation does not correspond with the real state of affairs. It places on the same level doubtful and legally unfounded allegations of one of the Parties, on the one hand, and grave and undeniable violations of the Geneva Agreement substantiated by records and findings of the International Commission on the other. The majority report wrongly admitted unfounded allegation of aggression and subversion brought by the Republic of Viet-Nam against the Democratic Republic of Viet-Nam in spite of the fact that they do not find any legal justification in the stipulations of the Geneva Agreement and furthermore are not substantiated and based on any evidence. These artificial allegations have been advanced in the report as a most important item before a problem described in insignificant terms of receiving military aid from the United States of America. This formulation hides serious and important allegations which have been brought out by the Democratic Republic of Viet-Nam namely the conclusion by the Government of the Republic of Viet-Nam of a military alliance with the Government of the United States of America, the introduction into South Viet-Nam of a great number of the United States military personnel, weapons and war material, the direct participation of this personnel in hostile activities against the population of South Viet-Nam as well as the establishing in South Viet-Nam of a special operational Military Command of the United States of America to direct the Vietnamese and American armed forces.

Digitized by Google

These allegations have been substantiated by the findings of the Commission in previous reports as well as find expression in the current special report of the majority. In the opinion of Polish Delegation this development of the situation constitutes a flagrant violation of the Geneva Agreement, threatens peace in this area and as such should be urgently considered by the International Commission for Supervision and Control and brought to the immediate attention of the Co-Chairmen with a request for action.

3. — Furthermore, the majority has ignored in its special report violation of Article 14 (c) of the Geneva Agreement by the authorities of the Republic of Viet-Nam by persecutions of former resistance members followed by the persecutions of all democratic elements which is certainly one of the most important causes of the wide-spread movement against the Government of the Republic of Viet-Nam which recently has taken various forms of dissatisfaction and struggle.

4. — In the opinion of the Polish Delegation another cause of this movement is the refusal of the Government of the Republic of Viet-Nam to act towards the reunification of Viet-Nam as foreseen in the Geneva Agreement in spite of the repeated proposals made by the Democratic Republic of Viet-Nam and efforts of the International Commission in the past towards facilitating negotiations by the Parties.

5. — In order to cope with this wide-spread national movement the Government of the Republic of Viet-Nam has asked for military assistance of the United States of America which has of late reached a dangerous stage of direct participation of the American armed forces in military operations in South Viet-Nam. The Commission, being a serious obstacle in this development, has been put by the South Vietnamese Party under a constant and growing pressure which made it impossible for the Commission to discharge its duties effectively in accordance with the mandate given to it under the Geneva Agreement. The Commission had to express to the Co-Chairmen in its letter from the 9th November 1961 its grave concern for the future activities of the Commission in Viet-Nam if attempts are made to coerce it and requested the Co-Chairmen to impress on the Republic of Viet-Nam its solemn responsibilities towards the International Commission in Viet-Nam.

6. — The Polish Delegation is compelled to draw the attention of the Co-Chairmen to the gravity of the situation that has developed in South Viet-Nam and to the danger to peace in South-East Asia resulting therefrom. Fundamental provisions of the Geneva Agreement have been violated by the South Vietnamese Party, resulting in an ever-increasing tension, bloodshed and threat of the resumption of hostilities. This tension grows as a result of

Digitized by Google

the operation in South Viet-Nam and neighbouring countries of a steadily increasing number of the armed forces of the United States of America. This danger has been recently high-lighted by the landing of the American troops on the Thai territory along the frontier of Indo-China. In this situation therefore the Polish Delegation requests the Co-Chairmen to take adequate and immediate measures with the view to reducing tension and preserving peace in South Viet-Nam by the withdrawal of the United States armed personnel and war material, dissolution of the United States military assistance Command in South Viet-Nam as well as the observance by the Government of the Republic of Viet-Nam of Article 14 (c) and of all other provisions of the Geneva Agreement. This in the opinion of the Polish Delegation is the only means which shall enable the Commission to perform its mandatory tasks in full accordance with the Geneva Agreement and in the large interest of the Vietnamese people and of peace in South-East Asia.

7. — The Polish Delegation to the International Commission for Supervision and Control in Viet-Nam takes this opportunity to renew to the Co-Chairmen of the Geneva Conference on Indo-China the assurances of its highest consideration.

Signed : LEONARD POHORYLES

Ambassador

Representative of the Polish Peoples' Republic on the International Commission for Supervision and Control in Viet-Nam.

Saigon, 2nd June, 1962.

Digitized by Google

STATEMENT OF THE INDIAN DELEGATION

The Indian Delegation has considered the Statement of the Polish Delegation. It does not agree with many of the views expressed by the Polish Delegation in its Statement, nor with its interpretation of the Special Report. The Indian Delegation reiterates its stand and findings, as formulated in the Special Report, which are strictly in terms of the Commission's responsibilities under the Agreement on the Cessation of Hostilities in Viet-Nam. It is the fervent hope of the Indian Delegation that the Special Report will enable the Co-Chairmen to consider jointly the measures necessary to restore respect for the Geneva Agreement, relax tensions and improve the situation in Viet-Nam.

G. PARTHASARATHI,
Representative of India on the International Commission for Supervision and Control in Viêt-Nam.

Saigon, 2nd June, 1962.

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google